

MỤC LỤC

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ-----	1
1.1. Mục đích tự đánh giá -----	1
1.2. Quy trình tự đánh giá -----	1
1.3 Phương pháp đánh giá-----	1
1.4. Hội đồng Tự đánh giá-----	2
1.5. Quá trình thực hiện báo cáo tự đánh giá -----	3
PHẦN II. TỔNG QUAN CHUNG-----	5
2.1. Tổng quan về trường-----	5
2.1.1. Khái quát về quá trình hình thành và phát triển-----	5
2.1.2 Kết quả nổi bật qua 6 năm hoạt động -----	6
2.1.2.1. Về công tác đào tạo-----	6
2.1.2.2. Về công tác Nghiên cứu khoa học-----	7
2.1.2.3. Về công tác đối ngoại -----	8
2.1.2.4. Về công tác đội ngũ -----	8
2.1.2.5. Về cơ sở vật chất-----	9
2.1.2.6. Về công tác tài chính -----	9
2.1.2.7. Về công tác Đảng, Đoàn thể-----	9
2.1.2.8. Về công tác quản lý -----	10
2.1.3. Định hướng phát triển đến năm 2020, tầm nhìn 2030-----	11
2.1.3.1. Sứ mạng và tầm nhìn-----	11
Sứ mạng -----	11
2.1.3.2. Giải pháp cơ bản nhằm thực hiện định hướng đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030 -----	11
2.2. Những phát hiện chính trong quá trình tự đánh giá-----	12
2.2.1. Một số điểm nổi bật-----	12
2.2.2. Một số tồn tại -----	14
PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG-----	15
TIÊU CHUẨN 1: SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC	15

Tiêu chí 1.1	15
Tiêu chí 1.2	18
TIÊU CHUẨN 2: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	21
Tiêu chí 2.1	21
Tiêu chí 2.2	23
Tiêu chí 2.3	25
Tiêu chí 2.4	27
Tiêu chí 2.5	29
Tiêu chí 2.6	31
Tiêu chí 2.7	32
TIÊU CHUẨN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	36
Tiêu chí 3.1	36
Tiêu chí 3.2	38
Tiêu chí 3.3	40
Tiêu chí 3.4	42
Tiêu chí 3.5	43
Tiêu chí 3.6	45
TIÊU CHUẨN 4: CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	47
Tiêu chí 4.1	47
Tiêu chí 4.2	48
Tiêu chí 4.3	50
Tiêu chí 4.4	52
Tiêu chí 4.5	54
Tiêu chí 4.6	56
Tiêu chí 4.7	57
TIÊU CHUẨN 5: ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN	60
Tiêu chí 5.1	60
Tiêu chí 5.2	62

Tiêu chí 5.3-----	63
Tiêu chí 5.4-----	65
Tiêu chí 5.5-----	66
Tiêu chí 5.6-----	67
Tiêu chí 5.7 -----	69
Tiêu chí 5.8-----	71
TIÊU CHUẨN 6: NGƯỜI HỌC -----	74
Tiêu chí 6.1-----	74
Tiêu chí 6.2-----	76
Tiêu chí 6.3-----	78
Tiêu chí 6.4-----	80
Tiêu chí 6.5-----	82
Tiêu chí 6.6-----	84
Tiêu chí 6.7-----	86
Tiêu chí 6.8-----	88
Tiêu chí 6.9-----	89
TIÊU CHUẨN 7: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ-----	92
Tiêu chí 7.1-----	92
Tiêu chí 7.2-----	94
Tiêu chí 7.3-----	96
Tiêu chí 7.4-----	98
Tiêu chí 7.5-----	100
Tiêu chí 7.6-----	101
Tiêu chí 7.7-----	104
TIÊU CHUẨN 8: HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ -----	106
Tiêu chí 8.1-----	106
Tiêu chí 8.2-----	108
Tiêu chí 8.3-----	109

TIÊU CHUẨN 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC -----	112
Tiêu chí 9.1 -----	112
Tiêu chí 9.2 -----	114
Tiêu chí 9.3 -----	115
Tiêu chí 9.4 -----	117
Tiêu chí 9.5 -----	118
Tiêu chí 9.6 -----	120
Tiêu chí 9.7 -----	121
Tiêu chí 9.8 -----	122
Tiêu chí 9.9 -----	123
TIÊU CHUẨN 10: TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH -----	126
Tiêu chí 10.1 -----	127
Tiêu chí 10.2 -----	131
Tiêu chí 10.3 -----	135
PHẦN IV: KẾT LUẬN -----	140

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Mục đích tự đánh giá

Công tác tự đánh giá nhằm mục đích đánh giá toàn diện các hoạt động của Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang theo 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí kiểm định chất lượng (KĐCL) trường đại học nhằm xác định điểm mạnh để phát huy, mặt tồn tại để xây dựng giải pháp khắc phục và hoàn thiện những điều kiện đảm bảo chất lượng (ĐBCL). Qua đó giúp cho Trường không ngừng cải tiến, nâng cao công tác ĐBCL, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường và hướng đến đạt chuẩn quốc gia trước năm 2020. Kết quả của công tác tự đánh giá là cơ sở phục vụ triển khai công tác đánh giá ngoài, KĐCL theo tiêu chuẩn kiểm định do Bộ GD&ĐT ban hành.

1.2. Quy trình tự đánh giá

Để thực hiện báo cáo tự đánh giá này Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang tuân theo hướng dẫn của thông tư 62/2012/TT-BGD&ĐT của Cục Khảo thí & Kiểm định chất lượng, quy trình tự đánh giá cụ thể như sau:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng.

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được.

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Công bố.

Bước 8: Đăng ký kiểm định chất lượng trường.

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi tự đánh giá và đánh giá ngoài.

1.3 Phương pháp đánh giá

Nhóm công tác chuyên trách dựa vào yêu cầu từng tiêu chí (tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng tiêu chí và mốc chuẩn) để tìm minh chứng, số liệu liên quan và mã hóa theo quy định. Lần lượt mô tả từng tiêu chí dựa trên số liệu, minh chứng của Trường để làm rõ nội hàm của từng tiêu chí, từ đó xác

định điểm mạnh và tồn tại đối với mỗi tiêu chí. Với điểm mạnh trường tiếp tục phát huy, đối với tồn tại thì xác định kế hoạch khắc phục. Trên cơ sở nhìn nhận sự đáp ứng trong các hoạt động của Trường theo yêu cầu của tiêu chí, Trường tự đánh giá kết quả đạt hoặc chưa đạt theo yêu cầu của tiêu chí.

Công cụ đánh giá: Sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, được sửa đổi bổ sung theo văn bản hợp nhất số 06/VBHN – BGDDĐT của Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn từ 02 công văn số 462/KTKĐCLGD – KĐĐH về “*Hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp*” và 527/KTKĐCLGD – KĐĐH về “*Hướng dẫn sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng trường đại học của Cục Khảo thí & Kiểm định chất lượng*”.

Phương thức mã hóa các minh chứng trong báo cáo: Các minh chứng của Trường được mã hóa theo hướng dẫn từ phụ lục 9 của công văn số 462/KTKĐCLGD– KĐĐH của Cục Khảo thí & Kiểm định chất lượng, cụ thể: Mã minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 8 ký tự; bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 4 chữ số, theo công thức: [Hn.c.b.c].

Trong đó:

- H: Viết tắt của cụm từ “Hộp minh chứng”.
- n: Số thứ tự của hộp minh chứng (có giá trị từ 1 đến hết).
- a: Số thứ tự của tiêu chuẩn(Có giá trị từ 1 đến 10).
- b: Số thứ tự của tiêu chí (có giá trị từ 1 đến hết số tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn).
- c: Số thứ tự của tiêu chí (có giá trị từ 1 đến hết)

Ví dụ: [H3.3.2.15]: Là minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp số 3.

1.4. Hội đồng Tự đánh giá

Hội đồng Tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 386 ngày 13 tháng 05 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang.

Hội đồng Tự đánh giá gồm có 23 thành viên. Ban thư ký với 8 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách. Thành viên của các nhóm chuyên trách được lựa chọn từ thành viên của Hội đồng và đại diện các khoa, phòng ban trong trường.

1.5. Quá trình thực hiện báo cáo tự đánh giá

Sau khi BGH công bố chủ trương và kế hoạch tự đánh giá trong toàn trường, Hội đồng Tự đánh giá tổ chức tập huấn và họp phân công trách nhiệm theo nhóm tiêu chuẩn. Các nhóm sử dụng công cụ đánh giá, phương pháp đánh giá và cách thức mã hóa dữ liệu như đã nêu ở trên để tiến hành phân tích tiêu chí, đánh giá và viết báo cáo từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, khi tiến hành tự đánh giá, từng nhóm tiêu chuẩn cũng đối chiếu với những yêu cầu trong thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT để tự rà soát và hướng đến đạt chuẩn quốc gia vào năm 2020. Trưởng nhóm tập hợp và thông qua nội dung đánh giá, kết quả đánh giá là báo cáo từng tiêu chuẩn cùng minh chứng liên quan đã được lập danh mục gửi về Ban thư ký.

Ban thư ký tiến hành rà soát, đối chiếu và góp ý cho các nhóm trong việc điều chỉnh nội dung hoặc bổ sung minh chứng, cập nhật số liệu, tham chiếu các số liệu từ cơ sở dữ liệu, hoạt động này diễn ra nhiều lần trước khi bản dự thảo báo cáo tự đánh giá được trình lên Hội đồng Tự đánh giá thông qua.

Hội đồng Tự đánh giá công bố bản dự thảo để cán bộ, giảng viên trong trường biết, tham gia góp ý, phản biện và có thể cung cấp thêm thông tin, minh chứng để làm rõ hơn báo cáo. Hoạt động này công khai theo quy định cũng là cách thức để toàn trường hiểu được những gì Trường đang làm; từng cá nhân, đơn vị biết mình phải làm gì để đạt yêu cầu chất lượng mà Bộ GD&ĐT đã quy định.

Sau khi tiếp nhận ý kiến, Ban Thư ký tập hợp và tiến hành bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện báo cáo chính thức để Hội đồng thông qua và trình Hiệu trưởng ký và ban hành chính thức văn bản báo cáo tự đánh giá của Trường.

Các kết quả từ quá trình tự đánh giá đã giúp Trường có được cái nhìn sâu sắc và toàn diện về hiệu quả các mảng công tác của Trường, hiệu quả của các

giải pháp mà Trường đã áp dụng trong quá trình cải tiến liên tục, giúp Trường xác định vị thế của mình trong bối cảnh đối với các cơ sở giáo dục khác trong nước và quốc tế. Kết quả tự đánh giá cũng là cơ sở để Trường hoạch định các chiến lược, mục tiêu, kế hoạch hành động phù hợp nhằm phát huy thế mạnh và khắc phục các tồn tại.

PHẦN II. TỔNG QUAN CHUNG

2.1. Tổng quan về trường

2.1.1. Khái quát về quá trình hình thành và phát triển

Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang là trường đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, là cơ sở đào tạo thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được thành lập theo Quyết định số 133/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20 tháng 01 năm 2011, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Nông – Lâm, đến nay Trường tuy mới đào tạo đại học được 06 năm nhưng được kế thừa kinh nghiệm, cơ sở vật chất và đội ngũ của 50 năm đào tạo trung cấp và cao đẳng.

Địa chỉ: Xã Bích Sơn - Huyện Việt Yên - Tỉnh Bắc Giang

Website: [http:// www.bafu.edu.vn](http://www.bafu.edu.vn)

Tên của Nhà trường qua các thời kỳ:

- Trường Trung cấp Nông trường 1959 – 1965
- Trường Trung cấp Trồng trọt Sông Lô 1966 – 1983
- Trường Trung học kỹ thuật Nông nghiệp Trung ương 1984 – 1999
- Trường Cao đẳng Nông – Lâm 1999 – 2010
- Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang 2011 đến nay

Trải qua các thời kỳ đào tạo Trung cấp và Cao đẳng, Trường luôn là cơ sở đào tạo đảm bảo chất lượng, cung cấp cán bộ kỹ thuật nông lâm nghiệp cho cả nước. Trường không ngừng phát triển về quy mô, ngành nghề đào tạo, đội ngũ cán bộ giáo viên và là một trong các trường dẫn đầu phong trào thi đua của Bộ Nông nghiệp và PTNT; được Nhà nước, Chính phủ trao tặng nhiều huân, huy chương - đặc biệt năm 2005 được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.

Trường có chức năng, nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học và công nhân nghề về kinh tế, kỹ thuật trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, đáp ứng sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần tích cực cho sự nghiệp công nghiệp

hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh đó nhà trường còn có nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ hoạt động đào tạo và đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành.

Cơ cấu tổ chức của Trường: Ban Giám hiệu gồm Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng; 08 phòng chức năng; 08 khoa chuyên môn; 04 trung tâm trực thuộc Trường; 01 Trung tâm trực thuộc khoa; Tổ chức Đảng, đoàn thể gồm: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên. Tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên của trường là 243 người, trong đó giảng viên 155 người chiếm 73,5%. Số cán bộ giảng dạy có trình độ từ thạc sĩ trở lên đạt 97.4% trong đó tiến sĩ chiếm 23.8%.

Trường ĐHNLBG là trường công lập, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành Nông nghiệp & PTNT và các ngành kinh tế khác. Thực hiện nghiên cứu ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật và công nghệ góp phần phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và sự phát triển của đất nước, có khả năng hội nhập khu vực và quốc tế.

Hiện nay, Trường đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học, cao đẳng theo các loại hình đào tạo Chính quy, vừa làm vừa học và liên kết đào tạo. Trường có 04 ngành đào tạo thạc sĩ; 13 chuyên ngành đào tạo đại học, Trường đã cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần tích cực vào sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trường thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2.1.2 Kết quả nổi bật qua 6 năm hoạt động

2.1.2.1. Về công tác đào tạo

Khi mới được thành lập, Trường có 4 ngành đào tạo đại học gồm Kế toán, Khoa học cây trồng, Chăn nuôi và Quản lý đất đai. Đến nay, Trường đã

tổ chức đào tạo 4 ngành thạc sĩ, 13 chuyên ngành đại học; 6 chuyên ngành đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, Trung cấp lên Đại học và Cao đẳng lên Đại học. Trường đã công bố chuẩn đầu ra cho 100% chuyên ngành đào tạo trước toàn xã hội và đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá lần 1 vào tháng 5 năm 2014.

Qua 6 năm xây dựng và phát triển, Trường hiện có 8 khoa, 5 trung tâm đào tạo, nghiên cứu ứng dụng, phục vụ, tổ chức đào tạo. Trường đã tuyển sinh được 02 khóa thạc sĩ với gần 200 học viên, 6 khóa đại học, 6 khóa cao đẳng và 5 khóa đào tạo vừa làm vừa học với hơn 5000 sinh viên. Trường đã có 03 khóa tốt nghiệp đã cung cấp cho xã hội hơn 1000 kỹ sư.

Trong giai đoạn 2011 – 2015, Trường đã tiến hành ký kết hợp tác đào tạo, tuyển dụng với nhiều doanh nghiệp và tập đoàn trong và ngoài nước về công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Điều này chứng tỏ sự tín nhiệm ngày càng cao của các doanh nghiệp trong và ngoài nước đối với chất lượng đào tạo của Trường.

Có được thành công trong công tác đào tạo nêu trên, là do Trường đã tiến hành xây dựng và chuyển đổi đào tạo theo học chế tín chỉ. Chương trình đào tạo được tái cấu trúc theo hướng chú trọng thực hành với tỉ lệ 60% lý thuyết và 40% thực hành, áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại. Nhà trường đã chủ trương hợp tác liên kết với các trường đại học tiên tiến, đẩy mạnh nâng cao chất lượng hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2.1.2.2. Về công tác Nghiên cứu khoa học

Thống kê từ năm 2012 đến nay, Trường có 01 đề tài NCKH cấp Nhà nước, 168 đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên phục vụ cho công tác đào tạo tại trường và xã hội; có 215 bài báo đăng tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; trong đó có 18 bài báo có chỉ số ISI. Trường đã tổ chức, chủ trì nhiều hội nghị trong nước và quốc tế về các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Trường. Các công trình NCKH của giảng viên và sinh viên đã đạt được thành tích đáng khích lệ với nhiều giải thưởng cấp Bộ, ngành.

2.1.2.3. Về công tác đối ngoại

Đối với quan hệ trong nước: Trường nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đến sự nghiệp phát triển của Trường. Trường đã đón Phó Thủ Tướng, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc về thăm và làm việc. Trường thường xuyên được Bộ GD&ĐT, Bộ Nông nghiệp & PTNT, các cơ quan Trung ương, các tổ chức trong và ngoài nước tạo điều kiện cho trường phát triển. Trường đã quan hệ tốt với UBND Tỉnh, Sở GD&ĐT, Sở KH&CN... tỉnh Bắc Giang, UBND Tỉnh, Sở GD&ĐT, Sở KH&CN các tỉnh trên địa bàn Miền Bắc và cả nước. Trường luôn chú trọng việc xây dựng mối quan hệ với các trường đại học, Cao đẳng thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT và các trường đại học, cao đẳng trong phạm vi cả nước.

Đối với quan hệ nước ngoài: Đến nay, Trường đã thực hiện chương trình hợp tác và chuyển giao công nghệ, hợp tác NCKH, trao đổi sinh viên, tổ chức thực tập sinh với các nước Nhật Bản, Israel. Đây là mạng lưới kết nối các trường đại học nhằm tạo điều kiện cho sinh viên giao lưu, trao đổi, học hỏi lẫn nhau. Ngoài ra, Trường cũng đón nhiều đoàn của nhiều trường đại học từ các quốc gia như Đức, Pháp, Trung Quốc, Hà Lan đến thăm và làm việc. Các đối tác nước ngoài trong quá trình hợp tác đã chia sẻ những kinh nghiệm trong công tác quản lý giáo dục, đào tạo, NCKH đã góp phần giới thiệu Trường ra thế giới, tạo điều kiện để Trường hội nhập trong hoạt động giáo dục toàn cầu.

2.1.2.4. Về công tác đội ngũ

Trường đã xây dựng được một đội ngũ với hơn 200 cán bộ, trong đó có 155 giảng viên cơ hữu với 23.6% có trình độ tiến sĩ, hơn 70% có trình độ thạc sĩ trở lên và trên 50 giảng viên thỉnh giảng. Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT. Trường đã cử hàng trăm lượt cán bộ giảng viên đi học tập, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tại các nước như: Pháp, Nga, Balan, Hàn Quốc, Úc, Trung Quốc... chỉ tính trong 5 năm từ 2012 – 2017, tổng giá trị đầu tư cho đội ngũ của trường đi học tập, bồi dưỡng là hơn một tỷ đồng.

2.1.2.5. Về cơ sở vật chất

Về cơ sở vật chất: Trường có tổng diện tích đất sử dụng 58.7 ha. Trong đó diện tích nhà làm việc: 6.800m²; Giảng đường: 9000 m²; Khu vui chơi giải trí: 14.282 m², ký túc xá 7.450 m²; Thư viện 2.517 m² với tổng số sách 11000 đầu sách; Phòng học tin với 204 máy tính; Hệ thống internet đường truyền cáp quang, truy cập không dây trong tất cả các khu vực làm việc, học tập, nghiên cứu khoa học và thư viện, người học truy cập internet không phải trả tiền. Phòng học tiếng với 50 cabin; Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm 5401.7m² với 46 phòng phục vụ các lĩnh vực đào tạo Trồng trọt, Chăn nuôi – Thú y, Quản lý đất đai; Lâm nghiệp; Công nghệ sinh học; Công nghệ thực phẩm ... với tổng số trang thiết bị phục vụ thí nghiệm có giá trị giá hàng chục tỷ đồng; Nhà kính trị giá 9,7 tỷ đồng; 3000m² nhà lưới trị giá 2 tỷ đồng; Trại chăn nuôi có diện tích 1.186 m²; Vườn tiêu bản thực vật, Vườn ươm, đồng ruộng và 02 ha rừng.

2.1.2.6. Về công tác tài chính

Trường hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi, thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán. Nguồn thu của trường chủ yếu là học phí và các khoản lệ phí liên quan đến nhiệm vụ đào tạo. Trường nghiêm túc thực hiện các chính sách quy định về quyền lợi cho người học là con thương binh, liệt sĩ, mồ côi, hộ nghèo, miền núi; Trường tích cực ủng hộ các quỹ khuyến học, từ thiện.

Trường thực hiện nghiêm túc về trách nhiệm và nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Công tác kiểm toán, kiểm toán theo niên độ và quyết toán tài chính được Trường thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Kết quả kiểm toán và quyết toán cho thấy Trường không có sai phạm nào trong công tác quản lý tài chính.

2.1.2.7. Về công tác Đảng, Đoàn thể

Đảng bộ Trường hiện có 180 Đảng viên là cán bộ giảng viên và hơn 50 đảng viên là sinh viên. Đảng bộ trường nhiều năm liền được Đảng bộ cấp trên

công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Công đoàn trường có hơn 200 đoàn viên tham gia.

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên nhà trường thực sự là nòng cốt cho trên 2000 sinh viên trong học tập, NCKH, Thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới ở một số Tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc; tham gia các phong trào hiến máu nhân đạo, sinh viên tình nguyện “ Mùa hè xanh”, “ Câu lạc bộ Thiện nguyện”... do Đoàn cấp trên phát động. Đoàn trường đã nhận được nhiều phần thưởng của Trung ương Đoàn và Tỉnh Đoàn Bắc Giang, Ủy ban nhân dân Tỉnh Bắc Giang trong nhiều năm qua.

2.1.2.8. Về công tác quản lý

Công tác quản lý của Trường được chú trọng và thường xuyên cải tiến, bám sát việc thực hiện các nhiệm vụ cơ bản:

Thứ nhất, xây dựng chiến lược phát triển Trường trong từng giai đoạn 5 năm, thường xuyên rà soát và bổ sung các chỉ số trong chiến lược phát triển Trường.

Thứ hai, Trường xác định mô hình đào tạo là “Đào tạo theo định hướng ứng dụng”.

Thứ 3, đổi mới công tác quản lý khoa và bộ môn trong tất cả mọi hoạt động quản lý chương trình đào tạo, kế hoạch, khối lượng giảng dạy; tổ chức hoạt động NCKH và quan hệ đối ngoại, quản lý giảng viên, nhân viên và người học, quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và NCKH; đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập; chuẩn hóa và không ngừng nâng cao trình độ cho cán bộ, giảng viên.

Thứ tư, đổi mới công tác thi đua. Kết quả thi đua của tập thể, cá nhân trong năm là cơ sở để Trường xây dựng chính sách lương, thưởng và phúc lợi. Trường đã ban hành quy định và lượng hóa công tác đánh giá thi đua trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của giảng viên, cán bộ nhân viên. Công tác thi đua đã mang lại sự đồng thuận cao trong toàn trường, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện công việc và mang lại sự công bằng trong thu nhập đối với mọi thành viên trong trường.

Thứ năm, ứng dụng CNTT trong quản lý. Trường đã phát triển hệ thống phần mềm phục vụ đào tạo, quản lý nhân sự, công văn nội bộ, quản lý Thư viện; phần mềm lấy ý kiến phản hồi của người học cho sinh viên và Cán bộ/giảng viên và nhiều phần mềm ứng dụng khác.

Mục tiêu của Trường đặt ra là “Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện với người học, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của xã hội”.

2.1.3. Định hướng phát triển đến năm 2020, tầm nhìn 2030

2.1.3.1. Sứ mạng và tầm nhìn

Sứ mạng

Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang có sứ mạng đào tạo cán bộ kỹ thuật trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học; nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, quản lý kinh tế; quản lý tài nguyên môi trường. Cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có chất lượng cao, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới.

Tầm nhìn

Đến năm 2030 là trường đại học đa ngành, đa phương thức đào tạo có uy tín trong cả nước về đào tạo và nghiên cứu theo định hướng ứng dụng trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, công nghiệp thực phẩm và tài nguyên môi trường. Uy tín và thương hiệu Nhà trường được khẳng định chủ yếu thông qua môi trường văn hóa tri thức, chất lượng đào tạo, sản phẩm khoa học công nghệ.

2.1.3.2. Giải pháp cơ bản nhằm thực hiện định hướng đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030

Thực hiện đột phá trong Đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; Đa dạng hóa nguồn thu, gắn từng ngành đào tạo với các mảng dịch vụ.

Thực hiện gắn kết các ngành đào tạo của Trường với người sử dụng lao động; gắn kết giữa đào tạo của Trường với các doanh nghiệp; gắn kết giữa

Trường với các cơ sở nghiên cứu; gắn kết giữa Trường với các đại học và đơn vị đào tạo khác; gắn kết giữa trường với các trường phổ thông trung học.

Triển khai các giải pháp: Tuyển sinh, công tác đào tạo, công tác NCKH, hợp tác Doanh nghiệp, Quan hệ, hợp tác và hội nhập quốc tế; xây dựng cơ sở vật chất; xây dựng đội ngũ; công tác tài chính; thi đua và khen thưởng.

2.2. Những phát hiện chính trong quá trình tự đánh giá

2.2.1. Một số điểm nổi bật

Về sứ mạng, mục tiêu: Trường đã xác định và tuyên bố rõ ràng sứ mạng, mục tiêu của mình, công khai rộng rãi đến các bên có liên quan. Sứ mạng, mục tiêu bám sát luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, bối cảnh KT- XH của đất nước, quốc tế và tình hình cụ thể của Trường.

Về công tác quản lý, tổ chức và phát triển đội ngũ: Công tác quản lý và tổ chức của Trường thực hiện hiệu quả, tạo sự ổn định và phát triển liên tục trong những năm qua. Mỗi vị trí công việc đều có tiêu chuẩn chức danh được phân công, phân nhiệm rõ ràng, các nhiệm vụ chính được quy trình hóa với các chính sách hiệu quả. Trong những năm qua Trường đã nâng cao về số lượng lẫn chất lượng của đội ngũ thông qua công tác tuyển dụng, quy hoạch, bồi dưỡng chuyên môn trong và ngoài nước.

Về công tác đào tạo: Tất cả các chương trình đào tạo được thiết kế theo hình thức đào tạo theo tín chỉ, đảm bảo tính liên thông ngang – dọc, chương trình đào tạo được rà soát, chỉnh sửa dựa trên việc khảo sát ý kiến của các bên có liên quan cũng như tham khảo chương trình đào tạo tiên tiến của các trường. Trường chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Công tác thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy trình nghiêm ngặt, do đơn vị độc lập tổ chức thực hiện và giám sát.

Về công tác sinh viên và hỗ trợ việc làm: Phương châm của Trường là “Tất cả vì quyền lợi học tập và việc làm của sinh viên”. Trường không ngừng đầu tư cơ sở vật chất và thư viện, đổi mới chương trình, xây dựng đội ngũ

giảng viên có trình độ, ban hành nhiều chính sách và thành lập các đơn vị chức năng nhằm phục vụ và hỗ trợ tối đa cho người học. Trường tổ chức khảo sát ý kiến sinh viên định kỳ 2 lần/ năm, sinh viên được tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động Văn – Thể - Mỹ và nhiều hoạt động xã hội, tình nguyện. Hàng năm Trường tổ chức ngày hội việc làm, sinh viên tốt nghiệp có việc làm đạt tỉ lệ cao.

Về NCKH: Trường được nâng cấp từ trường Cao đẳng năm 2011, nhận thấy về NCKH còn yếu, Trường đã xác định NCKH là nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch phát triển giai đoạn đến năm 2020. Để thực hiện mục tiêu chiến lược, Trường đã xây dựng các chính sách, phát triển đội ngũ, xây dựng phòng thí nghiệm, tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác NCKH của Trường. Những giải pháp trên đã mang lại những thành quả đáng khích lệ như Trường đã có đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, công bố nhiều bài báo trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước, đạt được nhiều giải thưởng của sinh viên về NCKH thông qua các cuộc thi.

Về hợp tác quốc tế: Trường tích cực hợp tác với các trường đại học, các tổ chức nước ngoài như Nhật Bản, Trung Quốc, Israel, Đức. Các chương trình hợp tác được triển khai hiệu quả góp phần to lớn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phát triển đội ngũ của Trường.

Về quản lý tài chính và phát triển cơ sở vật chất: Trường được giao tự chủ về tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Do yêu cầu về tính tự chủ tài chính ngày càng cao, Nhà trường đã xây dựng các giải pháp chiến lược tạo nguồn vốn và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Để hoạt động có hiệu quả nhà trường chủ động khai thác các nguồn thu khác như học phí, lệ phí và các hoạt động dịch vụ nghiên cứu khoa học gắn

với lĩnh vực chuyên môn đào tạo, bên cạnh đó đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế để có được nguồn tài trợ từ các hoạt động này.

Các nguồn kinh phí đều được sử dụng hợp lý để phục vụ ngày càng tốt hơn cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, viết giáo trình; hỗ trợ giảng viên học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ, chuyên môn; hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động đoàn thể; khám sức khỏe định kỳ và các hoạt động khác của nhà trường.

Trường cũng đã dành nguồn kinh phí lớn để đầu tư xây dựng mới, sửa chữa và nâng cấp một số hạng mục công trình, bổ sung trang thiết bị đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và tiếp cận với công nghệ hiện đại.

2.2.2. Một số tồn tại

Các tồn tại chính có thể kể đến như chưa phát triển đa dạng các mảng dịch vụ, tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ mới gần đạt 25%, chưa đáp ứng theo yêu cầu trường đại học đạt chuẩn quốc gia, chưa có chương trình đào tạo được kiểm định hoặc đánh giá đồng cấp, tính hấp dẫn của các ngành nghề đào tạo chưa cao, số lượng sinh viên còn ít, cũng như chưa đa dạng hóa các nguồn thu.

PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

TIÊU CHUẨN 1: SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Mở đầu

Sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển tương lai của Trường, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang và cả nước. Căn cứ vào bối cảnh thực tế trong quá trình phát triển, Trường định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh sứ mạng trong từng giai đoạn cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Sứ mạng của Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang đã được tuyên bố chính thức trong Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Cụ thể như sau “Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang có sứ mạng đào tạo cán bộ kỹ thuật trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học; nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, quản lý kinh tế; quản lý tài nguyên môi trường. Cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có chất lượng cao, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới”.[H1.1.1.1];

Trên cơ sở phân tích bối cảnh trong nước, quốc tế và thực trạng về nguồn nhân lực cũng như định hướng của Trường, Đảng ủy, Ban giám hiệu, Hội đồng trường tổ chức các cuộc họp nhằm thảo luận, góp ý, phản biện cho việc xây dựng nội dung sứ mạng này. Nội dung sứ mạng của Trường thể hiện rõ sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ như “Xây dựng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang trở thành trường đại học có uy tín. Một cơ sở đào tạo, nghiên

cứu khoa học với nhiều ngành thuộc khối Nông, Lâm, Ngư nghiệp và Kinh tế - Tài chính; Quản lý tài nguyên môi trường. Một trung tâm nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trong các lĩnh vực nói trên đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc gia; đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc cũng như trong cả nước”; “Xây dựng thương hiệu Nhà trường với định hướng ứng dụng, đào tạo kỹ năng đảm bảo cho sinh viên sau khi ra trường có đầy đủ năng lực có thể đáp ứng yêu cầu công việc thuộc vị trí được phân công, coi đó là điểm đặc thù, là bản sắc của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, đảm bảo cho trường phát triển một cách độc lập bền vững” [H1.1.1.1].

Sứ mạng của Trường đã thể hiện được chức năng của trường đại học là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Nông – Lâm – Ngư nghiệp, Quản lý kinh tế và Quản lý tài nguyên môi trường. Điều này, thể hiện qua các trình độ đào tạo của Trường từ cao đẳng đến thạc sĩ với các ngành nghề đào tạo khác nhau. Để nâng cao chất lượng đào tạo, Trường đã hợp tác cùng với các trường đại học uy tín, doanh nghiệp, chuyên gia về đào tạo, chuyển giao công nghệ, góp ý xây dựng chương trình, trong 5 năm qua Trường đã có 03 khóa sinh viên ra trường, cung cấp cho xã hội hơn 1000 kỹ sư có chất lượng. [H1.1.1.2]

Sứ mạng của Trường cũng phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước giai đoạn 2015 – 2020, được xác định trong báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X “... tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại hóa” [H.1.1.1.3]. Đồng thời, đáp ứng mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh Bắc Giang, cụ thể như Sứ mạng của Trường đã xác định được vai trò của mình trong đào tạo và nghiên cứu, tạo điều kiện cho con em đồng bào các dân tộc tỉnh Bắc Giang và các tỉnh trong khu vực được học tập, tiếp cận tri thức khoa học để làm giàu ngay trên quê hương mình, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong chiến lược phát triển nông nghiệp và

nông thôn đã nhấn mạnh mục tiêu yêu cầu phát triển sản xuất Nông - Lâm nghiệp để phục vụ tốt yêu cầu tiêu dùng nông sản phẩm trong nước với chất lượng và số lượng ngày càng tăng, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đồng thời đáp ứng yêu cầu xuất khẩu hàng hóa có tốc độ tăng trưởng và sức cạnh tranh cao, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn cân bằng sinh thái. Như vậy, sứ mạng của Trường hoàn toàn phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước. [H1.1.1.4]; [H1.1.1.5]

Sứ mạng của Trường cũng phù hợp với mục tiêu tổng quát mà chính phủ đề ra trong chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam đến năm 2020, cụ thể “ Đến năm 2020, nền giáo dục nước ta được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện, gồm: giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức, đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân, từng bước hình thành xã hội học tập” [H1.1.1.5].

Sứ mạng của Trường được công bố công khai, rộng rãi đến mọi thành viên trong toàn trường, trên các phương tiện truyền thông và được triển khai cụ thể hàng năm trong các kế hoạch của Trường. Đối với các đơn vị có liên quan bên ngoài trường, hàng năm thông qua website và các hoạt động như hội chợ việc làm, hội nghị việc làm, hội thảo trong và ngoài nước, các ngày lễ khai giảng, tốt nghiệp, kỷ niệm ngày thành lập trường, Trường luôn công khai, phổ biến sứ mạng và mô hình đào tạo tại các diễn đàn trên [H1.1.1.6].

2. Điểm mạnh

Sứ mạng của Trường đã được công bố rộng rãi đến cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên toàn trường bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Tồn tại

Sứ mạng của Trường chưa được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan ngoài trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường tiếp tục tuyên truyền và phổ biến sứ mạng của Trường đến các bên có liên quan thông qua kế hoạch tuyển sinh hàng năm, cụ thể như qua cataloge giới thiệu; qua các hoạt động hợp tác, tiếp xúc với các bên có liên quan; qua báo chí; tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường trung học phổ thông; và công tác quảng bá trên truyền hình.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang giai đoạn 2015 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, mục tiêu của Trường được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo quy định tại Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học, cụ thể như “đào tạo kỹ năng đảm bảo cho sinh viên sau khi ra trường có đầy đủ năng lực (bao gồm cả kỹ năng chuyên môn và kỹ năng tổ chức quản lý quá trình sản xuất) có thể đáp ứng yêu cầu công việc thuộc vị trí được phân công, coi đó là điểm đặc thù, là bản sắc của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, đảm bảo cho trường phát triển một cách độc lập bền vững” [H1.1.1.1].

Để thực hiện các nội dung trong sứ mạng, Trường đã đề ra các mục tiêu để thực hiện như “Xây dựng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang trở thành trường đại học có uy tín. Một cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học với nhiều ngành thuộc khối Nông, Lâm, Ngư nghiệp và Kinh tế - Tài chính; Quản lý tài nguyên môi trường. Một trung tâm nghiên cứu và chuyển giao khoa học

công nghệ trong các lĩnh vực nói trên đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc gia; đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc cũng như trong cả nước” ; “Đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam, khu vực” [H1.1.2.1].

Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động của Trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo từng giai đoạn. Trong mỗi giai đoạn, Trường tiến hành rà soát, tổ chức lấy ý kiến cho việc xây dựng các mục tiêu để phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, vùng, đất nước và yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Trường đã thành lập Hội đồng trường để thực hiện mục tiêu đổi mới quản lý gồm các nhà khoa học trong và ngoài trường nhằm góp ý cho việc xây dựng mục tiêu chiến lược và giải pháp thực hiện. [H1.1.2.2]

Trong thực tế, những năm qua tình hình thế giới có nhiều biến đổi nhanh chóng đã tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, góp phần tạo nên sự thay đổi về cơ chế, chính sách trong nhiều lĩnh vực nhất là lĩnh vực giáo dục đào tạo. Điều này đã tác động đến việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của trường cũng như Trường cần phải có sự thay đổi để phù hợp với xu thế phát triển. Vì vậy, trên cơ sở rà soát Chiến lược phát triển trường, Trường đã đề ra hệ thống mục tiêu tổng quát, được cụ thể hóa bằng các mục tiêu, chỉ số và đề ra giải pháp triển khai thực hiện. Trường đã trình Bộ Nông nghiệp & PTNT xin điều chỉnh chức năng và nhiệm vụ của trường cho phù hợp với tình hình mới và xu thế phát triển [H1.1.2.4].

Trên cơ sở những mục tiêu chiến lược, hàng năm, Ban Giám hiệu ban hành kế hoạch nhiệm vụ năm học, các đơn vị bám sát nhiệm vụ năm học và có kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình đến từng cá nhân. Các đơn vị, cá nhân đều có kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ từng tháng cũng như học kỳ, năm học. Các kế hoạch và mục tiêu năm học được công bố rộng rãi bằng văn bản và được gửi đến các đơn vị và cá nhân

trong toàn Trường. Hằng năm Trường đều tổ chức các buổi sơ kết, tổng kết để đánh giá công tác đã đạt được và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho năm mới theo từng lĩnh vực công tác [H1.1.2.5].

Trong những năm qua, Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang luôn là ngọn cờ đầu trong công tác thi đua của khối các trường thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT, được Bộ Nông nghiệp & PTNT tặng “Cờ thi đua xuất sắc” [H1.1.2.6].

2. Điểm mạnh

Hệ thống mục tiêu của Trường đo lường được và gắn với mốc thời gian cụ thể.

3. Tồn tại

Các mục tiêu chiến lược chưa được công bố công khai trên website của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Trường tổng hợp danh mục mục tiêu và các chỉ số, công bố công khai trên website của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Kết luận tiêu chuẩn 1

Sứ mạng được xây dựng và công bố công khai, rộng rãi, định hướng cho mọi hoạt động của Trường. Hệ thống mục tiêu chiến lược được xây dựng bám sát sứ mạng của Trường, mục tiêu của Luật giáo dục Đại học và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đất nước. Các mục tiêu còn thể hiện rõ các chỉ số cần đạt được và mốc thời gian thực hiện một cách cụ thể, thuận lợi cho việc đo lường, đánh giá. Sứ mạng của Trường được công khai đến các đơn vị và cá nhân trong toàn trường, tuy nhiên chưa được phổ biến rộng rãi đến các đơn vị có liên quan bên ngoài trường. Vì vậy Trường đã xác định việc cần phải tiếp tục công tác tuyên truyền và phổ biến rộng rãi sứ mạng của Trường đến với xã hội thông qua các hoạt động cụ thể trong kế hoạch tuyển sinh hàng năm.

TIÊU CHUẨN 2: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mở đầu

Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang là trường đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, là cơ sở đào tạo thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT được thành lập theo Quyết định số 133/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20 tháng 01 năm 2011, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Nông – Lâm. Trong quá trình hoạt động Trường xây dựng bộ máy quản lý, ban hành hệ thống văn bản, tiêu chuẩn chức danh, chức năng – nhiệm vụ cho từng đơn vị và từng vị trí công việc cụ thể. Trường có đầy đủ các tổ chức Đảng, Hội đồng trường, Đoàn thể, có bộ phận chuyên trách về thanh tra, Khảo thí và đảm bảo chất lượng. Để triển khai nhiệm vụ, Trường xây dựng kế hoạch chiến lược dài hạn, kế hoạch hành động từng năm và tổ chức đánh giá tổng kết theo năm, theo giai đoạn một cách đầy đủ. Những hoạt động trên đã góp phần nâng cao năng lực quản lý Trường theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT, quy định của Bộ Nông nghiệp & PTNT và đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường được xây dựng dựa vào Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ Trường Đại học. Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, chịu sự quản lý về giáo dục đào tạo của Bộ GD&ĐT, chịu sự quản lý theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Cơ cấu tổ chức và quản lý của trường theo 3 cấp: Trường - Khoa/Phòng/Trung tâm - Bộ môn/ Tổ công tác theo cấu trúc chung của các trường đại học phù hợp với Luật Giáo dục; Điều lệ trường Đại học và cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường, làm việc theo chế độ

thủ trưởng và theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có phân cấp quản lý. Trường đã xây dựng bộ máy quản lý gồm: Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Hội đồng trường gồm 19 thành viên, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, 8 Khoa chuyên môn, 8 phòng ban, 5 Trung tâm. Tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Trường cũng được tổ chức theo đúng quy định của pháp luật, Đảng bộ Trường trực thuộc Đảng bộ các cơ quan Tỉnh Bắc Giang. Hiện nay, Trường chưa có các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo hình thức doanh nghiệp bên trong nhà trường, hiện tại mới chỉ có một trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ nông - lâm nghiệp [H2.2.1.1].

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường được ban hành trong văn bản số 1631/QĐ-BNN-TCCB ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT [H2.2.1.2]. Quy chế này là cơ sở việc xây dựng bộ máy và triển khai các hoạt động trong trường. Các thành viên trong BGH được phân công nhiệm vụ rõ ràng, được giao phụ trách các mảng công tác, đơn vị cụ thể [H2.2.1.3]. Tất cả các đơn vị trong Trường khi thành lập đều có quyết định và quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể dựa vào quy chế tổ chức và hoạt động đã được phê duyệt. Trên cơ sở đó trường đơn vị phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của đơn vị mình. Các phòng ban chức năng như phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí & ĐBCLĐT, Phòng Tổ chức cán bộ khi thành lập đều có đầy đủ chức năng – nhiệm vụ đơn vị và bảng phân công trách nhiệm cho từng thành viên trong đơn vị [H2.2.1.4].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Trường thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đáp ứng được mục tiêu chiến lược.

3. Tồn tại

Trường chưa thành lập được nhiều các cơ sở sản xuất , kinh doanh, dịch vụ trong trường đại học.

4. Kế hoạch hành động.

Từ năm 2018, Trường sẽ nghiên cứu việc thành lập thêm đơn vị theo hình thức doanh nghiệp hoặc trung tâm dịch vụ bên trong trường để triển khai mạnh mẽ các dịch vụ về chuyển giao Khoa học công nghệ, dịch vụ cho sinh viên, dịch vụ phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Ngay từ khi mới thành lập Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, trong các quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc, nhà trường đều quy định rõ về cơ cấu tổ chức, quản lý và chức năng, nhiệm vụ cho từng lĩnh vực hoạt động. Hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường như: Quy chế đào tạo, Quy chế Quản lý học sinh sinh viên, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý và bồi dưỡng cán bộ viên chức, Quy định về ra đề thi và đáp án thi kết thúc học phần, Quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần, Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học... [H2.2.2.1]; [H2.2.2.2], [H2.2.2.3], [H2.2.2.4]. Hệ thống các văn bản về tổ chức và quản lý do Trường ban hành đã được gửi đến từng đơn vị trực thuộc, đăng tải trên website và phổ biến rộng rãi trong toàn trường. Hệ thống văn bản quản lý của Trường bao gồm các quyết định, quy chế, quy định của Hiệu trưởng, các quyết nghị của các Hội nghị, các kế hoạch công tác năm, tháng, tuần, các kết luận giao ban hàng tháng, các biểu mẫu... Hệ thống các văn bản trên được phổ biến rộng rãi theo từng cấp quản lý, đến tất cả CBVC thông qua nhiều hình thức như hội họp, công văn, thông báo, được niêm yết trên các bảng thông báo chung, trên bản tin nội bộ hằng tháng và trên website [H.1.1.1.6]. Nhà trường đã sớm ban hành “Quy chế thực hiện dân chủ trong Nhà trường”. Mọi công việc nhà trường đều có kế hoạch và được công khai, minh bạch, được giám sát bởi các tổ chức đoàn thể như Đoàn

Thanh niên, Công đoàn, đặc biệt là hệ thống thanh tra (Thanh tra nhân dân, thanh tra giáo dục) [H2.2.2.7]. Hệ thống các văn bản về tổ chức và quản lý của Trường được triển khai có hiệu quả tại các đơn vị.

Tất cả các văn bản quy định về quản lý, điều hành đều dựa trên cơ sở Luật Giáo dục, Luật giáo dục Đại học, điều lệ trường đại học và các quy định, quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo [H1.1.2.1]; Bộ Nông nghiệp & PTNT và các văn bản quy phạm pháp luật. Trường tiến hành rà soát và cập nhật văn bản nội bộ kịp thời. Tuy nhiên công tác rà soát và cập nhật chưa được tổ chức định kỳ.

Mỗi hệ thống văn bản được tổ chức, triển khai, quản lý riêng biệt và hoạt động theo mảng công việc có liên quan, không có sự chồng chéo về nội dung và được phổ biến rộng rãi trong toàn trường. Cụ thể như để thông tin được truyền đạt nhanh chóng, chính xác đến mọi đơn vị, cán bộ, giảng viên, chuyên viên và nhân viên, Trường sử dụng hệ thống mạng nội bộ, email trường và phần mềm quản lý văn bản. Để cung cấp thông tin liên quan đến công tác đào tạo cho giảng viên và sinh viên, Trường có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo CMC, phần mềm quản lý văn bản... Thông qua các hệ thống quản lý trên, văn bản được triển khai đến các đơn vị và cá nhân nhanh chóng, giúp nâng cao hiệu quả công việc. Các văn bản tổ chức và quản lý của Trường trước khi ban hành đều được tổ chức lấy ý kiến trong toàn trường, các đơn vị chức năng tổng hợp, Hội đồng trường rà soát chỉnh sửa trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành [H2.2.2.8]; [H1.1.1.6.].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống văn bản tổ chức, quản lý đúng quy định và phù hợp với hoạt động của Trường.

Trường ứng dụng nhiều phần mềm trong công tác quản lý nhằm giúp việc triển khai văn bản được nhanh chóng, chính xác và an toàn, hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, tra cứu và trao đổi thông tin ngay cả khi cán bộ, giảng viên đi công tác bên ngoài trường.

3. Tồn tại

Trường chưa thực hiện việc định kỳ rà soát tổng thể các văn bản quản lý nội bộ.

4. Kế hoạch hành động.

Năm 2018, Hội đồng trường chủ trì việc rà soát tổng thể hệ thống các văn bản đã ban hành trên cơ sở thực hiện việc lấy ý kiến của đội ngũ nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tổ chức, quản lý các hoạt động của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó quy định cụ thể chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, các cán bộ quản lý, giảng viên, cán bộ, nhân viên [H2.2.3.1]. Trường hoạt động theo chế độ một thủ trưởng và tuân thủ nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tham mưu và giúp việc cho Hiệu trưởng có các phó Hiệu trưởng và các Trưởng, Phó phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc. Tùy theo từng lĩnh vực hoạt động mà Hiệu trưởng quyết định thành lập các Hội đồng/Ban có trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng giải quyết công việc [H2.2.1.1]. Các Phó hiệu trưởng thực hiện vai trò giúp việc cho Hiệu trưởng ở các mảng công tác cụ thể (một Phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động nội chính, cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế; một Phó hiệu trưởng phụ trách công tác Đào tạo, Công tác sinh viên) [H2.2.1.3].

Trường đã xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tất cả các bộ phận từ Ban Giám hiệu, Hội đồng trường đến các đơn vị cấp dưới [H2.2.3.1].

Trong từng cấp quản lý, Trường có quy định rõ ràng về chức năng, trách nhiệm và quyền hạn đối với cán bộ quản lý. Cụ thể: Hằng năm nhà trường

ban hành kế hoạch hoạt động năm học của Trường, các khoa phòng ban xây dựng kế hoạch năm của đơn vị mình trên cơ sở nghị quyết và kế hoạch của Trường [H2.2.3.2].

Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm và được Bộ Nông nghiệp & PTNT thẩm định. Trong đó từng vị trí việc làm được mô tả chi tiết và gắn với cán bộ viên chức thực hiện.

Đối với giảng viên và cán bộ nghiên cứu, trường căn cứ vào Điều lệ Trường đại học, Thông tư 47 để ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên và cán bộ nghiên cứu cụ thể, rõ ràng và phù hợp với điều kiện của Trường [H2.2.3.3].

Đối với các nhân viên, căn cứ vào quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đã được phê duyệt, Trường xây dựng chức năng – nhiệm vụ từng đơn vị, phân công nhiệm vụ và mô tả công việc cụ thể cho từng cá nhân, từng vị trí công việc cụ thể [H2.2.3.4].

2. Điểm mạnh.

Trường có đầy đủ hệ thống văn bản quy định cụ thể, rõ ràng về chức năng – nhiệm vụ, quyền hạn từ cá nhân đến tập thể. Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm và đã được thẩm định.

3. Tồn tại

Trường chưa thường xuyên tổ chức Hội nghị về rà soát chức năng – nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, cá nhân và tập thể.

4. Kế hoạch hành động.

Năm học 2017 – 2018, Hội đồng trường, Ban giám hiệu, tiến hành hội nghị về rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, rà soát vị trí việc làm đối với cá nhân.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức Đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả, hàng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức Đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả

Đảng bộ trường trực thuộc Đảng bộ Các cơ quan Tỉnh Bắc Giang. Đảng bộ trường hiện tại có 180 Đảng viên, với 13 chi bộ trực thuộc hoạt động theo Quy định 163 của Ban Bí thư. Hằng năm có gần 100 sinh viên và cán bộ giáo viên được lựa chọn và giới thiệu tham gia các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng và lớp bồi dưỡng kiến thức cho đảng viên mới. Từ năm 2012 đến nay đã có gần 200 quần chúng ưu tú vinh dự được đứng trong hàng ngũ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam [H2.2.4.1].

Hằng năm, Đảng bộ trường ban hành Nghị quyết và kế hoạch hành động, công tác tổ chức thực hiện và tổng kết đánh giá công tác Đảng tuân thủ theo điều lệ Đảng và nhiệm vụ của Đảng bộ cấp trên giao. Bên cạnh đó, Trường có quy chế phối hợp trong việc phân công nhiệm vụ của lãnh đạo trường trong các hoạt động, tuân thủ theo đúng các điều lệ, quy định của Đảng, Nhà nước [H2.2.4.2.]. Kết quả 5 năm qua, Đảng bộ trường nhiều năm được xếp loại Đảng bộ Trong sạch vững mạnh, 50% các Chi bộ xếp loại trong sạch vững mạnh, trên 98% đảng viên được xếp loại đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Nhiều tập thể và cá nhân được Đảng bộ Huyện Việt Yên, Đảng bộ Các cơ quan tỉnh khen thưởng [H2.2.4.3].

Công đoàn trường trực thuộc công đoàn ngành Nông nghiệp & PTNT, hiện có gần 250 đoàn viên công đoàn với 20 công đoàn bộ phận. Trong quá trình hoạt động Công đoàn trường tuân thủ nghiêm túc các quy định về chức năng – nhiệm vụ của công đoàn [H2.2.4.4]. Hằng năm, Công đoàn trường xây dựng kế hoạch hoạt động, triển khai nhiệm vụ và báo cáo tổng kết công tác định kỳ [H2.2.4.5].

Các hoạt động của Công đoàn trường đã thực hiện như hỗ trợ công đoàn viên khó khăn, tặng quà cho các gia đình thương binh, liệt sĩ [H2.2.4.6]. Với kết quả đạt được Công đoàn trường liên tục đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh xuất sắc, được tặng cờ Thi đua, nhiều Bằng khen của Công Đoàn Nông nghiệp & PTNT Việt Nam, Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam, nhiều cá nhân, tập thể được tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào công đoàn [H2.2.4.7].

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trường được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Đoàn [H2.2.4.8]. Hiện nay Đoàn trường có hơn 2000 đoàn viên với 06 liên chi đoàn. Đoàn trường trực thuộc Tỉnh Đoàn Bắc Giang. Hằng năm, Đoàn trường xây dựng kế hoạch hoạt động, triển khai và thực hiện báo cáo, đánh giá đầy đủ [H2.2.4.9]. Các hoạt động nổi bật của Đoàn, Hội đã thực hiện như Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, Mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, xây dựng các câu lạc bộ sinh viên [H2.2.4.10]; [H2.2.4.12]. Đoàn Thanh niên được xếp loại Đoàn trường Xuất sắc, được tặng thưởng nhiều Bằng khen của Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn về Công tác đoàn thanh niên trường học, nghiên cứu khoa học (NCKH), chiến dịch Thanh niên tình nguyện; Tình nguyện làm công tác xã hội, tiếp sức mùa thi ... hàng năm [H2.2.4.11].

Bên cạnh đó một số khoa cũng đã thành lập Ban liên lạc cựu sinh viên . Đây là đầu mối kết nối các cựu sinh viên của Trường trong các hoạt động cấp học bổng cho sinh viên cũng như ý kiến đóng góp xây dựng chương trình đào tạo.

Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên Nhà trường đã phát huy tích cực nhiệm vụ của mình, góp phần xây dựng Trường ngày càng phát triển.

2. Điểm mạnh

Hoạt động của Đảng bộ, các tổ chức đoàn thể của Trường được các cơ quan cấp trên khen tặng nhiều danh hiệu thi đua, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường.

3. Tồn tại

Số lượng sinh viên được kết nạp Đảng còn thấp so với quy mô sinh viên trong toàn trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 – 2018, phòng Chính trị và Công tác sinh viên tiếp tục phối hợp với Đoàn Thanh niên thông qua các chương trình hoạt động hàng năm phát hiện và giới thiệu những sinh viên đủ tiêu chuẩn tham gia các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, tăng số lượng sinh viên được kết nạp Đảng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Trường đã thành lập bộ phận Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục vào tháng 08/2009, đến tháng 8/2011 Trường thành lập Phòng Khảo thí & ĐBCLĐT [H2.2.5.1]. Phòng Khảo thí & ĐBCLĐT thực hiện chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác Khảo thí & ĐBCLĐT; Tổ chức thực hiện công tác Khảo thí & ĐBCLĐT và các chức năng khác theo ủy nhiệm của Hiệu trưởng. Các nhiệm vụ chính của Phòng Khảo thí & ĐBCLĐT gồm tổ chức các hoạt động khảo thí, đảm bảo chất lượng, tự đánh giá, theo dõi quá trình khắc phục – cải tiến – phòng ngừa; nghiên cứu áp dụng các tiêu chuẩn kiểm định, các mô hình đảm bảo chất lượng tiên tiến [H2.2.5.2].

Tổng số cán bộ viên chức của Phòng là 06 người, trong đó có 01 thạc sĩ tốt nghiệp ngành đo lường và đánh giá giáo dục. Các thành viên trong phòng có đủ năng lực và hoàn thành tốt các hoạt động khảo thí và đảm bảo chất lượng, trình độ đội ngũ làm công tác đảm bảo chất lượng ngày một nâng cao [H2.2.5.3]. Hiệu quả tích cực tạo ra từ việc vận hành và duy trì hoạt động đảm bảo chất lượng đã giúp cho việc nâng cao ý thức và hành động của đội

ngũ cán bộ giảng dạy, viên chức của trường, giúp cho Nhà trường kiểm soát được các hoạt động và góp phần quan trọng trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, quản lý Nhà trường. Tuy nhiên cán bộ Khảo thí & ĐBCL của Trường chưa có thể kiểm định viên.

Kế hoạch hoạt động Khảo thí & ĐBCLGD hàng năm của Phòng được Hiệu trưởng phê duyệt [H2.2.5.5]. Trường có các quy định về việc tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần; Quy định về việc ra đề thi đáp án thi kết thúc các học phần; Quy định về việc sử dụng và quản lý hệ thống giám sát các hoạt động tại giảng đường; Quy định về việc học và thi cải thiện điểm, Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học [H2.2.2.4].

Trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá trường. Lập kế hoạch tự đánh giá năm 2013 và năm 2016 đã được Hiệu trưởng ký ban hành [H2.2.2.7]; [H2.2.5.6]; [H2.2.5.8]. Trên cơ sở đó, ban thư ký, nhóm chuyên trách đã được thành lập để thực hiện nhiệm vụ đánh giá nội bộ lần 1 vào tháng 10/2013 và lần 2 vào năm 2017. Trường đang triển khai tự đánh giá theo đúng tiến độ, kế hoạch đề ra.

Mặt khác, Trường đang xúc tiến triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu sử dụng chung cho toàn trường nhằm phục vụ công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định. Tất cả các thông tin về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục và kết quả đạt được đều được đăng tải và cập nhật trên website của nhà trường và gửi vào địa chỉ email của các nhóm chuyên trách trong công tác tự đánh giá.

2. Điểm mạnh

Có tổ chức chuyên trách làm công tác đảm bảo chất lượng, xây dựng và ban hành đầy đủ các văn bản về công tác Khảo thí & ĐBCLĐT.

3. Tồn tại

Cán bộ của Trường làm công tác đảm bảo chất lượng chưa được tập huấn nhiều về công tác đảm bảo chất lượng.

Cán bộ làm công tác Khảo thí & ĐBCLĐT chưa có thể kiểm định viên chất lượng giáo dục

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018 xây dựng quy định về trách nhiệm tham gia của các đơn vị trong Trường với phòng Khảo thí & ĐBCLĐT.

Cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng và đi học sau đại học về Đo lường đánh giá chất lượng giáo dục.

Cử cán bộ đi học và thi kiểm định viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả

Bám sát sứ mạng đề ra, Trường đã xây dựng và ban hành Chiến lược trường giai đoạn 2015 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H2.2.6.1].

Dựa trên chiến lược phát triển từng giai đoạn, Lãnh đạo trường xây dựng các kế hoạch cụ thể cho từng năm học và các kế hoạch chuyên đề như tuyển sinh, khoa học công nghệ...[H2.2.6.1]. Các kế hoạch này được phổ biến, triển khai cụ thể trong các cuộc họp chuyên đề và các buổi giao ban hàng tháng của Trường [H2.2.6.3].

Chiến lược phát triển của Trường được xây dựng dựa trên xu thế phát triển giáo dục và đào tạo của quốc gia, định hướng nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bắc Giang và các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc và sứ mạng của Trường [H2.2.6.4]. Trên cơ sở Chiến lược Trường giai đoạn 2015 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, kế hoạch hoạt động hàng năm của Trường và các đơn vị, Trường đã tiến hành triển khai nhiều biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch chiến lược đã đề ra. Cụ thể như: hằng tháng, Hiệu trưởng chủ trì giao ban định kỳ, cuối mỗi học kỳ, các đơn vị trong trường tổ chức sơ kết học kỳ; cuối năm học, BGH chủ trì tổng kết đánh giá kết quả thực hiện năm học của từng đơn vị và từng mảng công tác. Ngoài

ra trong quá trình hoạt động Trường cũng tổ chức các cuộc giao ban các chuyên đề về NCKH, về chất lượng đào tạo, về công tác sinh viên, về cơ sở vật chất. Tháng 11 năm 2016, nhân kỷ niệm 5 năm thành lập, Trường đã thực hiện tổng kết những thành quả nổi bật đạt được trong 5 năm xây dựng và phát triển [H2.2.6.5].

Nhà trường đang xây dựng Đề án Tự chủ đại học nhằm đưa Nhà trường thích ứng với cơ chế tự chủ, tiến tới tự chủ hoàn toàn sau năm 2020.

2. Điểm mạnh

Chiến lược của trường phù hợp với xu thế phát triển của đất nước, khu vực.

3. Tồn tại

Các đơn vị trong trường chưa thực sự chủ động trong việc xây dựng kế hoạch chiến lược dài hạn của đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Tập trung chỉ đạo các đơn vị trực thuộc trường xây dựng và hoàn thiện kế hoạch trung hạn và dài hạn của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch chiến lược của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

1. Mô tả

Trường thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ với Bộ Nông nghiệp &PTNT, Bộ GD&ĐT, báo cáo chỉ thị 296 của Chính phủ, báo cáo tuyển sinh hàng năm, báo cáo Ba công khai [H2.2.7.1]. Thực hiện báo cáo với các cơ quan cấp trên thông qua báo cáo hàng quý, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ hằng năm, báo cáo thống kê hằng năm về các mảng công tác của Trường, báo cáo theo quy định của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên [H2.2.7.2].

Bên cạnh việc báo cáo thường xuyên, định kỳ, Trường còn thực hiện đầy đủ các báo cáo đột xuất, phúc đáp công văn của các cơ quan, tổ chức khi được yêu cầu. Trong 05 năm qua, Trường luôn thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ GD&ĐT, các cơ quan quản lý có liên quan và không vi phạm bất kỳ chế độ báo cáo nào [H2.2.7.3].

Công tác lưu trữ báo cáo hoạt động của Trường được thực hiện theo đúng Luật lưu trữ số 01/2011/QH13 của Nhà nước và cụ thể hóa trong quyết định số 28/QĐ-HCTC ngày 29/11/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang về việc ban hành “Quy định về việc quản lý và ban hành văn bản”; “danh mục danh mục hồ sơ” của Trường. Cán bộ phòng Hành chính tổng hợp Trường chịu trách nhiệm công tác tiếp nhận, xử lý, lưu trữ văn bản và các công văn đi, đến. Trường ứng dụng phần mềm trong công tác quản lý công văn và lưu trữ hồ sơ và báo cáo. Hiện nay Trường mới chỉ có 1 nhân sự tốt nghiệp ngành văn thư lưu trữ [H2.2.7.4].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện nghiêm túc, đúng hạn, đúng quy định các chế độ báo cáo đối với các cơ quan quản lý các cấp.

3. Tồn tại

Số lượng cán bộ tốt nghiệp ngành hành chính văn phòng còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 – 2018, phòng Tổ chức xây dựng kế hoạch tuyển dụng hoặc đào tạo cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ về Hành chính – Văn phòng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Kết luận Tiêu chuẩn 2.

Trường đã xây dựng đầy đủ hệ thống văn bản quy định cụ thể, rõ ràng về chức năng – nhiệm vụ, chức danh, quyền hạn từ cá nhân đến tập thể. Ứng dụng công nghệ thông tin cho việc lưu trữ văn bản một cách hệ thống, đầy đủ, khoa học, bảo quản tốt, thuận lợi cho quá trình tìm kiếm, tra cứu và rà soát văn bản. Công tác Đảm bảo chất lượng của Trường từng bước được tiếp cận

các mô hình quốc tế phục vụ cho công tác đảm bảo chất lượng bên trong cũng như kiểm định, đánh giá trường, đáp ứng mục tiêu chiến lược của Trường.

Các vấn đề tồn tại chính của Trường cần khắc phục trong thời gian tới bao gồm việc tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ, cử cán bộ đi học lớp Kiểm định viên và tăng cường cán bộ ngành Hành chính văn phòng.

TIÊU CHUẨN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, bám sát mục tiêu, sứ mạng của Trường, tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời căn cứ vào các yêu cầu từ thị trường lao động và ý kiến đóng góp của các bên có liên quan như người sử dụng lao động, chuyên gia, giảng viên và sinh viên năm cuối, cựu sinh viên. Chương trình đào tạo được thiết kế khoa học và hợp lý nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra cũng như mục tiêu của chương trình. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát dựa trên các phản hồi của các bên liên quan là một khâu quan trọng trong quy trình cải tiến liên tục của mô hình ĐBCL mà Trường đang áp dụng. Các chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo tính liên thông nhằm tạo sự linh hoạt và giúp người học có thể theo đuổi quá trình học tập suốt đời.

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

Tất cả chương trình đào tạo của Trường được xây dựng theo các quy định do các cơ quan có thẩm quyền ban hành như: Luật Giáo dục Đại học, Thông tư 07 về “*Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực....*” và các quy định liên quan đến hoạt động mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H.3.3.1.1].

Các chương trình đào tạo của Trường đều được xây dựng theo đúng tên ngành được Bộ GD&ĐT cho phép [H.3.3.1.2]. Các chương trình đào tạo hiện có gồm:

- 4 ngành trình độ thạc sĩ
- 13 ngành trình độ đại học
- 4 ngành trình độ cao đẳng

+ Trong 5 năm qua, Trường mở thêm nhiều chuyên ngành mới, gồm 9 chuyên ngành trình độ đại học, 4 chuyên ngành trình độ thạc sĩ. Tất cả 13 chương trình đào tạo của các chuyên ngành mới mở này đều được xây dựng và nghiệm thu theo quy định của thông tư 08 và thông tư 07 của Bộ GD&ĐT [H.3.3.1.1], [H.3.3.1.1].

Với 13 chương trình đào tạo trong 5 năm trở lại đây, khi tiến hành xây dựng chương trình Trường đều tham khảo chương trình đào tạo của các trường có uy tín trong nước như tham khảo chương trình đào tạo của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, chương trình đào tạo của Đại học Nông – Lâm Thái Nguyên, chương trình đào tạo của Đại học Nông – Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, chương trình đào tạo của Đại học Cần Thơ, chương trình đào tạo của Đại học Lâm nghiệp, Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện tài chính... và một số chương trình đào tạo của nước ngoài “Mỹ, Úc”, chủ yếu là tiếng Anh, tiếng Trung [H.3.3.1.3].

Các ý kiến đóng góp cho việc xây dựng, rà soát và chỉnh sửa chương trình đào tạo của các bên liên quan như cơ quan sử dụng lao động, chuyên gia, giảng viên, và cựu sinh viên được thực hiện thông qua các buổi hội thảo về xây dựng chương trình đào tạo. Các buổi hội thảo do khoa chuyên môn phụ trách đều được ghi biên bản chi tiết ý kiến đóng góp của các đơn vị có liên quan, sau đó Hội đồng cấp khoa rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo, gửi chương trình lên Hội đồng khoa học đào tạo cấp trường để lấy ý kiến [H.3.3.1.5].

Kết quả sau khi tổng hợp ý kiến đóng góp của Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường, Phòng Đào tạo cùng các khoa hoàn thiện sửa chữa, biên tập tổng thể chương trình đào tạo. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua trước khi trình Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt [H.3.3.1.1]. Sau khi

phê duyệt, Phòng đào tạo chuyển chương trình đào tạo vào hệ thống phần mềm CMC để giảng viên, sinh viên thực hiện. Việc xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện qua 8 bước theo đúng quy định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành.

Các chương trình chi tiết được biên soạn, thông qua bởi bộ môn, khoa và được lưu trữ tại khoa, Phòng Đào tạo cũng như Trung tâm Thông tin thư viện của Trường. Hiện nay, Trường có đầy đủ chương trình chi tiết của tất cả các chuyên ngành Trường đang đào tạo [H.3.3.1.1]

2. Điểm mạnh

Tất cả các chương trình đào tạo được xây dựng một cách có hệ thống, có tham khảo chương trình của các trường có uy tín, đảm bảo tính liên thông dọc, ngang và đảm bảo tuân thủ chặt chẽ theo Thông tư 07 và Thông tư 08 của Bộ GD&ĐT.

3. Tồn tại

Số lượng Doanh nghiệp đóng góp ý kiến xây dựng chương trình đào tạo còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018. Trường tổ chức khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp, cựu sinh viên và các nhà quản lý để trên cơ sở đó Trường tổ chức xây dựng lại, điều chỉnh, cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng đã có sinh viên hai khóa ra trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả

Bám sát vào sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chung của Trường, từng khoa xây dựng chuẩn đầu ra và mục tiêu cho các chương trình đào tạo. Tất cả các

chương trình đào tạo của Trường đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể [H.3.3.2.1].

Các chương trình đào tạo đều xây dựng chuẩn đầu ra cụ thể và công bố công khai trên website của Trường. Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Bộ, tham khảo các mô hình tiên tiến nhằm đảm bảo các nguyên tắc về khả năng đo lường và đánh giá. Chương trình đào tạo được xây dựng nhằm giúp người học đạt được các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ ở từng trình độ đào tạo thông qua việc phân tích các mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo – chuẩn đầu ra chương trình đào tạo [H.3.3.2.1].

Các chương trình đào tạo có cấu trúc hợp lý và theo quy định của Phụ lục IV Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT, có tính hệ thống, thể hiện trong việc sắp xếp các học phần theo những cụm kiến thức cơ bản, cơ sở nhóm ngành, cơ sở khối ngành, cơ sở ngành và chuyên ngành. Số lượng tín chỉ giữa các cụm kiến thức cũng được xem xét và cân đối. Chương trình đào tạo quy định rõ ràng về điều kiện tiên quyết, các học phần bắt buộc và tự chọn [H.3.3.2.1]; [H.3.3.2.2].

Các chương trình đào tạo đã đáp ứng tốt các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và yêu cầu của thị trường lao động như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ngoại ngữ, tin học, kỹ năng làm việc nhóm... Các chương trình đào tạo có hệ thống đa dạng các môn học tự chọn giúp người học đáp ứng các yêu cầu linh hoạt từ thị trường lao động [H.3.3.2.1].

Các chương trình đào tạo đều được xây dựng trên cơ sở đánh giá chương trình đào tạo, tham khảo có chọn lọc các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan để chương trình đào tạo đáp ứng linh hoạt nhu cầu của thị trường lao động [H.3.3.2.1]; [H.3.3.2.3].

2. Điểm mạnh

Tất cả các chương trình đào tạo đều có mục tiêu rõ ràng, chuẩn đầu ra cụ thể.

Hệ thống các học phần trong chương trình đào tạo được thiết kế linh hoạt, giúp sinh viên tiếp cận thực tế và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

3. Tồn tại

Mục tiêu trong một số chương trình đào tạo vẫn còn thể hiện định tính, khó định lượng.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017 – 2018, Phòng Khảo thí &ĐBCLĐT xây dựng công cụ nhằm định lượng trong việc đo lường mục tiêu chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 3.3. Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của một chương trình đào tạo, tất cả các chương trình đào tạo chính quy và thường xuyên của Trường đều được thiết kế nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp đạt được các yêu cầu của chuẩn đầu ra, đảm bảo đầy đủ các khối kiến thức cần thiết, tối thiểu trong chương trình nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng với yêu cầu xã hội [H.3.3.2.3].

Các chương trình đào tạo chính quy và chương trình đào tạo giáo dục thường xuyên của Trường đều tuân thủ kết cấu cần thiết của một chương trình đào tạo gồm 2 khối kiến thức cơ bản, đó là khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương bao gồm các kiến thức về Lý luận Mac – Lenin & Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học xã hội – nhân văn, tin học, ngoại ngữ, khoa học tự nhiên, môi trường, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm các kiến thức về cơ sở khối ngành, cơ sở nhóm ngành, cơ sở ngành, chuyên ngành và tốt nghiệp [H.3.3.2.3].

Các học phần trong cả hai chương trình này được bố trí dưới 2 dạng cơ bản đó là học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Các học phần được thiết kế

tuân thủ đúng quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ. Khối lượng kiến thức tối thiểu ở tất cả các chuyên ngành đào tạo được thiết kế theo đúng quy định về tạo tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học và cao đẳng [H.3.3.2.3].

Tất cả các chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được Trường đảm bảo các điều kiện để tổ chức thực hiện, bao gồm đội ngũ giảng dạy, phục vụ; giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, chuồng trại, vườn ươm... 100% chương trình đào tạo có đề cương chi tiết học phần, có đội ngũ giảng viên đảm nhận giảng dạy, đảm bảo đầy đủ đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm phục vụ từng chương trình đào tạo; có đầy đủ hệ thống phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành cho người học, đảm bảo đầy đủ giáo trình, sách, tài liệu tham khảo và không gian cho người học sử dụng tại thư viện [H.3.3.2.3]; [H.5.5.5.1]; [H.9.9.2.1].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo chính quy và chương trình đào tạo giáo dục thường xuyên được thiết kế, xây dựng đảm bảo tính tương đương với nhau.

3. Tồn tại

Trường chưa thực hiện việc lấy ý kiến góp ý rộng rãi đối với sinh viên tốt nghiệp hệ giáo dục thường xuyên về chất lượng chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Phòng Chính trị và công tác sinh viên phối hợp với Trung tâm tuyển sinh và tư vấn việc làm triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp hệ giáo dục thường xuyên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Từ năm 2012 đến nay, Trường đã tiến hành rà soát chương trình đào tạo hai lần để bổ sung, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động. Các chương trình đào tạo được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật dựa trên sự thay đổi của khoa học kỹ thuật, của cơ chế chính sách, nhu cầu của nhà tuyển dụng, sự đóng góp của doanh nghiệp và tham khảo chương trình của một số trường trên thế giới [H.3.3.2.1]; [H.3.3.2.3]; [H.3.3.4.1].

Năm 2014, rà soát chỉnh sửa 10 chương trình đào tạo đại học, 10 chương trình đào tạo cao đẳng và 10 chương trình đào tạo liên thông cao đẳng – đại học.

Năm 2016, rà soát đánh giá, cập nhật 4 chương trình đào tạo đại học đã có sinh viên 02 khóa đại học chính quy, 04 khóa đại học liên thông ra trường. Năm 2017, xây dựng lại, điều chỉnh 9 chương trình đào tạo đại học còn lại. [H.3.3.2.3].

Các chương trình đào tạo khi bổ sung, điều chỉnh đều dựa trên cơ sở tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, của người tốt nghiệp, của các tổ chức giáo dục, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và tham khảo chương trình đào tạo của các trường có uy tín [H.3.3.2.3].

Việc bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện qua 6 bước theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. 100% các chương trình đào tạo khi bổ sung, điều chỉnh đều dựa trên cơ sở tham khảo các ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động [H.3.3.4.1]; [H.3.3.4.2]. Tuy nhiên trong quá trình lấy ý kiến của các chuyên gia, Trường mới chỉ lấy ý kiến của các chuyên gia trong nước, chưa thực hiện tham vấn ý kiến của các

chuyên gia nước ngoài. Các ý kiến góp ý phục vụ cho việc bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo từ các bên có liên quan như người sử dụng lao động, chuyên gia, giảng viên được thực hiện thông qua các buổi thảo luận, hội thảo về xây dựng, rà soát chương trình đào tạo và được ghi lại thành biên bản [H.3.3.2.2].

2. Điểm mạnh

Tất cả các chương trình đào tạo của Trường đã được rà soát, cập nhật bổ sung nhằm cập nhật, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động và phù hợp với thực tế yêu cầu xã hội.

Định kỳ 4 năm, Trường thực hiện việc rà soát xong toàn bộ chương trình đào tạo.

3. Tồn tại

Trường chưa tổ chức lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia nước ngoài trong việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo. Việc tham khảo chương trình tại các nước tiên tiến chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Phòng Khoa học & Hợp tác quốc tế phối hợp với các khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức lấy ý kiến từ các chuyên gia nước ngoài trong việc rà soát chương trình đào tạo nhằm đa dạng hóa đối tượng tham vấn ý kiến. Tham khảo chương trình đào tạo của các nước tiên tiến, có tính khả thi áp dụng được ở Việt Nam.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 3.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.

1. Mô tả

Trường đã ban hành các văn bản liên quan đến công tác tuyển sinh và đào tạo liên thông, kế hoạch đào tạo liên thông cho các ngành mà Trường được cấp phép tổ chức đào tạo. Trường có đầy đủ các văn bản quy định về liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng, từ cao đẳng lên đại học, từ trung cấp

lên đại học, đồng thời cũng quy định rõ điều kiện liên thông cho ngành đúng, ngành gần và ngành khác [H.3.3.5.1].

Chương trình đào tạo của Trường ghi rõ điều kiện để đảm bảo tính liên thông giữa các chương trình đào tạo khác cùng trình độ. Các môn học cơ bản, lý luận chính trị, tiếng Anh, tin học... trong tất cả các chương trình đào tạo giống nhau về nội dung nên người học được chấp nhận hoàn thành khối kiến thức đó khi liên thông sang các ngành học khác. Các môn học cơ sở khối ngành được thiết kế giống nhau giữa các ngành trong cùng khối ngành nên người học được chấp nhận hoàn thành khối lượng kiến thức đó khi liên thông sang các ngành gần. Các môn học trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng đảm bảo giống tối thiểu 70% các môn học ở trình độ đại học trong cùng ngành nên người học dễ dàng liên thông lên trình độ cao hơn với thời gian học ngắn hơn. Trong năm năm qua, Trường đã tuyển sinh được hơn 1000 sinh viên liên thông từ cao đẳng lên đại học, từ trung cấp lên đại học, trung cấp lên cao đẳng [H.3.3.5.2].

Các chương trình đào tạo được xây dựng, điều chỉnh có sự tham khảo nội dung của các trường tiên tiến. Đây là cơ sở cho việc tổ chức đào tạo liên thông đối với các sinh viên tốt nghiệp từ các trường khác. Việc công nhận môn học từ các chương trình đào tạo của các trường khác do Khoa chuyên môn và phòng Đào tạo đề xuất trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định [H.3.3.5.2].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo đảm bảo tính liên thông cho người học ở trong và ngoài trường

3. Tồn tại

Trường chưa có biên bản, thỏa thuận hợp tác chính thức với các cơ sở đào tạo trong nước trong việc công nhận kết quả học tập của các học phần đã hoàn thi khi học hệ liên thông.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017 – 2018, Trường sẽ tiến hành liên kết trong hợp tác đào tạo liên thông với các cơ sở đào tạo khác trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 3.6. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo được đánh giá định kỳ từ các bộ môn, khoa đào tạo, làm cơ sở xây dựng chương trình cho năm học sau. Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT. Trong quá trình đánh giá chương trình đào tạo, nhà trường đều thành lập Hội đồng rà soát và chỉnh sửa chương trình đào tạo [H.3.3.2.3].

Cơ sở cho việc đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là dựa trên quá trình đánh giá kết quả học tập của người học cũng như ý kiến của các bên có liên quan như phiếu đánh giá toàn khóa học của sinh viên về hoạt động đào tạo toàn khóa. Phòng Khảo thí & ĐBCLĐT chịu trách nhiệm thực hiện lấy ý kiến, thu thập phân tích và xử lý thông tin thu được. Đây là một trong các kênh thông tin quan trọng làm cơ sở cho việc lập kế hoạch điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo. Việc đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được căn cứ bởi mục tiêu đào tạo để đánh giá mức độ nhận thức của người học đạt được các chuẩn đầu ra ở mỗi chuyên ngành cũng như mục tiêu của chương trình đào tạo [H.3.3.2.1].

Trên cơ sở lấy ý kiến đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của các bên có liên quan cũng như cơ sở dữ liệu về kết quả học tập của người học, từng khoa tiến hành xây dựng kế hoạch điều chỉnh để cải tiến chương trình đào tạo. Trên cơ sở kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo cũng như kết quả lấy ý kiến của các bên có liên quan. Trường thực hiện việc cải tiến chất lượng chương trình đào tạo. Việc điều chỉnh, cải tiến chương trình

đào tạo được Trường xác định là một nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển nhằm hướng đến đạt chuẩn khu vực và quốc tế [H.3.3.4.2].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, Trường lấy ý kiến của sinh viên trước khi tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động nhằm đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

3. Tồn tại

Trường chưa có chương trình đào tạo được đánh giá đồng cấp.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 – 2018, Trường triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo và đăng ký kiểm định một số chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Tất cả chương trình đào tạo của Trường được xây dựng một cách có hệ thống, khoa học trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Bộ GD&ĐT. Hệ thống các học phần trong chương trình đào tạo được thiết kế linh hoạt, giúp sinh viên tiếp cận thực tế và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Chương trình đào tạo chính quy và chương trình đào tạo giáo dục thường xuyên được thiết kế xây dựng tương đương nhau. Chương trình đào tạo của Trường được cập nhật định kỳ, đảm bảo quy trình nhằm đáp ứng các yêu cầu của xã hội.

Các vấn đề tồn tại cơ bản của Trường đã được xác định như chưa thực hiện việc lấy ý kiến của sinh viên tốt nghiệp hệ giáo dục thường xuyên một cách rộng rãi, chưa có sự tham gia góp ý kiến của các chuyên gia nước ngoài trong việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo. Tính đến nay Trường chưa có chương trình đào tạo được đánh giá đồng cấp.

TIÊU CHUẨN 4: CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang triển khai đa dạng các hình thức đào tạo, bao gồm: chính quy, liên thông chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo văn bằng 2, học cùng lúc 2 chương trình. Các hình thức đào tạo này được triển khai theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Trường luôn nỗ lực đa dạng hóa về hình thức đánh giá kết quả học tập, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm. Kết quả đánh giá người học được công bố kịp thời thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Việc lưu trữ kết quả học tập, hệ thống văn bằng, tín chỉ và cơ sở dữ liệu người học được lưu trữ, bảo quản an toàn, khoa học. Công tác đánh giá chất lượng đào tạo được Trường định kỳ triển khai thông qua việc lấy ý kiến của sinh viên.

Tiêu chí 4.1. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.

1. Mô tả

Trong những năm qua, Trường đã tổ chức đào tạo từ trình độ Cao đẳng đến Thạc sĩ; tổ chức đào tạo chính quy, liên thông chính quy (trung cấp lên cao đẳng, cao đẳng lên đại học; trung cấp lên đại học); vừa làm vừa học; trung học chuyên nghiệp và đào tạo ngắn hạn; đào tạo văn bằng 2; đào tạo cùng lúc 2 chương trình [H4.4.1.1]. Từ năm 2012, Trường không tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp theo đúng yêu cầu của thông tư 57. Trường thực hiện việc liên kết đào tạo với các trường đại học, cao đẳng trên cả nước [H.3.3.1.3].

Một trong những cố gắng đa dạng hóa phương thức đào tạo của trường là liên kết đào tạo với các trường đại học, các học viện có nhiều kinh nghiệm nhằm cập nhật thông tin mới nhất đến với người học. Trường đã liên kết với Trường Đại học Sư phạm Hà nội mở lớp nghiệp vụ sư phạm; Với trường Sư phạm Kỹ thuật Nam Định mở lớp phương pháp dạy học đại học; Với Học viện Nông nghiệp Việt Nam và đại học Nông – Lâm Thái Nguyên mở các lớp

vừa làm vừa học. Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ tin học và ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học [H4.4.1.2].

Tất cả hình thức đào tạo trên đều tuân thủ đúng quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường. Để triển khai các hình thức đào tạo nêu trên, Trường đã tiến hành đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên, trang bị và nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu đào tạo [H4.4.1.3].

2. Điểm mạnh

Phương thức, hình thức đào tạo được đa dạng hoá, mềm dẻo, phù hợp đáp ứng được yêu cầu của người học.

3. Tồn tại

Phương thức đào tạo từ xa chưa được tổ chức thực hiện; chưa có hình thức liên kết đào tạo quốc tế; hình thức đào tạo theo đơn đặt hàng của các Bộ/ngành, địa phương còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Trường xây dựng đề án và tổ chức đào tạo từ xa. BGH xây dựng kế hoạch tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác liên kết đào tạo và tăng cường mối quan hệ với các Bộ/ngành, địa phương, nắm bắt nhu cầu về nguồn nhân lực, xây dựng các chương trình đào tạo thuộc thế mạnh của Trường nhằm đáp ứng các nhu cầu đào tạo theo đơn đặt hàng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1. Mô tả

Từ năm 2009, Trường đã chuyển đổi quy trình đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ. Đến nay, 100% chương trình đào tạo của Trường đều được

thiết kế và triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ, thực hiện tích lũy kết quả học tập theo học phần. Kết quả học tập của người học được tích lũy trong suốt thời gian của khóa học theo đúng tinh thần của học chế tín chỉ [H4.4.1.3].

Trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định về quản lý, giảng dạy, học tập và thực hiện chuyển đổi, công nhận kết quả từ các chương trình đào tạo theo hệ niên chế sang tín chỉ [H4.4.1.3].

Trường đã trang bị hệ thống phần mềm quản lý đào tạo CMC, đây là công cụ hữu hiệu góp phần quan trọng vào sự thành công trong công tác tổ chức quản lý đào tạo theo hệ tín chỉ. Hệ thống phần mềm CMC cho phép Trường triển khai được hầu hết các hoạt động trong công tác tổ chức quản lý đào tạo theo hệ tín chỉ như quản lý sinh viên đăng ký học các học phần, quản lý đề cương môn học, quản lý kết quả học tập. Thông qua hệ thống phần mềm giảng viên cập nhật điểm đánh giá quá trình vào phần mềm, Phòng Khảo thí & ĐBCLĐT cập nhật điểm thi của sinh viên. Mỗi sinh viên có một tài khoản cá nhân để có thể xem được chương trình đào tạo mà mình đang theo học, chủ động đăng ký các học phần, xem được thời khóa biểu cá nhân và theo dõi kết quả học tập của mình một cách nhanh nhất [H4.4.2.1].

Trường thực hiện các khóa tập huấn cho giảng viên tham gia giảng dạy theo phương thức đào tạo tín chỉ về các nội dung như hình thức tổ chức dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, công tác cố vấn học tập [H4.4.2.1].

Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của sinh viên về công tác giảng dạy của giảng viên. Các ý kiến đánh giá phản hồi của sinh viên cho thấy trên 90% sinh viên hài lòng về công tác giảng dạy của giảng viên [H4.4.2.2]. Tuy nhiên, vẫn còn ý kiến phản hồi của sinh viên về việc gặp khó khăn khi sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ.

2. Điểm mạnh.

Các chương trình đào tạo của Trường được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ.

3. Tồn tại

Một số sinh viên năm thứ nhất chưa thích ứng kịp với việc sử dụng phần mềm trong đào tạo tín chỉ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 – 2018, Các khoa chuyên môn và cố vấn học tập tăng số giờ huấn luyện và sử dụng phần mềm quản lý đào tạo cho sinh viên năm thứ nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 4.3. Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên, chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

Đổi mới phương pháp dạy và học là một trong các vấn đề quan trọng được Nhà trường đặc biệt quan tâm để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo. Các hoạt động thao giảng, dự giờ được tổ chức hàng năm, công tác dự giờ được đưa vào nội dung sinh hoạt học thuật chính thức và thực hiện thường xuyên ở cấp tổ bộ môn, khoa. Trong những năm qua, trường đã tổ chức hội nghị bàn về đổi mới phương pháp giảng dạy cho giảng viên [H4.4.3.1].

Trường đã ban hành quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động khác của Trường. Việc lấy ý kiến của sinh viên về giảng viên được thực hiện định kỳ theo hằng năm. 100% giảng viên tham gia giảng dạy được lấy ý kiến đánh giá của người học nhằm đánh giá hiệu quả phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra và đánh giá. Kết quả lấy ý kiến được tổng hợp và bảo mật gửi đến các cấp quản lý và trực tiếp cho giảng viên [H4.4.3.2].

Trường đã thực hiện các kênh đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên bao gồm:

Khoa, bộ môn, giảng viên đánh giá người dạy qua hoạt động dự giờ trên lớp.

Sinh viên đánh giá chất lượng giảng viên thông qua hoạt động lấy ý kiến sinh viên về giảng viên.

BGH đánh giá giảng viên thông qua kết quả công tác thanh tra giám sát và thông qua các hoạt động thao giảng của giảng viên, thông qua hoạt động dự giờ đột xuất [H4.4.3.1].

Hội đồng trường xây dựng kế hoạch và tiến hành đánh giá năng lực giảng dạy thực hành của giảng viên trẻ [H4.4.3.1].

Để triển khai một cách chất lượng việc đổi mới phương pháp giảng dạy, Trường không ngừng đầu tư mở rộng và hiện đại hóa các phòng học lý thuyết và phòng thí nghiệm thực hành đảm bảo triển khai các hoạt động đào tạo một cách hiệu quả nhất. Giảng viên được phân công giảng dạy chịu trách nhiệm xây dựng và cập nhật nội dung chương trình chi tiết học phần do mình phụ trách, công bố hình thức đánh giá học phần ngay từ đầu kỳ, xác định các mục tiêu cụ thể của môn học. Đề cương môn học xác định rõ ràng các phương pháp giảng dạy tương ứng với từng nội dung, các hình thức đánh giá được sử dụng nhằm đảm bảo việc theo dõi và đánh giá các mức độ đạt được mục tiêu học phần của người học [H3.3.1.4]; [H4.4.3.5].

Trường chủ trương đa dạng hóa các hình thức đánh giá nhằm đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của người học. Các hình thức đánh giá người học tập trung vào bài thực hành, tiểu luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm. Nội dung đánh giá bám sát các mục tiêu môn học cũng như các yêu cầu của chuẩn đầu ra [H3.3.1.4]; [H4.4.3.5].

Qua kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi kết thúc học phần cho thấy. Đa số sinh viên đồng tình, hài lòng và hào hứng với các phương pháp giảng dạy mới.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên và rất quan tâm đến việc đánh giá phương pháp giảng dạy của giảng viên.

3. Tồn tại

Hội nghị đổi mới phương pháp giảng dạy cấp trường chưa được tổ chức định kỳ hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Phòng khảo thí và phòng Đào tạo tham mưu cho Ban Giám hiệu lập kế hoạch tổ chức Hội nghị đổi mới phương pháp giảng dạy hàng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả

Chủ trương đa dạng hóa phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá môn học nhằm đảm bảo tính nghiêm túc, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo. Để thực hiện mục tiêu trên, 100% học phần có đề cương chi tiết theo học chế tín chỉ, trong đó quy định về trọng số điểm thành phần, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần; phương pháp đánh giá cụ thể cho từng điểm thành phần. Trong đó, điểm thi kết thúc học phần không vượt quá 50% [H3.3.1.4]; [H4.4.3.5].

Trường thực hiện đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá như tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, thực hành, tiểu luận, đồ án. Sinh viên được đánh giá cả quá trình học tập thông qua các hình thức kiểm tra mang tính thường xuyên như chuyên cần, bài tập về nhà, kiểm tra thường kỳ, bài tập cá nhân, bài tập nhóm. Người học được rèn luyện các kỹ năng chuyên môn thông qua các nội dung thực hành, bài tập lớn, nâng cao năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề qua các đồ án, tiểu luận, thu hoạch cá nhân; phát triển kỹ

năng làm việc nhóm thông các bài thu hoạch nhóm, các nội dung thực hành thực tập [H3.3.1.4]; [H4.4.3.5].

Nội dung tốt nghiệp cuối khóa được Trường tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như chuyên đề tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp. Tùy theo mỗi lĩnh vực nghề nghiệp và từng đối tượng sinh viên mà Trường áp dụng triển khai những hình thức tốt nghiệp cuối khóa cho phù hợp.

Toàn bộ các văn bản quy định tổ chức thi, đánh giá học phần, chuyên đề tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, các điều kiện tốt nghiệp, thi học kỳ phụ và lịch thi được công bố công khai giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận, phù hợp với Quy chế của Bộ GD&ĐT[H4.4.1.3]; [H4.4.4.1].

Kết quả đánh giá học phần được Trường công khai trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, người học thông qua tài khoản cá nhân có thể theo dõi, giám sát, đối chiếu kết quả học tập và kết quả thi của mình [H4.4.2.1].

Phòng Khảo thí & ĐBCLĐT phụ trách tổ chức thi kết thúc học phần. Giảng viên nộp ngân hàng đề thi và đáp án vào tuần 10 của mỗi học kỳ. Các đề thi này phải có sự kiểm duyệt của Tổ trưởng tổ bộ môn và được lưu trữ tại phòng Khảo thí & ĐBCLĐT. Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo tại Trường đều được số hóa, trong mỗi ca thi, tất cả các lớp có cùng mã đề sẽ thi chung đề. Phòng Khảo thí & ĐBCLĐT tổ chức bốc thăm đề thi trước khi thi để đảm bảo tính khách quan. Tất cả các học phần đều được tổ chức thi giống quy trình thi tuyển sinh đại học [H4.4.4.1]. Các khiếu nại về điểm quá trình và điểm thi được giảng viên, Phòng Khảo thí & ĐBCLĐT phối hợp giải quyết nhanh chóng cho người học. Người học đều hài lòng về quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá của Trường đã thực hiện trong những năm qua.

Đối với các học phần thực hành, học phần thực tập, đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên, Trường chú trọng đến việc đánh giá khả năng ứng dụng kiến thức và khả năng sáng tạo của sinh viên [H4.4.4.2].

2. Điểm mạnh

Có đơn vị tổ chức và giám sát thi độc lập, tổ chức chấm thi tập trung tại các đơn vị. Tất cả các học phần có ngân hàng đề thi.

Quy định, quy trình kiểm tra, đánh giá được thực hiện đúng theo quy chế đào tạo, công tác coi thi, chấm thi thực hiện nghiêm túc.

Công tác thanh tra, giám sát các kỳ thi, kế hoạch lên lớp của giảng viên, kiểm tra lịch trình và đề cương chi tiết tiến hành thường xuyên đảm bảo được tính chính xác, khách quan, công bằng.

3. Tồn tại

Chưa tiến hành hình thức thi trắc nghiệm trên máy.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Trường trang bị phần mềm và thiết bị chấm thi trắc nghiệm và trắc nghiệm online.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả

Kết quả học tập của người học được Trường tổ chức quản lý đầy đủ, chính xác và an toàn bằng hệ thống máy tính và hệ thống quản lý hồ sơ bằng sổ sách [H4.4.2.1]; [H4.4.5.1].

Kết quả học tập được thông báo công khai qua mạng nội bộ, trên bảng thông báo theo đúng quy định và đặc biệt thông báo đến tài khoản của sinh viên trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Sinh viên khi có thắc mắc về kết quả đánh giá học tập, có thể phản ánh về khoa, giảng viên giảng dạy và phòng Đào tạo để xem xét lại kết quả đánh giá [H4.4.2.1]; [H4.4.5.1].

Điểm đánh giá học phần được ghi đúng theo mẫu và được lưu giữ lâu dài tại phòng Đào tạo theo quy định dưới dạng bản cứng và bản mềm. Văn bằng

chứng chỉ của người học được cấp theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H4.4.2.1]; [H4.4.5.1].

Sinh viên nhận bằng tốt nghiệp và bằng điểm chi tiết toàn khóa chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Bài thi hết môn, bài thi tốt nghiệp của sinh viên được lưu trữ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, phòng Đào tạo cũng cung cấp bằng điểm tất cả các học phần mà người học đã hoàn thành khi người học có yêu cầu [H4.4.5.4].

Sau khi Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp làm biên bản cuộc họp, đề xuất Hiệu trưởng quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên, danh sách sinh viên tốt nghiệp được gửi đến các Khoa chuyên môn và các Phòng chức năng. Dựa trên danh sách đó, bộ phận quản lý văn bằng xuất phôi để in bằng tốt nghiệp, kiểm tra, vào sổ quản lý văn bằng và trình Hiệu trưởng ký. Phòng Hành chính tổng hợp kiểm tra lần 2 bằng việc đóng dấu đỏ của Trường. Qua các khâu kiểm tra chặt chẽ như vậy, Trường chưa để xảy ra sai sót nào trong công tác quản lý văn bằng tốt nghiệp [H4.4.5.3].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ các quy định về điều kiện để người học được công nhận tốt nghiệp và cấp phát văn bằng chứng chỉ.

Phôi chứng chỉ, văn bằng được quản lý chặt chẽ và chính xác.

3. Tồn tại

Việc nộp kết quả thi của một số học phần vẫn còn chậm so với quy định.

Kết quả học tập của sinh viên được thông báo đến gia đình đôi khi còn chưa kịp thời

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Nhà trường sẽ xây dựng quy định để xử lý các vi phạm trong việc nộp điểm, công bố, lưu trữ kết quả của người học.

Phòng Chính trị & QLSV gửi thông báo kết quả học tập của người học cho gia đình ngay sau mỗi học kỳ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Tất cả các hoạt động đào tạo của Trường từ công tác tuyển sinh, tổ chức quản lý đào tạo, tốt nghiệp, tìm việc làm cho sinh viên đều có kế hoạch ngày từ đầu mỗi năm học. Hằng năm, Hội đồng tuyển sinh Trường tổ chức xét tuyển theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT. Sau khi báo cáo kết quả tuyển sinh cho Bộ GD&ĐT, Bộ NN&PTTN, Trường tiến hành lưu trữ đầy đủ điểm, hồ sơ thí sinh, hồ sơ sinh viên bằng bản cứng và mềm trên hệ thống dữ liệu tuyển sinh của Trường [H4.4.6.1].

Dữ liệu về hoạt động đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt và công bố rõ ràng ngay từ đầu năm học gồm: kế hoạch giảng dạy, kế hoạch tốt nghiệp sinh viên cuối khóa. Dữ liệu về kết quả học tập của sinh viên được xử lý và lưu trữ tại Khoa cũng như Phòng Đào tạo. Thông tin về kết quả học tập của người học được thông báo rộng rãi, công khai đến từng người học [H4.4.6.1]; [H4.4.5.2]; [H4.4.6.1]

Công tác tổ chức thực tập tốt nghiệp, chấm khóa luận tốt nghiệp, báo cáo tốt nghiệp được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế, quy định. Hội đồng thi và xét tốt nghiệp công nhận tốt nghiệp thông qua danh sách sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp và trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp. Hồ sơ, dữ liệu tốt nghiệp hằng năm đều được lưu trữ đầy đủ tại trường [H4.4.6.2]; [H4.4.5.3].

Trường thành lập Trung tâm Tuyển sinh và Tư vấn việc làm chuyên trách để tìm kiếm việc làm và khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Đối với sinh viên tốt nghiệp, hằng năm, trước khi nhận bằng tốt nghiệp, sinh viên được khảo sát lấy ý kiến đánh giá về chương trình đào tạo và cung cấp thông tin cá nhân phục vụ cho việc liên lạc khi cần. Trung tâm Tuyển sinh và Tư vấn việc làm kết hợp với phòng Chính trị và quản lý sinh viên chịu trách nhiệm phối hợp với các khoa thu thập, xử lý và phân tích

thông tin về tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Trên cơ sở đó tham mưu cho Ban Giám hiệu trong công tác tổ chức đào tạo và rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo. Trong 5 năm qua, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đạt bình quân trên 70% [H4.4.6.3].

Trường đã tổ chức nhiều đợt ký kết với các doanh nghiệp để hợp tác về đào tạo và tìm việc làm cho sinh viên [H4.4.6.4].

Cuối mỗi năm học, các khoa trong trường đều tổ chức tổng kết, đánh giá tình hình đào tạo, tình hình sinh viên tốt nghiệp. BGH tổng hợp số liệu từ các Khoa chuyên môn và các Phòng chức năng và có báo cáo tổng thể về tình hình đào tạo và sinh viên tốt nghiệp trong lễ tổng kết năm học [H1.1.2.5].

2. Điểm mạnh

Trường có bộ phận chuyên trách thực hiện thu thập, xử lý, phân tích thông tin về tình trạng việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Các thông tin về nhu cầu sử dụng lao động chưa được cập nhật kịp thời, mối liên hệ giữa sinh viên sau khi tốt nghiệp với trường chưa chặt chẽ và chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Chính trị & QLSV lập kế hoạch khảo sát thị trường về nhu cầu lao động của ngành, cập nhật thường xuyên và kịp thời các thông tin về tình hình việc làm, thu nhập của sinh viên đã tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả

Trường đã tiến hành việc đánh giá chất lượng người học, nội dung chú trọng vào việc lấy ý kiến của cựu sinh viên và ý kiến của người sử dụng lao động. Công tác lấy ý kiến được thực hiện hàng năm và do phòng Chính trị và công tác

sinh viên thực hiện. Tuy nhiên dữ liệu chưa thu được nhiều do đến năm 2017, trường mới có 03 khóa sinh viên tốt nghiệp. Dữ liệu khảo sát đối với người học sau khi tốt nghiệp được tổng hợp để báo cáo BGH. Kết quả khảo sát được BGH đưa vào báo cáo tổng hợp đánh giá chất lượng hoạt động đào tạo hàng năm [H3.3.2.2]; [H4.4.7.1].

Cùng với việc thu thập thông tin từ người học đã tốt nghiệp, thông qua mạng lưới hợp tác với các doanh nghiệp trên nhiều lĩnh vực. Trường đã cử giảng viên đến các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động để thu thập thông tin phản hồi từ các đơn vị về chất lượng người tốt nghiệp ra trường. 100% các ngành học có sinh viên tốt nghiệp đều được tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các đơn vị sử dụng lao động, tuy nhiên số lượng chưa tiến hành được nhiều và thường xuyên. Trên cơ sở lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động và của cựu sinh viên, Trường đã tiến hành điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo phù hợp [H3.3.4.2]; [H4.4.6.4].

Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên tốt nghiệp với tất cả các chuyên ngành đào tạo [H4.4.6.3]; [H4.4.7.1].

2. Điểm mạnh

Trường có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và doanh nghiệp nhằm đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học.

3. Tồn tại

Công tác thu thập ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động chưa được tiến hành thường xuyên, quy mô còn nhỏ.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Trường xây dựng quy định về việc đánh giá chất lượng người học và tiến hành thu thập ý kiến của các doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động và cựu sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Trường đã xây dựng được hệ thống đa dạng các hình thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của người học. Tất cả các chương trình đào tạo tại Trường được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ với sự hỗ trợ đặc lực của hệ thống phần mềm hiện đại. Công tác Khảo thí &ĐBCL được thực hiện độc lập, tập trung nhằm đảm bảo tính khách quan, hạn chế tiêu cực. Một số tồn tại chính đã được Trường xác định và lập kế hoạch khắc phục trong năm 2018 như phát triển hình thức đào tạo theo đơn đặt hàng, ban hành quy định về việc đánh giá chất lượng người học, mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp.

TIÊU CHUẨN 5: ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Thực hiện chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn 2030, HĐ trường và BGH đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, qui hoạch và bổ nhiệm đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên đáp ứng việc thực hiện mục tiêu chiến lược đã đề ra. Trong quá trình thực hiện, HĐT và BGH thực hiện quy chế dân chủ, công khai trong công tác cán bộ. Đồng thời Trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng thực hiện công việc. Trường luôn chú trọng công tác phát triển đội ngũ cả về số lượng lẫn chất lượng, đáp ứng yêu cầu theo quy chế của Bộ GD&ĐT, quy định của Trường nhằm đảm bảo yêu cầu tổ chức mọi hoạt động. Kết quả trong 5 năm qua, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên Trường đã được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và được Chính phủ, Bộ GD&ĐT, UBND thành phố Bắc Giang khen tặng.

Tiêu chí 5.1: Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả

Dựa vào kế hoạch phát triển chiến lược của Trường, hàng năm, các đơn vị lập kế hoạch về nhu cầu tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên và nhân viên. Dựa trên các yêu cầu tuyển dụng ở các đơn vị, phòng Tổ chức rà soát và xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, tham mưu và trình Hiệu trưởng phê duyệt. Trên cơ sở quy hoạch, phòng Tổ chức phối hợp với các đơn vị triển khai thông báo, thành lập Hội đồng tuyển dụng, xét duyệt danh sách cán bộ, giảng viên tham gia các chương trình

bồi dưỡng chuyên môn [H5.5.1.1].

Trong những năm qua, Trường đã cử trên 576 lượt giảng viên, nhân viên tham gia tập huấn, học tập nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn, dự hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước. Trong đó có trên 471 lượt tập huấn; 246 lượt tham dự hội nghị, hội thảo; 103 lượt tham gia học nghiên cứu sinh, cao học, đại học; và trên 122 lượt tham gia các lớp huấn luyện, đào tạo ngắn hạn [H5.5.1.2].

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh các cán bộ quản lý và kết quả thi đua, phòng Tổ chức tổng hợp danh sách quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý trình BGH phê duyệt. Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện chặt chẽ và bám sát yêu cầu thực tế của Trường, đáp ứng được mục tiêu đã đề ra [H5.5.1.3].

Trường xây dựng và công khai qui trình, tiêu chuẩn tuyển dụng và bổ nhiệm các vị trí quản lý. Tương ứng với mỗi vị trí đều có tiêu chuẩn chức danh cụ thể được thể hiện theo đúng quy định đã ban hành. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện chặt chẽ từ bước lấy phiếu đánh giá tín nhiệm ở cấp đơn vị cho đến cấp trường và ra quyết định công nhận [H5.5.1.4].

Nội dung về số lượng và yêu cầu cơ bản của vị trí tuyển dụng được thông báo công khai trên Website của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Công tác tuyển dụng thực hiện theo đúng quy định và tiêu chuẩn [H5.5.1.5].

Xuất phát từ mục tiêu chiến lược về hội nhập quốc tế của Trường, nhu cầu sử dụng nhân lực là người nước ngoài của Trường có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Tuy nhiên, Trường chưa ban hành quy trình về việc tuyển dụng cán bộ giảng viên là người nước ngoài.

2. Điểm mạnh

Quy trình quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch và chặt chẽ.

3. Tồn tại

Trường chưa có quy trình tuyển dụng nhân sự người nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017-2018, phòng Tổ chức cán bộ xây dựng quy trình, tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự người nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.2: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường học.

1. Mô tả

Phát huy làm chủ và huy động tiềm năng trí tuệ tập thể người lao động, Trường đã ban hành quyết định 237/QĐ-ĐHNLBG “Quy chế Thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường” ngày 02 tháng 12 năm 2011 [H5.5.2.1]. Hàng tháng, các đơn vị triển khai họp đơn vị nhằm thảo luận, đề xuất các kiến nghị cho lãnh đạo Trường và các đơn vị có liên quan. Các kiến nghị được thảo luận công khai tại các cuộc họp giao ban và được chuyển đến cho các đơn vị có liên quan. Nội dung và các giải pháp triển khai thực hiện được cụ thể trong biên bản họp giao ban và công khai đến các đơn vị, cá nhân trong toàn trường [H5.5.2.2].

Trường duy trì hòm thư góp ý đặt ở các cơ sở, công khai địa chỉ email, số điện thoại của Lãnh đạo trường để cán bộ, giảng viên tham gia góp ý rộng rãi [H5.5.2.3].

Hàng tháng, các chi bộ và Đảng ủy trường tổ chức sinh hoạt, bên cạnh việc triển khai nội dung công tác Đảng, các Đảng viên, Đảng ủy viên đóng góp ý kiến thảo luận các chính sách lớn của Trường và các kiến nghị nếu có. Tất cả các ý kiến đóng góp của Đảng viên, Đảng ủy viên đều được Bí thư chi bộ, Ban thường vụ Đảng ủy kịp thời giải quyết đáp ứng nguyện vọng của cá nhân, tập thể các đơn vị trong trường. Các công việc trên được thực hiện thuận lợi, kịp thời xuất phát từ thực tế của các thành viên HĐT, BGH đều là Đảng viên, Đảng ủy viên và ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy Trường [H5.5.2.4].

Các chủ trương, chế độ chính sách đối với giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên đều được các đơn vị tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trước khi ban hành và triển khai áp dụng. Chương trình đào tạo, Thỏa ước lao động tập thể, Quy định thi kết thúc học phần,.. được triển khai đến tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn trường để lấy ý kiến. Nhờ vậy, trong những năm qua, mọi hoạt động của Trường được diễn ra thuận lợi. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường thể hiện sự đồng thuận với nhiều chính sách của Trường. Trong 5 năm qua, Trường không có bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào [H5.5.2.5].

2. Điểm mạnh

Tất cả các chủ trương, chính sách của Trường đều được công khai minh bạch và được tổ chức lấy ý kiến toàn Trường trước khi ban hành.

3. Tồn tại

Trường chưa xây dựng lịch tiếp cán bộ, giảng viên, nhân viên cố định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Hành chính tổng hợp tham mưu cho BGH ban hành quy định về lịch tiếp cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.3: Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên của Trường khi tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước đều thực hiện nghiêm túc theo quy định về việc tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, Trường đã ban hành các chính sách cụ thể về phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên như chính sách dành cho nghiên cứu sinh, chính sách tham gia hội thảo, chính sách về

mức thưởng sản phẩm bài báo đăng trên tạp chí quốc tế [H5.5.3.1]. Trường luôn tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí để đội ngũ được tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước. Trong 5 năm qua, Trường đã hỗ trợ một lượng lớn kinh phí cho đội ngũ của Trường tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước. Tuy nhiên, số lượng cán bộ quản lý, giảng viên tham gia làm nghiên cứu sinh tại các trường nước ngoài vẫn còn ít so với số lượng đội ngũ giảng viên của Trường [H5.5.3.2] .

Trường ban hành các quy định rõ về khen thưởng, hỗ trợ các công trình khoa học như quy định về khen thưởng các bài báo được đăng trên các tạp chí nước ngoài có chỉ số ISI, khen thưởng kết quả NCKH... những chính sách nêu trên đã góp phần tạo nên đội ngũ quản lý và giảng viên đáp ứng các yêu cầu về phát triển của Trường [H5.5.3.2]; [H5.5.3.3].

Hàng năm, thông qua Hội nghị công tác tổ chức, Phòng Tổ chức báo cáo tổng hợp về tình hình thực hiện các chính sách, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

2. Điểm mạnh

Các chính sách ưu đãi của Trường phù hợp với mong đợi của cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

3. Tồn tại

Số lượng giảng viên tham gia học nghiên cứu sinh ở nước ngoài còn ít, đặc biệt là các nước Châu Âu.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017 - 2018, BGH tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá hiệu quả các chính sách hỗ trợ hoạt động chuyên môn trong và ngoài nước, rà soát và bổ sung các nội dung trong quy định nhằm khuyến khích giảng viên tham gia học nghiên cứu sinh ngoài nước.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.4: Đội ngũ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Trường luôn xác định có một đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì người đứng đầu phải có đạo đức, năng lực quản lý, năng lực lãnh đạo và trình độ chuyên môn [H5.5.4.1]. Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ quản lý luôn được Trường tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng về năng lực quản lý [H5.5.4.2]. Tất cả cán bộ quản lý đều đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của nhà nước. Tất cả cán bộ quản lý chủ chốt có trình độ sau đại học, trong đó tỉ lệ nữ chiếm 24.5%, tất cả cán bộ quản lý là đảng viên Đảng CSVN [H5.5.5.2]. Trong những năm qua, Trường không có cán bộ quản lý, Đảng viên vi phạm các quy định về đạo đức và những điều đảng viên không được làm, Đảng ủy huyện Việt Yên, UBND Tỉnh Bắc Giang, Bộ Nông Nghiệp & PTNT không có bất kỳ văn bản xử lý vi phạm nào đối với cán bộ quản lý của Trường.

Trong những năm qua, nhiều cán bộ quản lý và các đơn vị của Trường được các cơ quan Bộ chủ quản, Tỉnh Ủy, UBND Tỉnh Bắc Giang và BGH khen tặng. Với nhiều thành tích đóng góp xuất sắc cho sự nghiệp giáo dục, nhiều lãnh đạo của Trường được Chính phủ, Nhà nước tặng bằng khen, danh hiệu cao quý như: Huân chương lao động, Bằng Khen của Thủ Tướng Chính Phủ.... [H5.5.4.3]

Quy chế dân chủ ở cơ sở được cán bộ quản lý thực hiện nghiêm túc. Đầu mỗi năm học từng đơn vị đều có hội nghị cán bộ viên chức để tổng kết đánh giá kết quả công việc trong năm, đề ra phương hướng công tác cho năm học mới với sự góp ý của mọi thành viên trong đơn vị. Trong hội nghị cán bộ viên chức cấp đơn vị, cấp trường, cũng như đại hội chi bộ, đảng bộ đều có nội dung tự nhận xét và góp ý của mọi thành viên về đạo đức, tác phong, năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý; Cán bộ quản lý ghi nhận các ý kiến góp ý,

sau đó có sự giải trình trước toàn thể hội nghị về các vấn đề viên chức nêu ra cho đơn vị hoặc trực tiếp cho lãnh đạo đơn vị [H5.5.4.4]. Cuối năm học, Hội đồng Thi đua khen thưởng thực hiện việc tổng kết đánh giá công tác thi đua của từng cá nhân thông qua kết quả giám sát độc lập từ các đơn vị liên quan [H5.5.4.5]. Trong những năm qua đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đều đáp ứng tốt yêu cầu về năng lực quản lý, trình độ ngoại ngữ, tin học và chuyên môn góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H5.5.5.2].

2. Điểm mạnh

Nhiều cán bộ quản lý của Trường được Nhà nước, Chính phủ, Bộ và thành phố khen thưởng vì hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

3. Tồn tại

Vẫn còn cán bộ chủ chốt chưa được cử đi tham gia học tập và bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Phòng Tổ chức cán bộ xây dựng kế hoạch trình Ban giám hiệu phê duyệt cử cán bộ quản lý đi học tập và bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.5: Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/ giảng viên.

1. Mô tả

Tính đến thời điểm 30/7/2017, toàn trường có 243 cán bộ, giảng viên và nhân viên, trong đó tổng số giảng viên cơ hữu của trường là 155. Tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học chiếm 97.4% , trong đó giảng viên có trình độ từ tiến sĩ trở lên chiếm 23.8% [H5.5.5.1]; [H5.5.5.2]. Hiện nay, lực lượng giảng viên của Trường đảm bảo đủ số lượng để thực hiện các chương trình đào tạo và NCKH, đảm bảo đủ thành phần giảng viên cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành. Việc phân bổ môn học cho cán bộ giảng dạy theo nguyên tắc tối

thiếu có 2 cán bộ giảng dạy phụ trách 1 môn học, và 1 cán bộ giảng dạy phụ trách từ 2 đến 3 môn học với chuyên môn gần. Tuy nhiên, vẫn còn một số môn học mới chỉ có 01 giảng viên phụ trách.

Tỷ lệ sinh viên/giảng viên của Trường luôn được đảm bảo ở mức trung bình chung theo quy định của thông tư 57 và thông tư 32 của Bộ GD&ĐT, đáp ứng theo đề án mở ngành, quy định về điều kiện ĐBCL. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên của Trường theo các năm được thể hiện qua báo cáo Ba công khai hằng năm của Bộ GD&ĐT và kết luận của đoàn kiểm tra về việc tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H5.5.5.3]; [H5.5.5.4].

2. Điểm mạnh

- Số lượng giảng viên của Trường tăng lên qua các năm;
- Tỷ lệ sinh viên/giảng viên giảm dần qua các năm.

3. Tồn tại

Tỷ lệ giảng viên có trình độ từ tiến sĩ trở lên còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường tiếp tục quy hoạch đào tạo và tuyển dụng đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ nhằm đáp ứng mục tiêu của Trường đạt 30% đến 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.6: Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ, nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Đội ngũ giảng viên của Trường đảm bảo trình độ chuyên môn được đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT. 100% giảng viên giảng dạy lý thuyết có trình độ từ Thạc sĩ trở lên. Tất cả giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bậc đại học, được học quy chế, quy định trước khi tham gia giảng dạy. Mô hình đào tạo của Trường chú trọng đến phát triển kỹ năng thực hành, thực

tế cho sinh viên nhằm giúp sinh viên thích ứng với thị trường lao động sau khi tốt nghiệp. Do vậy trong chương trình đào tạo, giữa lý thuyết và thực hành có tỷ lệ bình quân 6/4. Đối với lực lượng tham gia giảng dạy thực hành ở các lĩnh vực như hướng dẫn thực hành Chăn nuôi, thú y, Quản lý tài nguyên môi trường, Quản lý đất đai, Công nghệ thực phẩm. Trường vẫn còn bố trí một số giảng viên có trình độ nghề nghiệp cao nhưng chưa có học vị thạc sĩ đảm nhiệm hướng dẫn thực hành [H5.5.6.1].

Trong quá trình tập sự, trợ giảng được bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng đứng lớp cũng như hoàn thành khóa đào tạo cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm. Trường có cơ cấu quản lý chuyên môn theo bộ môn, trưởng bộ môn căn cứ trình độ của giảng viên tiến hành phân công theo quy định, bộ môn trình khoa danh sách giảng viên giảng dạy của từng học phần tương ứng về trình độ để phân công kế hoạch giảng dạy hàng năm. 100% giảng viên của Trường được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo [H5.5.6.2].

100% đội ngũ giảng viên của Trường được quy hoạch theo hướng đảm bảo cơ cấu về chuyên môn, trình độ theo quy định của Bộ GD&ĐT và phù hợp với tình hình thực tiễn của Trường. Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận các chuẩn quốc tế, trường đã tổ chức cho trên 470 lượt giảng viên đi tập huấn chuyên môn, đào tạo ngắn hạn, tham gia học nghiên cứu sinh, tham dự hội thảo trong và ngoài nước [H5.5.1.2].

Cán bộ giảng dạy có đủ trình độ ngoại ngữ để giảng bằng ngoại ngữ và làm việc trực tiếp với người nước ngoài đạt khoảng 20%, con số này sẽ tăng lên khi lượng cán bộ được cử đi đào tạo nước ngoài ngày một nhiều. Điều này khẳng định cán bộ giảng dạy của Trường có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, trao đổi học thuật với chuyên gia nước ngoài, có thể cùng đồng nghiệp nước ngoài xây dựng các chương trình dự án hợp tác nghiên cứu khoa học, liên kết đào tạo với cơ sở đào tạo nước ngoài [H5.5.6.1].

Về trình độ tin học, ngay từ lúc tuyển dụng một trong những tiêu chuẩn

mà Trường yêu cầu đối với ngạch giảng viên là phải có trình độ tin học tương đương B trở lên, chính vì thế mà tất cả cán bộ giảng dạy đều có khả năng ứng dụng tin học trong chuyên môn như biết sử dụng các phần mềm thống kê để phân tích kết quả nghiên cứu, soạn giáo án điện tử ... [H5.5.6.1]. Cán bộ giảng dạy cũng thường xuyên khai thác thông tin trên Internet để cập nhật những kiến thức mới làm phong phú hơn nội dung bài giảng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

2. Điểm mạnh

- Đội ngũ giảng viên được bố trí giảng dạy đúng chuyên ngành đào tạo.
- 100% giảng viên ứng dụng CNTT thành thạo trong giảng dạy.

3. Tồn tại

Trường vẫn còn một số giảng viên giảng dạy thực hành ở một số lĩnh vực chưa có trình độ thạc sỹ trở lên.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018, Phòng Tổ chức phối hợp với các khoa rà soát đội ngũ giảng viên giảng dạy thực hành chưa có trình độ thạc sỹ để quy hoạch cử đi học sau đại học; tiếp tục công tác tuyển dụng giảng viên có trình độ từ thạc sỹ trở lên nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành của Trường

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.7: Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả

Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang được nâng cấp trên cơ sở Trường Cao đẳng Nông Lâm. Trải qua 06 năm được nâng cấp, Trường đã xây dựng được lực lượng đội ngũ gồm 243 người, trong đó có 155 giảng viên [H5.5.5.1]; [H5.5.5.2]. Thực hiện định hướng trẻ hóa đội ngũ nhằm thực hiện sứ mạng, mục tiêu của Trường, Trường chú trọng thực hiện việc tuyển dụng đội ngũ giảng viên trẻ, có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và tin học. Đến nay, xét về thâm niên công tác chuyên môn trong giảng dạy, Trường Đại học

Nông - Lâm Bắc Giang hiện có:

- Dưới 5 năm: 38 người (tỷ lệ 24.54 %)
- Từ 5 năm đến 10 năm: 73 người (tỷ lệ: 47.09 %)
- Từ 11 năm đến 15 năm: 23 người (tỷ lệ: 14.84 %)
- Trên 16 năm: 21 người (tỷ lệ: 13.55 %)

Trường đã có đội ngũ cán bộ giảng dạy giàu kinh nghiệm và đang dần được trẻ hóa. Cán bộ giảng dạy có thâm niên tương đối đủ về số lượng và có năng lực chuyên môn, uy tín và đạo đức để hướng dẫn đội ngũ cán bộ giảng dạy trẻ, kế cận. Trong những năm gần đây, để trẻ hóa đội ngũ và đảm bảo nguồn nhân lực kế cận, Trường đã chú trọng đẩy mạnh công tác tuyển dụng, bình quân một năm tuyển trên 10 giảng viên [H5.5.7.1].

Xét về độ tuổi, đội ngũ giảng viên của Trường có tuổi đời bình quân trẻ (35 tuổi) và có 145 giảng viên có tuổi đời từ 30-50 tuổi, cụ thể như sau:

- Giảng viên dưới 30 tuổi: 22 người (tỷ lệ: 14.2 %)
- Giảng viên từ 30 tuổi đến 40 tuổi: 102 người (tỷ lệ: 65.8 %)
- Giảng viên từ 41 tuổi đến 50 tuổi: 11 người (tỷ lệ: 7.1 %)
- Giảng viên từ 51 tuổi đến 60 tuổi: 13 người (tỷ lệ: 8.4 %)
- Giảng viên trên 60 tuổi: 7 người (tỷ lệ: 4.5 %)

Bình quân độ tuổi của giảng viên là: 35 tuổi [H5.5.7.2].

Để có được đội ngũ giảng viên trên trong những năm qua, Trường đã tuyển dụng và bồi dưỡng hơn 40 giảng viên. Đến nay, đội ngũ giảng viên của Trường đã đảm nhiệm tốt công tác đào tạo và có nhiều công trình NCKH cấp quốc gia và các công bố quốc tế.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ giảng viên có độ tuổi từ 30 - 50 chiếm hơn 70%. Trường có đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng kinh nghiệm về chuyên môn và được trẻ hóa của đội ngũ giảng viên theo quy định.

3. Tồn tại

Một số giảng viên trẻ của Trường còn thiếu kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường có kế hoạch phân công cán bộ có nhiều kinh nghiệm thực tiễn hướng dẫn giảng viên trẻ trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ và cử cán bộ giảng dạy trẻ tham gia học tập kinh nghiệm chuyên môn tại các cơ sở sản xuất.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.8: Đội kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Tính đến 30/7/2017, số lượng kỹ thuật viên, chuyên viên, nhân viên của Trường là 83 người (tỷ lệ:34.1%) [H5.5.5.1]. Số lượng kỹ thuật viên, chuyên viên, nhân viên nêu trên được bố trí làm việc tại các phòng thực hành, phòng thí nghiệm, xưởng sản xuất của trường trong các lĩnh vực đào tạo như: Chăn nuôi, thú y, quản lý Môi trường, Chế biến công nghệ thực phẩm... công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kỹ thuật viên, chuyên viên, nhân viên luôn được coi trọng nhằm đạt mục tiêu “chuyên nghiệp hóa” mà Trường đã đề ra [H5.5.8.1].

Đội ngũ kỹ thuật viên, chuyên viên, nhân viên của Trường có trình độ và năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc. Nhân viên làm việc tại các đơn vị tại các phòng thực hành, phòng thí nghiệm, xưởng sản xuất... có bằng tốt nghiệp, chứng chỉ phù hợp với vị trí công việc. Đến nay, tất cả đội ngũ kỹ thuật viên, chuyên viên, nhân viên đáp ứng trình độ, phù hợp với vị trí công việc nêu trên [H5.5.8.2].

Trường đã xây dựng chính sách bồi dưỡng, khuyến khích để đội ngũ kỹ thuật viên, chuyên viên, nhân viên được học tập nâng cao trình độ chuyên

môn. Đã cử nhiều lượt nhân viên, kỹ thuật viên đi tập huấn, học chuyên môn, học nghiệp vụ trong và ngoài nước theo định kỳ hoặc theo yêu cầu công việc [H5.5.1.2].

Cũng như đội ngũ cán bộ giảng dạy, trong những năm gần đây nhà trường đã tích cực tuyển mới để trẻ hoá đội ngũ phục vụ đào tạo. Các tiêu chuẩn tuyển dụng đối với đội ngũ nhân viên cũng được điều chỉnh cho phù hợp với từng chức danh công việc, chính vì vậy tất cả nhân viên trẻ đều có đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, phục vụ tốt cho công tác đào tạo. Tuy nhiên về khả năng ngoại ngữ của đội ngũ kỹ thuật viên thì còn hạn chế, chưa có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên và kỹ thuật viên. Nhà trường chỉ lên kế hoạch bồi dưỡng để được cấp các chứng chỉ liên quan đến kiến thức quản lý nhà nước, chương trình chuyên viên, nghiệp vụ thư ký, văn thư lưu trữ và bồi dưỡng các kỹ thuật viên ở các phòng thí nghiệm [H5.5.8.2].

2. Điểm mạnh

- Có đội ngũ kỹ thuật viên, chuyên viên, nhân viên làm việc chuyên trách, có đủ số lượng đáp ứng nhu cầu công việc.

- Đội ngũ kỹ thuật viên, chuyên viên được Trường cử tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa có kế hoạch bồi dưỡng định kỳ về chuyên môn nghiệp vụ cũng như về ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên và kỹ thuật viên.

4. Kế hoạch hoạt động

Từ năm 2017, Phòng Tổ chức phối hợp với các đơn vị có liên quan lên kế hoạch cụ thể về công tác bồi dưỡng cán bộ, nhân viên, kỹ thuật viên định kỳ trong từng năm học. Chú trọng phối hợp với các đơn vị đào tạo có uy tín, có khả năng cấp các chứng chỉ về chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Quy trình quy hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, dân chủ, công khai, minh

bạch và chặt chẽ đã thu hút được lực lượng giảng viên, nghiên cứu viên trẻ, có trình độ cao. Quy chế dân chủ trong trường học được thực hiện nghiêm túc. Nhiều cán bộ quản lý của Trường được Nhà nước, Chính phủ, Bộ và thành phố khen thưởng vì hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Tỷ lệ giảng viên có độ tuổi từ 30-50 chiếm hơn 70% tổng giảng viên toàn trường. Nhiều giảng viên, cán bộ, nhân viên, kỹ thuật viên được tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước.

Trường đã xác định các tồn tại cơ bản cần khắc phục trong những năm tới như xây dựng quy trình tuyển dụng nhân sự người nước ngoài, gia tăng tỷ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ lên mức 30% tổng số giảng viên toàn trường, xây dựng các chính sách phúc lợi cạnh tranh để thu hút đội ngũ cán bộ giảng viên có trình độ cao về làm việc và công tác tại Trường.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 5: 8/8 tiêu chí đạt yêu cầu

TIÊU CHUẨN 6: NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Phương châm và mục tiêu hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang là “Tất cả vì quyền lợi học tập và việc làm của sinh viên”. Để đạt được mục tiêu trên Trường không ngừng đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị để phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và phục vụ rèn luyện của sinh viên. Mọi hoạt động của Trường, từ công tác đào tạo, hỗ trợ đào tạo đến việc giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống đều được chú trọng và hướng đến mục tiêu ĐBCL để sinh viên ra trường có đủ sức khỏe và nhân cách tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có việc làm đáp ứng nhu cầu xã hội trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Tiêu chí 6.1: Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo được công bố công khai tại website của Trường, được đăng tải đầy đủ vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (CMC). Khi mới nhập học, sinh viên nhận được thời khóa biểu sinh hoạt đầu khóa, trong đó có các buổi giới thiệu cụ thể về chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, đánh giá và quy định trong công tác đào tạo của Trường. Cụ thể, khoa chủ quản trực tiếp giới thiệu cho sinh viên về chương trình đào tạo, mục tiêu học tập và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Trung tâm thông tin thư viện của Trường giới thiệu và hướng dẫn trên phòng máy tính về cách đăng ký tín chỉ, xem chương trình đào tạo, đề cương môn học và xem kết quả học tập môn học. Phòng Đào tạo, phòng Công tác sinh viên, phòng Khảo thí & ĐBCLĐT giới thiệu về quy chế, quy định về đào tạo và quy chế học sinh sinh viên, quy chế thi kiểm tra, quy định về việc lấy phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy... [H6.6.1.1].

Tất cả các môn học đều có đề cương đầy đủ và chi tiết trong đó có quy định cụ thể về cách đánh giá kết quả học tập môn học. Đề cương môn học được lưu trữ và cập nhật vào hệ thống quản lý đào tạo của Trường và cung cấp đến từng sinh viên theo đúng tài khoản cá nhân sinh viên. Đồng thời trong giờ học đầu tiên của học phần, giảng viên giới thiệu về quy định kiểm tra, đánh giá kết quả môn học [H3.3.1.4].

Với sinh viên năm cuối, các khoa chuyên môn đã cung cấp đầy đủ thông tin và hướng dẫn cụ thể về hình thức, nội dung và cách đánh giá thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp để giúp sinh viên hoàn thành tốt kỳ thực tập tốt nghiệp và viết khóa luận tốt nghiệp. Ngoài ra, các khoa còn tổ chức các buổi tọa đàm về nghề nghiệp với sự góp mặt của đại diện các đơn vị tuyển dụng lao động giúp sinh viên nhận thức sâu hơn gắn với thực tế hơn về chương trình đào tạo thông qua trao đổi trực tiếp với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng

Quy chế đào tạo của Bộ GD & ĐT ban hành cho các hệ, bậc đào tạo được Trường cụ thể hóa bằng các quy định về đào tạo của Trường và phổ biến đến người học [H6.6.1.1]. Thông tin đến với người học được cung cấp qua các kênh như:

- + Website của Trường (<http://www.bafu.edu.vn>)
- + Phổ biến trực tiếp trong chương trình giáo dục công dân cho sinh viên, học viên hàng năm.
- + **Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (<http://www.bafu.edu.vn>)**
- + Sổ tay sinh viên [H6.6.1.3]
- + Thông qua cố vấn học tập
- + Tổ chức đối thoại giữa sinh viên với Lãnh đạo trường nhằm cung cấp thông tin trực tiếp của Trường đến với người học và lắng nghe ý kiến, đóng góp của người học về hoạt động đào tạo, quản lý, phục vụ của Trường [H6.6.1.4]. Tuy nhiên, công tác tổ chức đối thoại chưa thực hiện thường xuyên, mới thực hiện việc đối thoại định kỳ theo quy định.

2. Điểm mạnh

- Có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo toàn diện.
- 100% người học được hướng dẫn và cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ đào tạo qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

3. Tồn tại

Công tác tổ chức đối thoại giữa sinh viên với Lãnh đạo trường chưa thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018, Trường tổ chức đối thoại giữa sinh viên với Lãnh đạo trường thường xuyên hơn nhằm cung cấp thông tin trực tiếp của Trường đến với người học và lắng nghe ý kiến, đóng góp của người học về hoạt động đào tạo, quản lý, phục vụ của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.2: Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường.

1. Mô tả

Trường ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn đến sinh viên về chế độ chính sách miễn giảm học phí, cấp bù chi phí học tập theo quy định của tại Nghị định 86 của Chính phủ. Trường phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện đầy đủ chế độ miễn, giảm học phí, cấp bù kinh phí học tập đến với sinh viên thuộc đối tượng miễn giảm. Nhằm khuyến khích và biểu dương những sinh viên đạt thành tích tốt trong học tập và rèn luyện, Trường triển khai thực hiện tốt công tác khen thưởng và cấp học bổng cho sinh viên [H6.6.2.1]. Các chế độ về khen thưởng, miễn giảm học phí đều được thực hiện theo đúng quy định và thực hiện công khai, đảm bảo 100% sinh viên thuộc diện chính sách được hưởng chế độ hỗ trợ theo đúng quy định [H6.6.2.2]. Từ năm học 2013 – 2014 đến hết năm học 2016-2017, Nhà trường

đã dành 4.973.000.000 đồng kinh phí miễn giảm học phí; 2.041.000.000 đồng trợ cấp xã hội; 3.709.000.000 đồng hỗ trợ chi phí học tập; 2.553.000.000 đồng kinh phí khen thưởng và cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên [H6.6.2.3].

Đầu khóa học, Trường ký hợp đồng với Trung tâm Y tế Huyện Việt Yên – Bắc Giang để triển khai khám sức khỏe đầu khóa cho sinh viên theo đúng quy định của Bộ Y tế. Khám sức khỏe tổng quát đầu khóa là quy định bắt buộc đối với mọi sinh viên, vì vậy 100% sinh viên được khám sức khỏe khi nhập học [H6.6.2.4].

Công tác chăm sóc sức khỏe sinh viên, khám chữa bệnh ban đầu được Trường triển khai thực hiện chu đáo, đảm bảo đáp ứng cho tất cả người học có nhu cầu tư vấn, chăm sóc, khám chữa bệnh [H6.6.2.5]. Trường cũng đã ký hợp tác toàn diện với bệnh viện huyện Việt Yên để chủ động trong việc khám chữa bệnh cho người học [H6.6.2.6].

Trường luôn chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người học tham gia các hoạt động nghệ thuật, thể dục thể thao. Trường có đầy đủ địa điểm thực hiện nhiệm vụ tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Các hoạt động Văn - Thể - Mỹ được tổ chức tại khu thể thao và hội trường chuyên trách của Trường. Trường cũng đã đầu tư kinh phí để xây dựng các sân luyện tập, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân tennis, cầu lông nhằm phục vụ các hoạt động rèn luyện thể dục thể thao thường xuyên của người học tại Trường [H6.6.2.7].

Công tác đảm bảo an ninh trật tự cho người học luôn được Trường chú trọng. Toàn bộ các khuôn viên của Trường được lắp đặt hệ thống Camera quan sát, đèn cao áp, tổ chức lực lượng bảo vệ với đầy đủ trang thiết bị hỗ trợ cho công tác đảm bảo an ninh an toàn [H9.9.9.2]. Trong giai đoạn từ năm 2012 đến hiện nay, trong khuôn viên của Trường luôn được đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối và không để xảy ra trường hợp mất mát hoặc đe dọa nào. Báo cáo tổng kết hàng năm, Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang được Bộ

Nông nghiệp & PTNT đánh giá cao trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với người học.
- Các hoạt động văn thể mỹ của sinh viên được Nhà trường quan tâm, đầu tư, trở thành điểm nổi bật trong hoạt động sinh viên.

3. Tồn tại

Trường mới chỉ thực hiện việc khám sức khỏe người học ở đầu khóa học, chưa triển khai thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho sinh viên trong thời gian học tập tại trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 – 2018, Trường sẽ giao cho phòng Công tác sinh viên chủ động trong việc lập kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.3: Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả

Hàng năm, Trường lập kế hoạch và triển khai nghiêm túc tuần sinh hoạt Công dân – HSSV. Ngoài các nội dung học tập về nội quy, quy chế Trường đã tổ chức quán triệt các Nghị quyết của Đảng, các chỉ thị của Bộ Chính trị về công tác giáo dục tư tưởng chính trị, giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, giáo dục an toàn giao thông (ATGT), phòng chống tội phạm cho sinh viên đầu năm học và đầu khóa học [H6.6.1.1]. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, giáo dục đạo đức và lối sống cho người học được tổ chức đoàn các cấp lồng ghép vào hoạt động Văn-Thể-Mỹ, các hoạt động từ thiện, hoạt động tình nguyện một cách thường xuyên trong Trường. Tuy nhiên, các hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng đối với sinh viên hệ không chính quy chưa được Trường tổ chức thường xuyên [H6.6.3.2].

Việc triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục về truyền thống dân tộc,

của Đảng, của Đoàn, phổ biến các Nghị quyết của Đảng, của Đoàn và 06 bài lý luận chính trị đến đoàn viên sinh viên một cách đầy đủ và kịp thời thông qua những hình thức có tính đổi mới, sáng tạo, phù hợp với tâm lý, điều kiện thời gian và học tập của đoàn viên sinh viên.

Thực hiện công tác rèn luyện tư tưởng và đạo đức lối sống cho người học, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên trường đã triển khai bằng nhiều hình thức khác nhau như qua bài giảng của các báo cáo viên, các buổi sinh hoạt, cuộc thi tìm hiểu về tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, chiếu phim về cuộc đời và sự nghiệp của Người. Cụ thể hơn, Đoàn trường thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo gương đạo đức Hồ Chí Minh trong thực tiễn học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động phong trào; hoạt động ký cam kết thực hiện nếp sống văn minh...[H6.6.3.2].

Trường đã tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện đối với sinh viên. Căn cứ theo nội dung quy định của Bộ GD&ĐT, Trường đã ban hành quy định cụ thể về tiêu chí và thang điểm đánh giá, đồng thời triển khai thực hiện theo từng học kỳ [H6.6.3.4]. Cuối năm, cuối khóa học, Hội đồng đánh giá rèn luyện xét duyệt và trình Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận kết quả rèn luyện cho sinh viên [H6.6.3.5]. Kết quả rèn luyện hàng năm và toàn khóa học cho thấy có trên 90% người học có kết quả rèn luyện đạt từ loại khá trở lên, trong đó tỷ lệ sinh viên có kết quả rèn luyện đạt loại tốt và xuất sắc chiếm trên 70%. Số sinh viên có kết quả rèn luyện trung bình và yếu kém chiếm tỷ lệ dưới 5% (còn khoảng 3% sinh viên bỏ học nên không được đánh giá rèn luyện).

Hàng năm, Trường có trên 10% sinh viên được biểu dương khen thưởng vì đạt thành tích tốt trong học tập và rèn luyện. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ khoảng 0,02% sinh viên vi phạm kỷ luật (chủ yếu là vi phạm quy chế thi). Những số liệu trên đã thể hiện công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho sinh viên của Trường được thực hiện có hiệu

quả, góp phần tạo nên uy tín và thương hiệu Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang trong những năm qua [H6.6.3.7].

2. Điểm mạnh

Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được Trường thực hiện có hiệu quả. Tỷ lệ sinh viên vi phạm đạo đức lối sống, bị kỷ luật thấp.

3. Tồn tại

Chưa thực hiện được các buổi sinh hoạt chuyên đề về công tác đạo đức, lối sống cho sinh viên hệ không chính quy.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017 – 2018, Phòng Công tác sinh viên tăng cường công tác tổ chức và tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên không chính quy theo định kỳ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.4: Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả

Trường hiện có **09 Liên chi đoàn và các chi đoàn trực thuộc là tổ chức đầu mối** tập hợp trên 2000 **đoàn viên** [H6.6.4.1]. Hằng năm, theo Nghị quyết của Đảng bộ Trường và kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên, dưới sự lãnh đạo của Bí thư chi bộ và Ban chấp hành Đảng bộ, Trường triển khai nghiêm túc nghị quyết và kế hoạch về công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống thông qua các buổi sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt Đoàn thanh niên [H6.6.3.2]; [H6.6.4.2].

Hằng năm, Ban Thường vụ Đoàn trường lập kế hoạch cụ thể và triển khai chương trình hoạt động Đoàn theo đúng nội dung hướng dẫn của Tỉnh Đoàn Bắc Giang và các chương trình trọng điểm của Trường nhằm mục tiêu tuyên truyền giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức lối sống cho sinh viên [H6.6.4.3]. Công tác Đoàn và phong trào sinh viên trong Trường đã đóng vai

trò quan trọng trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên. Đồng thời đã tạo động lực cho phong trào thi đua học tốt và rèn luyện tốt của sinh viên trong toàn Trường [H6.6.4.4].

Đảng ủy và Đoàn thanh niên trường chủ trương đẩy mạnh công tác phát triển các Câu lạc bộ sinh viên nhằm đa dạng hoá, sinh viên hoá các hoạt động phong trào, đón đầu những thay đổi quan trọng về mô hình hoạt động phong trào trong thời kỳ mới phù hợp với quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ; đồng thời xây dựng quy chế, điều lệ, nguyên tắc hoạt động, chuẩn hóa hệ thống văn bản hành chính, định hướng xây dựng văn hóa Câu lạc bộ ... Qua đó đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đoàn; hệ thống Câu lạc bộ tổ chức nhiều chương trình lớn cho sinh viên trong và ngoài trường, thu hút hàng nghìn sinh viên tham gia; tìm kiếm được hàng nghìn việc làm. Đến nay, Đoàn trường đã có hơn 8 Câu lạc bộ sinh viên cấp trường thu hút hàng trăm đoàn viên thanh niên tham gia hoạt động [H6.6.4.6].

Đoàn thanh niên tham gia với Công Đoàn trường xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh Đại học Nông Lâm Bắc Giang với tên gọi “Văn minh học đường” liên tục được triển khai trong suốt năm học cũng góp phần không nhỏ vào việc rèn luyện nề nếp, tác phong văn minh lịch sự cho sinh viên nhà trường. Ngoài ra, công tác tuyên truyền đến đoàn viên sinh viên về phòng chống ma túy, HIV - AIDS và các tệ nạn xã hội khác, về văn hóa văn minh Đại học Nông - Lâm Bắc Giang trên website, phát thanh, diễn đàn được thực hiện thường xuyên hàng tuần [H6.6.6.1]. Đồng thời, các câu lạc bộ sinh viên đã tổ chức nhiều hoạt động văn hoá thể thao góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào đời sống của đoàn viên thanh niên; thực hiện giữ gìn cơ sở vật chất, giữ gìn vệ sinh lớp học, khu vệ sinh; thực hiện đeo thẻ khi đến trường; thực hiện ứng xử văn hóa với thầy cô, bạn bè, thực hiện tiết kiệm điện, tiết kiệm nước; thành lập các đội tình nguyện tham gia vệ sinh môi trường trong khuôn viên trường; kiểm tra và nhắc nhở các bạn sinh viên thực hiện nội quy, quy chế của Nhà trường.

Hàng năm, tổ chức Đoàn Thanh niên của Trường phối hợp với chi bộ sinh viên xét chọn đoàn viên ưu tú nhằm giới thiệu cho Đảng ủy cử đi học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, bình quân mỗi năm có khoảng gần 100 lượt đoàn viên được lựa chọn cử đi học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng. Mỗi năm có từ 10 đến 30 sinh viên được kết nạp vào Đảng. Từ năm 2012 đến nay đã có 106 người học vinh dự được đứng vào hàng ngũ Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam [H6.6.4.7].

2. Điểm mạnh

- Công tác Đảng, đoàn thể của Trường có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học, số lượng sinh viên được kết nạp Đảng Cộng sản Việt Nam tăng lên theo từng năm.

- Đoàn Thanh niên phát huy vai trò nòng cốt trong công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

3. Tồn tại

Số lượng người học được xét chọn cử đi học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng còn ít so với quy mô sinh viên của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017 - 2018, Đảng ủy Trường ban hành nghị quyết chuyên đề về công tác phát triển Đảng trong sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.5: Có biện pháp cụ thể để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học

1. Mô tả

Trường xây dựng hệ thống cố vấn học tập nhằm hỗ trợ xuyên suốt quá trình học tập của sinh viên. Trường đã ban hành văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ cũng như quyền lợi của cố vấn học tập (CVHT), mỗi CVHT quản lý 01 lớp sinh viên từ năm đầu đến cuối khóa học [H6.6.5.1]. Hàng tháng, cố vấn học tập sinh hoạt với lớp một lần để trao đổi, định hướng và tháo gỡ những vướng mắc cho sinh viên trong quá trình học tập.

Đầu khóa học, sinh viên được phòng Đào tạo, Khoa chủ quản hướng dẫn về phương pháp học tập ở bậc đại học các nội dung như hướng dẫn sử dụng thư viện, tìm kiếm tài liệu học tập trên thư viện điện tử...

Nhà trường đã đầu tư nhiều trang thiết bị phục vụ học tập và sinh hoạt cho sinh viên. Thư viện Nhà trường hiện có 4970 tài liệu gồm: giáo trình, sách, báo, tạp chí, đề tài Nghiên cứu khoa học, luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp và một số cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ sinh viên. Thư viện phục vụ tất cả các ngày trong tuần phục vụ sinh viên, có hướng dẫn cho sinh viên tra cứu và khai thác tài liệu trong thư viện [H6.6.5.2].

Đối với sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ gia đình khó khăn về kinh tế được Trường hướng dẫn làm thủ tục vay vốn ưu đãi theo đúng tinh thần của Quyết định 157 của Thủ tướng Chính phủ. Hằng năm, Trường cấp giấy xác nhận vay vốn cho sinh viên [H6.6.5.3].

Hằng năm Trường giúp giải quyết cho hơn 1.000 chỗ trọ cho người học ở xa có nhu cầu về chỗ ở. Hầu hết các trường hợp có nhu cầu tìm chỗ trọ đều được đáp ứng thông qua sự hỗ trợ của Trường [H6.6.5.4].

Hệ thống phòng y tế phục vụ, y tế học đường, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, công tác chăm sóc, khám chữa bệnh ban đầu được Trường triển khai thực hiện chu đáo, đảm bảo đáp ứng tất cả người học có nhu cầu tư vấn chăm sóc khám chữa bệnh [H6.6.5.5].

Ngoài ra, Trường hiện đại hóa, ứng dụng mạnh mẽ CNTT nhằm tự động hóa công tác phục vụ đào tạo và quản lý theo tín chỉ, tối ưu hóa công tác cố vấn học tập, người học dễ dàng thực hiện các công tác đăng ký tín chỉ, tra cứu điểm thông qua hệ thống CMC (<http://bafu.edu.vn>). Trường thực hiện chính sách thư viện mở, hoạt động 4 ca/ngày (sáng, trưa, chiều, tối) kể cả thứ bảy và chủ nhật nhằm đem lại môi trường học tập và nghiên cứu thuận tiện nhất cho người học [H6.6.5.6].

Phong trào “Đồng hành với sinh viên học tập, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ” với việc tổ chức các hoạt động khuyến khích

học tập và nghiên cứu khoa học: các diễn đàn về phương pháp giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học, chia sẻ nguồn học liệu; các hội nghị khoa học với sự tham gia của các chuyên gia; tọa đàm, tư vấn các kỹ năng trong học tập, thi, tìm kiếm cơ hội học bổng ... Trong những năm qua, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và các Câu lạc bộ đã tổ chức hàng trăm chương trình lớn nhỏ khác nhau và xin nhiều suất học bổng cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn [H6.6.5.7].

2. Điểm mạnh

- Trường có hệ thống cố vấn học tập chuyên nghiệp
- Nhà trường đã đầu tư nhiều trang thiết bị phục vụ học tập và sinh hoạt cho sinh viên. Trường đã ứng dụng mạnh mẽ CNTT nhằm hỗ trợ đắc lực cho sinh viên trong việc học tập theo học chế tín chỉ.

3. Tồn tại

Trường chưa có ký kết hợp tác với các ngân hàng thương mại về việc hỗ trợ cho sinh viên vay vốn ưu đãi phục vụ hoạt động học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, BGH xây dựng kế hoạch mở rộng quan hệ với các ngân hàng thương mại nhằm tìm kiếm nguồn vốn thực hiện các chương trình tín dụng cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.6: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

1. Mô tả

Công tác giáo dục chính trị, đạo đức lối sống, giáo dục tuyên truyền, phổ biến pháp luật được Trường xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng. Trường thường xuyên phổ biến các văn bản quy định về nội dung công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên như Quy định về Công tác quản lý,

giáo dục sinh viên; Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên; Quy định về công tác giáo dục đạo đức, lối sống của sinh viên; Quy định về việc thực hiện nề nếp văn hóa học đường; Quy định về Nội quy học đường [H6.6.6.1].

Căn cứ vào nội dung văn bản và kế hoạch công tác, Trường thực hiện tổ chức công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức lối sống, quán triệt nội quy, quy chế cho sinh viên. Tháng 9, tháng 10 hàng năm, Trường tổ chức đợt sinh hoạt công dân cho sinh viên. Nội dung của đợt sinh hoạt bao gồm giáo dục lịch sử, truyền thống của Trường; giáo dục tuyên truyền pháp luật về ATGT, phòng chống tội phạm, ma túy và các tệ nạn xã hội; quán triệt các Nghị quyết của Đảng, chỉ thị 03/CT – TW về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, các chỉ thị của Đảng, văn bản của Bộ Giáo dục & ĐT về công tác giáo dục đạo đức lối sống cho sinh viên; phổ biến nội quy, quy chế [H6.6.6.2]. Sau mỗi đợt tuyên truyền mọi sinh viên đều phải ký cam kết không vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội, nộp về trường lưu trữ [H6.6.6.3].

Trường và Ban Thường vụ đoàn thanh niên đã mời các báo cáo viên là chuyên gia trong lĩnh vực về tâm lý, các nhà lý luận chính trị, kinh tế, các nhà khoa học để báo cáo chuyên đề cho sinh viên [H6.6.6.4].

Bên cạnh đó nội dung công tác giáo dục đạo đức lối sống được thể hiện qua các chương trình hoạt động thường xuyên của Đoàn, Hội trong trường hàng năm như: sinh viên 5 tốt, tuổi trẻ Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang làm theo lời Bác. Các hoạt động phong trào của sinh viên khá đa dạng đã thu hút đông đảo Đoàn viên và sinh viên tham gia. Việc tuyên truyền giáo dục cho sinh viên còn được thực hiện thông qua các cuộc thi tìm hiểu về đất nước, về Đảng, Bác Hồ, về truyền thống vẻ vang của nhà trường như: cuộc thi hát về Ca khúc Cách mạng được thực hiện hàng năm trong các ngày lễ lớn. Các cuộc thi do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức đã góp phần rất quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm,

tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường cho sinh viên [H6.6.6.5].

Vào đầu năm học, Ban thường vụ đoàn thanh niên trường triển khai tập huấn công tác đoàn, giới thiệu Nghị quyết, Điều lệ đoàn và tổ chức lễ kết nạp đoàn viên mới. Đoàn trường đã thành lập các câu lạc bộ để thu hút các đoàn tham gia hoạt động thường xuyên trong năm [H6.6.6.6]; [H6.6.4.6].

Nội dung giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho sinh viên được tích hợp trong các môn học Những nguyên lý cơ bản Chủ nghĩa Mac-Lenin, Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật đại cương [H6.6.6.7].

2. Điểm mạnh

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học được tổ chức thường xuyên.

3. Tồn tại

- Hoạt động tuyên truyền giáo dục của Trường vẫn chưa đa dạng về hình thức tổ chức, tài liệu in một số chương trình tuyên truyền còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Phòng Công tác sinh viên cùng Đoàn trường xây dựng kế hoạch đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền như tổ chức Hội thi tìm hiểu, game show, tham quan thực tế, ... nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác tuyên truyền, giáo dục người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.7: Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả

Trường thành lập Trung tâm Tuyển sinh và tư vấn việc làm sinh viên từ năm 2015. Nhiệm vụ của Trung tâm ngoài công tác tuyển sinh còn có tư vấn hỗ trợ và giới thiệu việc làm, hợp tác doanh nghiệp, tổ chức các hội nghị,

hội thảo, giao lưu giữa sinh viên với doanh nghiệp, tổ chức Hội chợ việc làm, điều tra, khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp, tìm kiếm cho sinh viên có cơ hội học tập và nghiên cứu tại nước ngoài [H6.6.7.1].

Hằng năm, qua các hoạt động kết nối với doanh nghiệp như giao lưu, tổ chức hội thảo, ký kết hợp tác giữa Trường với các doanh nghiệp, sinh viên có cơ hội tìm kiếm các cơ sở thực tập, thực hành phù hợp và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Đến nay Trường đã thiết lập mối quan hệ và ký kết hợp tác với trên 100 doanh nghiệp trên địa bàn cả nước [H6.6.7.2]; [H6.6.7.3].

Trường đã phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức ngày hội việc làm ngay tại khuôn viên Trường với sự tham gia bình quân của gần 50 doanh nghiệp/ năm. Hàng trăm sinh viên đã được tuyển dụng ngay tại ngày việc làm. Tổ chức các buổi gặp gỡ với cựu sinh viên nhà trường để trao đổi kinh nghiệm về các kỹ năng, kiến thức giúp các em sinh viên dễ dàng tìm được việc làm. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên còn tổ chức các hoạt động hỗ trợ giúp cho sinh viên đang học và sinh viên tốt nghiệp gặp gỡ các nhà tuyển dụng và tuyển dụng tại chỗ, tọa đàm về nghề nghiệp và việc làm... Sự kiện này được diễn ra định kỳ một lần/ năm, đây là cơ hội để tất cả sinh viên tìm hiểu và cọ sát với thị trường việc làm [H6.6.7.4].

Nhà trường đã tiến hành khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp, qua đó nắm được tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp để có biện pháp điều chỉnh kịp thời về chương trình đào tạo, thực tập, trang bị các kỹ năng cần thiết và các hoạt động hỗ trợ sinh viên. Kết quả khảo sát việc làm của sinh viên (từ năm 2014 đến 2017) cho thấy tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo đạt bình quân 56% [H6.6.7.6].

Tất cả các chương trình đào tạo của Trường đều có mô tả vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp mà người học đủ năng lực thực hiện, thể hiện rõ trong Báo cáo Ba công khai và chuẩn đầu ra của Trường [H6.6.7.6].

2. Điểm mạnh

- Có bộ phận chuyên trách về xúc tiến việc làm.

- Tổ chức hội chợ việc làm thường niên.

3. Tồn tại

Công tác quan hệ doanh nghiệp mới chỉ tập trung ở một số ngành truyền thống như chăn nuôi thú y, công nghệ thực phẩm, quản lý đất đai, quản lý tài nguyên và môi trường.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017 – 2018, BGH xây dựng kế hoạch mở rộng công tác quan hệ doanh nghiệp trên phạm vi cả nước cho tất cả các ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.8: Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả

Hàng năm, Trung tâm Tuyển sinh và tư vấn việc làm phối hợp với phòng Chính trị quản lý sinh viên và Phòng Khảo thí & ĐBCLĐT lập kế hoạch và xây dựng biểu mẫu để thực hiện nhiệm vụ khảo sát việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H6.6.8.1]. Trường sử dụng nhiều phương pháp khảo sát như gửi thư, email, điện thoại phỏng vấn đối với sinh viên tốt nghiệp. Kết quả tổng hợp số liệu thu được trong các năm gần đây cho thấy bình quân 63.9% sinh viên tốt nghiệp có việc làm và tự tạo được việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp. Kết quả phân tích số liệu khảo sát việc làm sinh viên cho thấy, bình quân có 52% sinh viên làm việc đúng ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp [H6.6.8.2]. Những ngành học có tỷ lệ sinh viên có việc làm cao (trên 95%) như Chăn nuôi, Thú y, Kế toán, Nông học.

2. Điểm mạnh

Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ khá cao.

3. Tồn tại

Việc khảo sát người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm chưa được tiến hành với hệ đào tạo không chính quy.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017 – 2018, Trường xây dựng kế hoạch khảo sát người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm với tất cả các hệ đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.9: Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Trường Đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Nhà trường đã giao cho phòng Khảo thí & ĐBCLGD Xây dựng Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học theo Quy định số 36/QĐ-ĐHNLBG-KTHI ngày 05/9/2011 [H6.6.9.1], trong đó quy định mục đích, yêu cầu, nội dung và công cụ đánh giá; quy trình xử lý số liệu và đánh giá kết quả khảo sát, gửi kết quả khảo sát về các đơn vị để xây dựng kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Trường có phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy lý thuyết và hoạt động giảng dạy toàn khóa [H6.6.9.1].

Trường đã ban hành văn bản quy định về công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, đồng thời ra quyết định tổ chức nhân sự để triển khai thực hiện hàng năm. Công tác khảo sát đánh giá giảng viên được Trường mới chỉ được tiến hành theo hình thức khảo sát trực tiếp trên giấy, chưa khảo sát online: Phiếu khảo sát ý kiến sinh viên về giảng viên gồm 6 tiêu chí và 23 nội dung để sinh viên đánh giá sau khi kết thúc môn học [H6.6.9.2].

Quy định về công tác lấy ý kiến và xử lý dữ liệu ý kiến của sinh viên về giảng viên được hướng dẫn chi tiết trong Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về giảng viên được Hiệu trưởng phê duyệt [H6.6.9.1].

100% sinh viên trước khi tốt nghiệp đều được tham gia đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường thông qua phiếu khảo sát. Nội dung khảo sát, biểu mẫu và quy trình khảo sát ý kiến được tham khảo theo các tiêu chuẩn có uy tín và được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành và phân công nhân sự để triển khai thực hiện [H6.6.9.4]. Kết quả tổng hợp ý kiến khảo sát sinh viên trước khi tốt nghiệp cho thấy trên 90% người học hài lòng với chất lượng đào tạo của Trường. Nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu xã hội, cơ sở vật chất trang thiết bị hiện đại, giảng viên giảng dạy nhiệt tình, tận tụy với sinh viên [H6.6.9.5].

2. Điểm mạnh

Trường có bộ phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học và phần mềm xử lý số liệu chuyên dụng về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học, đảm bảo độ tin cậy của dữ liệu. Có cán bộ chuyên trách đúng chuyên ngành đo lường và đánh giá giáo dục, đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục.

3. Tồn tại

Chưa tiến hành việc lấy phiếu phản hồi của người học theo hình thức online.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, Phòng Khảo thí &ĐBCLĐT xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến sinh viên trực tuyến (online). Kế hoạch tập trung vào những giải pháp như ứng dụng CNTT, hạn chế phiếu trả lời không phù hợp, gia tăng tuyên truyền và ý nghĩa của việc lấy ý kiến người học...

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận tiêu chuẩn 6

Người học được tiếp cận và tương tác dễ dàng, thuận lợi với các thông tin cần thiết cũng như cố vấn học tập thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo toàn diện. Các chế độ chính sách xã hội, khen thưởng đối với người học được Trường thực hiện đầy đủ. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, bản lĩnh chính trị cho người học đạt hiệu quả cao, tỷ lệ sinh viên vi phạm kỷ luật

thấp, có bộ phận chuyên trách về công tác hỗ trợ và giới thiệu việc làm. Xây dựng được mạng lưới hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan thông tin truyền thông để tổ chức ngày hội việc làm thường niên trong các năm qua.

Trường đã xác định các nhiệm vụ quan trọng cần triển khai trong năm 2017 như lấy ý kiến người học về chất lượng chương trình đào tạo hệ giáo dục thường xuyên; đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống; triển khai các giải pháp nhằm nâng cao độ tin cậy trong công tác lấy ý kiến người học.

TIÊU CHUẨN 7: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Mở đầu

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong hai nhiệm vụ chính của cơ sở giáo dục đại học. Để triển khai có hiệu quả hoạt động NCKH, Trường đã xây dựng kế hoạch phát triển khoa học công nghệ (KH-CN) phù hợp với sứ mạng, nguồn lực của Trường. Trường triển khai thực hiện các công trình NCKH từ cấp cơ sở đến quốc gia, công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí KH-CN trong nước và quốc tế. Kết quả NCKH của Trường đã có những đóng góp cho khoa học ứng dụng vào thực tiễn giải quyết các vấn đề KT – XH địa phương và quốc gia. Đồng thời, sản phẩm NCKH đã góp phần tạo nguồn thu cho Trường và là cầu nối hoạt động KH-CN của Trường với các đơn vị nghiên cứu trong nước và quốc tế. Hoạt động NCKH của Trường dựa trên hệ thống các văn bản pháp quy của Nhà nước và quy định của Trường.

Tiêu chí 7.1: Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường Đại học.

1. Mô tả

Hoạt động KH-CN của Trường được triển khai thực hiện dựa trên cơ sở chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2015 – 2020, tầm nhìn 2030. Đây là cơ sở để Trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển KH-CN [H7.7.1.1].

Để triển khai kế hoạch phát triển KH-CN, hằng năm phòng Khoa học và hợp tác quốc tế (KH&HTQT) xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động KH-CN năm học. Định kỳ tổng kết, đánh giá, rà soát và tham khảo ý kiến của chuyên gia và Trường các đơn vị làm cơ sở xây dựng kế hoạch cho những năm tiếp theo [H7.7.1.2].

Trường đã xác định mô hình đào tạo theo định hướng ứng dụng, để đạt được mục tiêu đề ra, kế hoạch KH-CN của Trường tập trung triển khai các hướng nghiên cứu trong các lĩnh vực như Trồng trọt, Chăn nuôi, Lâm nghiệp,

Kinh tế, Môi trường [H7.7.1.3]. Việc triển khai các kế hoạch KHCN của Trường cũng bám sát với sứ mạng “đào tạo cán bộ kỹ thuật trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học, ... cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ có chất lượng cao, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới”. Điều này được thể hiện thông qua các kết quả đã đạt được từ việc hợp tác với các cá nhân, tổ chức quốc tế trong việc thực hiện các công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín [H8.8.3.4]; chuyển giao các kết quả khoa học công nghệ với các địa phương [H7.7.4.2]; [H7.7.4.3].

Trên cơ sở kế hoạch KHCN hằng năm, các khoa triển khai đến từng giảng viên thực hiện việc đề xuất nhiệm vụ khoa học các cấp và hoàn thiện hồ sơ đăng ký đề tài, dự án là cơ sở cho Hội đồng khoa học và đào tạo Trường thẩm định và xét chọn, trình Hiệu trưởng và cấp có thẩm quyền phê duyệt. Với các đề tài, dự án cấp Trường, trên cơ sở quyết định thực hiện đề tài của Hiệu trưởng, Phòng Tài chính kế toán thực hiện nghĩa vụ ngân sách theo quy định của Trường. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ, phòng KH&HTQT thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát và kiểm tra tiến độ thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đề ra [H7.7.1.4]. Thống kê đến nay cho thấy, các công trình NCKH của giảng viên, sinh viên trong Trường chưa nhận được sự quan tâm hỗ trợ kinh phí từ các doanh nghiệp và các đối tác bên ngoài, ngoại trừ các đề tài, dự án được cấp kinh phí từ ngân sách sự nghiệp các cấp.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch phát triển KHCN của Trường phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường Đại học.

3. Tồn tại

Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học chủ yếu từ nguồn ngân sách của Trường và ngân sách sự nghiệp các cấp, chưa khai thác được nguồn hỗ trợ kinh phí từ doanh nghiệp và các đối tác bên ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Phòng KH&HTQT phối hợp cùng các Khoa xây dựng kế hoạch thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các nghiên cứu ứng dụng của giảng viên, sinh viên.

Phòng KH&HTQT phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Nông, Lâm nghiệp (Trung tâm NC UD&CGCN) xây dựng kế hoạch đa dạng hóa các hoạt động công nghệ, kết hợp nghiên cứu và triển khai các mô hình nghiên cứu ứng dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.2: Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

1. Mô tả

Dựa vào kế hoạch NCKH hàng năm, phòng KH&HTQT triển khai đăng ký đề tài cấp cơ sở theo nhiều đợt và định kỳ triển khai đăng ký đề xuất các đề tài các cấp Tỉnh, Bộ, Nhà nước [H7.7.2.1]. Căn cứ vào hồ sơ đăng ký nhiệm vụ NCKH các cấp, phòng KH&HTQT xây dựng Hồ sơ năng lực để hỗ trợ các chủ nhiệm đề tài thực hiện. Đặc biệt, Trường đã đầu tư, mua sắm thiết bị, xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm chuyên ngành phục vụ các hoạt động nghiên cứu trong các lĩnh vực sinh học phân tử, nghiên cứu ứng dụng theo từng chuyên ngành... Đảm bảo 100% đề tài NCKH và chủ trì đề tài được tạo các điều kiện thuận lợi để triển khai NCKH [H7.7.1.4]; [H7.7.2.2].

Kết quả Trường đã và đang triển khai thực hiện được 194 đề tài NCKH cấp cơ sở được cấp từ nguồn kinh phí từ các cấp Tỉnh, Bộ, Nhà nước, trong đó có 142 đề tài đã nghiệm thu đúng tiến độ, hiện còn 52 đề tài đang thực hiện theo kế hoạch [H7.7.2.3].

Đối với các đề tài NCKH cấp trường được thực hiện theo đúng quy trình của Trường đã ban hành. Đầu năm, Trường họp triển khai công tác NCKH. Phòng chức năng quản lý về NCKH thường xuyên cập nhật thông tin, thông báo đến các đơn vị, tổ chức đề xuất nhiệm vụ, duyệt và giao nhiệm vụ

theo đúng quy trình. Tổ chức theo dõi và nghiệm thu tiến độ theo định kỳ và nghiệm thu kết thúc đề tài từ cấp đơn vị đến cấp trường.

Từ năm 2012 đến nay, Trường đã triển khai đăng ký và giao nhiệm vụ thực hiện 168 đề tài cấp Trường cho giảng viên; Trong đó đã tổ chức đánh giá nghiệm thu được 123 đề tài (chiếm 73,2%); 05 đề tài của giảng viên được gia hạn theo đúng quy định (chiếm tỷ lệ 3,0%); 40 đề tài đang thực hiện theo đúng tiến độ (chiếm tỷ lệ 23,8%).

Đối với các đề tài của sinh viên do giáo viên hướng dẫn, Trường đã giao thực hiện được 27 đề tài; Trong đó đã tổ chức nghiệm thu đúng tiến độ 19 đề tài (chiếm tỷ lệ 70,4%); 04 đề tài của sinh viên được gia hạn theo đúng quy định (chiếm tỷ lệ 14,8%); 04 đề tài của sinh viên đang thực hiện theo đúng tiến độ (chiếm tỷ lệ 14,8%) [H7.7.2.4].

2. Điểm mạnh

- Trường đã ban hành quy trình đề xuất, xét duyệt và nghiệm thu đề tài NCKH đảm bảo tính khoa học và khách quan.

- Có bộ phận theo dõi, nghiệm thu theo tiến độ thực hiện đề tài.

- Nhà trường đã dành một phần kinh phí tự có để triển khai thực hiện các đề tài khoa học cấp trường.

3. Tồn tại

Vẫn còn 3,0% đề tài NCKH của giảng viên và sinh viên đăng ký xin gia hạn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Phòng KH&HTQT tăng cường công tác kiểm tra giám sát và đôn đốc việc thực hiện đề tài NCKH, phần đầu không có đề tài cấp Trường xin gia hạn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.3: Số lượng bài báo đăng ký trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài NCKH và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường Đại học

1. Mô tả

Trong 5 năm qua, Trường đã công bố được 60 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín, trong đó số các bài báo công bố trên tạp chí có chỉ số ISI là 18 [H7.7.3.2]. Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế theo lĩnh vực nghiên cứu được thể hiện trong Bảng 7.3.1.

Bảng 7.3.1. Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế theo lĩnh vực nghiên cứu

Đơn vị tính: bài báo

STT	Ngành	Tạp chí Quốc tế			Tổng
		Tạp chí ISI	Tạp chí Non - ISI	Tạp chí SCOPUS	
1	Công nghệ thực phẩm	01	06		07
2	Chăn nuôi – Thú y	08	03		11
3	Lâm nghiệp		02		02
4	Kinh tế - Tài chính		03		03
5	Nông học	03	12		15
6	Tài nguyên – Môi trường	01	07		08
7	Khoa học cơ bản	05	06	03	14
8	Lý luận chính trị				0
Tổng		18	39	3	60

Tính đến nay, số lượng bài báo của Trường đăng trên các tạp chí trong nước là 97 bài; báo cáo tại các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước có 27 bài [H7.7.3.2]. [H7.7.3.3]. Số liệu được thể hiện trong Bảng 7.3.2.

Bảng 7.3.2. Số lượng bài báo đăng trên tạp chí trong nước và các hội nghị khoa học

Đơn vị tính: bài báo

STT	Ngành	Hội nghị Quốc tế	Tạp chí Ngành	Hội nghị Trong nước	Ấn phẩm Trường	Tổng
1	Công nghệ thực phẩm	0	08	02	02	12
2	Chăn nuôi – Thú y	0	28	06	06	40
3	Lâm nghiệp	0	09	0	02	11
4	Kinh tế - Tài chính	0	16	0	02	18
5	Nông học	0	24	10	07	41
6	Tài nguyên – Môi trường	0	04	02	04	10
7	Khoa học cơ bản	0	01	04	02	07
8	Lý luận chính trị	01	07	03	05	16
Tổng		01	97	27	30	155

Theo số liệu thống kê từ Bảng 7.3.1 và 7.3.2 cho thấy các bài báo đăng trên các tạp chí có chỉ số ISI và công bố trên tạp chí chuyên ngành và tạp chí quốc gia gắn liền với chiến lược phát triển đào tạo và NCKH của Trường như tập trung vào các ngành Chăn nuôi – Thú y, Nông học, Khoa học cơ bản. Đối với các công bố quốc tế, tỷ lệ các công trình liên quan đến lĩnh vực Khoa học

cơ bản chiếm 14/60 bài báo, chiếm trên 23%. Đối với các công bố trong nước, tỷ lệ các công trình liên quan đến lĩnh vực Nông học (Bao gồm: Trồng trọt và Công nghệ sinh học) chiếm 41/155 chiếm trên 26,5% và chăn nuôi là 40/155 chiếm 25,8%.

2. Điểm mạnh

Trường đã có các bài báo của các nghiên cứu sinh đăng trên tạp chí trong nước và nước ngoài phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển trường Đại học.

3. Tồn tại

Hàng năm, số lượng bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học, các hội thảo quốc gia và quốc tế chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, BGH hiệu chỉnh lại chế độ đại ngộ nhằm khuyến khích cán bộ nghiên cứu và các nhà khoa học của Trường tăng cường nghiên cứu, viết và đăng các bài báo khoa học trên các tạp trí khoa học trong nước và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.4: Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường Đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Trong số các đề tài nghiên cứu đã được nghiệm thu, một số đề tài được Hội đồng đánh giá có đóng góp mới cho khoa học. Các bài báo của Trường được công bố trên nhiều tạp chí chuyên ngành quốc tế có chỉ số ảnh hưởng (IF) cao như bài báo của tác giả Diêm Đăng Huân có chỉ số IF 1,407; Cán Văn Toàn có chỉ số IF 2,984; Trần Đức Hoàn có chỉ số IF 3,264; Nguyễn Thị Xuyến; Hoàng Thị Thao ... [H7.7.4.1].

Trường đã thực hiện các nhóm đề tài phục vụ giải quyết các vấn đề phát triển KT – XH cho địa phương như: Xây dựng hệ thống dây chuyền thiết

bị và công nghệ sản xuất rượu truyền thống chất lượng cao của tác giả Nguyễn Văn Quang – Khoa Công nghệ thực phẩm. Sản phẩm “Hệ thống dây chuyền thiết bị và công nghệ” trên đã tham gia dự thi và đạt được “Chứng nhận tác giả giải pháp công nghệ” do Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp năm 2016 [H7.7.4.2].

Một số đề tài NCKH có đóng góp mới cho khoa học, các bài báo quốc tế có chỉ số ISI tập trung chủ yếu trong lĩnh vực Chăn nuôi – Thú y; Khoa học cơ bản; **Sinh học phân tử**, hầu hết các đề tài có tính ứng dụng thực tiễn cao [H7.7.4.3].

Các đề tài NCKH của giảng viên trẻ và sinh viên cũng hướng đến việc ứng dụng nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết về kinh tế xã hội, đã được đánh giá khá cao bằng các giải thưởng dành cho sinh viên nghiên cứu khoa học như: Sinh viên Bế Thanh Tuyền - Giải ba Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học và Cao đẳng khối Nông – Lâm – Ngư – Thủy lợi toàn quốc lần thứ Sáu (năm 2014). Sinh viên Dương Thúy Hà - **Giải Nhì, giảng viên Chu Thùy Dương - giải ba, Hội** nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường đại học và cao đẳng khối Nông - Lâm – Ngư - Thủy lợi toàn quốc lần thứ Bảy (năm 2016)... Sinh viên Triệu Thị Ngọc Diệp tham gia cuộc thi quốc tế về Lâm nghiệp tại Liên bang Nga năm 2016 [H7.7.4.5].

2. Điểm mạnh

Có các công bố quốc tế có chỉ số IF khá cao.

Đã có phát minh sáng chế về giải pháp công nghệ.

3. Tồn tại

Chưa triển khai được việc đăng ký sở hữu trí tuệ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Phòng QH&HTQT triển khai đăng ký sở hữu trí tuệ và phát minh sáng chế trên cơ sở các kết quả NCKH của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.5: Đảm bảo nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường Đại học dành cho các hoạt động này

1. Mô tả

Trong 5 năm qua, bên cạnh các khoản đầu tư mua sắm cơ sở vật chất phục vụ phòng thí nghiệm, hỗ trợ kinh phí cho các hội thi sinh viên, kinh phí hội nghị, hội thảo, Trường đã hỗ trợ kinh phí cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động NCKH. Thống kê trong 5 năm qua Trường đã chi bình quân 200 triệu/năm nhằm triển khai các hoạt động trên [H7.7.5.1].

Hiện tại, nguồn thu từ NCKH của Trường đến từ đề tài các cấp Tỉnh, Bộ, Nhà nước và một số dự như dự án. Giá trị tài chính từ các công trình NCKH trên đã góp phần đối ứng nguồn kinh phí mà trường đã đầu tư cho sinh viên, giảng viên nghiên cứu khoa học trong 5 năm qua. Tổng hợp thu và chi trong NCKH và chuyển giao công nghệ trong 5 năm qua thể hiện trong Bảng 7.5.1 [H7.7.5.2].

Bảng 7.5.1: Tổng hợp thu chi từ NCKH và chuyển giao công nghệ

Đơn vị tính: triệu VNĐ

STT	Nội dung	2012	2013	2014	2015	2016	Tổng
1	Thu	550	0	410	5.525	4.957	11.442,0
2	Chi	0	0	250	270	687,5	1.207,5

Qua cân đối thu và chi trong việc thực hiện NCKH của trường trong 5 năm qua cho thấy nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ lớn hơn khoản chi cho việc thực hiện các công trình nghiên cứu và đạt trên 10 tỷ đồng (thu: 11,442 tỷ đồng; chi 1,207 tỷ đồng).

2. Điểm mạnh

Nguồn thu từ đề tài cấp Nhà nước, Bộ, Tỉnh ngày càng tăng.

3. Tồn tại

Nguồn thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Phòng KH&HTQT cùng với các khoa hệ thống hóa và xây dựng bộ hồ sơ năng lực ở các lĩnh vực mà Trường đang có thế mạnh. Phòng KH&HTQT phối hợp với Trung tâm NCUD&CGCN cùng với các khoa xây dựng kế hoạch quảng bá năng lực KHCN của Trường nhằm tìm kiếm cơ hội chuyển giao công nghệ, chú trọng đến đối tượng là các doanh nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.6: Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện NCKH, các trường ĐH khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả

Trong 5 năm qua, nhiều đề tài NCKH của giảng viên đã đưa vào ứng dụng trong công tác giảng dạy và quản lý của Trường, cụ thể như: Đề tài “Xây dựng mô hình tưới tiết kiệm nước và sử dụng có hiệu quả không gian trong sản xuất rau và hoa tại khu vực nhà kính Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang” của TS. Nguyễn Bình Nhựt. Đề tài “Nghiên cứu xây dựng triển khai phần mềm thi trắc nghiệm trên máy tính tại trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang” của ThS. Trần Văn Châu. Đề tài “Tìm hiểu nhu cầu, mục tiêu, động cơ học tập, thực trạng phương pháp học tập và quan điểm về hình thức thi, kiểm tra, đánh giá các học phần của sinh viên hệ đại học chính quy trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang” của ThS. Lê Đình Hải. Đề tài “Giải pháp cải thiện nâng cao kỹ năng phát âm tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Nông- Lâm Bắc Giang” của ThS. Đỗ Thị Huyền. Đề tài “Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý tiền lương tại trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang” của ThS. Lê Thị Phương Huyền. Các công trình nghiên cứu ngày đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, công tác tuyển sinh, mở ngành và đổi mới phương pháp giảng dạy [H7.7.6.1].

Bên cạnh các công trình NCKH phục vụ công tác giảng dạy và quản lý. Trường chủ trương mở rộng ký kết hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp trong các lĩnh vực chăn nuôi, thú y, quản lý tài nguyên môi trường, trồng trọt, công nghệ thực phẩm... Đã triển khai ứng dụng các nghiên cứu, hợp tác đào tạo và chuyển giao công nghệ - kỹ thuật với công ty cổ phần môi trường EJC, Công ty TNHH Newhope Hà Nội - chi nhánh Bắc Giang, công ty cổ phần dinh dưỡng Hải Thịnh, công ty BMG, Công ty TNHH một thành viên SXKDTM Trường Thịnh, Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Bắc Giang (Baveco), Công ty cổ phần đo đạc và khoáng sản... [H7.7.4.7], [H7.7.6.2].

Từ năm 2012 đến nay, giảng viên của Trường phối hợp cùng giảng viên của các Trường và Viện nghiên cứu từ các nước như Trung Quốc, Pháp ... thực hiện công tác NCKH và công bố các bài báo quốc tế [H7.7.6.6].

Kết quả NCKH đã góp phần nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ Trường. Nhiều giảng viên thông qua hoạt động NCKH đã hội đủ điều kiện tham gia học nghiên cứu sinh, bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ... [H7.7.6.7].

Hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của Trường qua quá trình phối hợp cùng các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước với các doanh nghiệp đã góp phần tăng nguồn thu từ hoạt động NCKH của Trường [H7.7.6.8].

Một số hợp đồng hợp tác NCKH giữa nhà trường với các tổ chức xã hội đã được triển khai như:

TT	TÊN HỢP ĐỒNG
1	Hợp đồng quan trắc với Phòng TN&MT huyện Phú Bình
2	Hợp đồng với công ty TNHH JinYang MTS Vina tại KCN Vân Trung
3	Hợp đồng xây dựng đề án cho công ty cổ phần phân đạm Hà Bắc
4	Hợp đồng lấy mẫu phân tích cho Hội nông dân tỉnh
5	Hợp đồng tư vấn quan trắc cho công ty cổ phần phân đạm Hà Bắc
6	Hợp đồng tư vấn quan trắc cho công ty cổ phần sơn Becker chem

7	Hợp đồng thiết kế cảnh quan với công ty Detechland
8	Hợp đồng thiết kế cảnh quan với cụm CN Hoàng Mai-Nghệ An
9	Hợp đồng thiết kế cảnh quan cho trường tiểu học An Châu-huyện Sơn Động
10	Khảo sát, xây dựng lắp đặt hệ thống tưới cho mô hình sản xuất cây ăn quả tại Hữu Lũng – Lạng Sơn
11	Khảo sát, xây dựng lắp đặt hệ thống tưới cho mô hình sản xuất rau an toàn tại Việt Yên – Bắc Giang
12	Mô hình sản xuất khoai tây thương phẩm giống Connect
13	Mô hình khảo nghiệm 76 giống ngô, lạc, đậu cho Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng
14	Mô hình khảo nghiệm giống ngô Nhập nội từ Trung Quốc
15	Mô hình trồng Nho thuộc dự án Hành lang khoa học kỹ thuật Việt Trung
16	Mô hình quảng bá cam CS1 tại huyện Lục Ngạn
17	Mô hình sản xuất giống lúa BG1 cho công ty cổ phần giống cây trồng Bắc Giang vụ Hè 2017

2. Điểm mạnh

Hoạt động KHCN đã góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên Trường.

Trường đã bước đầu có một số hợp đồng hợp tác NCKH với các tổ chức xã hội.

3. Tồn tại

Các hợp đồng hợp tác NCKH với các tổ chức xã hội có số lượng còn hạn chế và chỉ tập trung ở một số lĩnh vực nhất định. Chưa phát huy được hết khả năng hợp tác NCKH của trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Phòng KH&HTQT cùng với Trung tâm NCUD&CGCN và các Khoa mở rộng quan hệ hợp tác và chuyển giao công nghệ với các tổ chức xã hội chú trọng vào các lĩnh vực nông lâm nghiệp và môi trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.7: Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả

Trường đã ban hành các quy định về chuẩn chức danh nghề nghiệp nói chung trong đó có các quy định về hoạt động KHCN. Trường cũng đưa ra các giải pháp nhằm chống sao chép luận văn như: sinh viên, học viên bắt buộc phải ký cam kết không sao chép trong việc thực hiện khóa luận, luận văn. Tuy nhiên Trường chưa có phần mềm phát hiện sao chép, mã hóa luận văn [H7.7.7.1]

Phòng KH&HTQT đã tham mưu BGH và xây dựng các quy trình về hoạt động KHCN. Để cán bộ giảng viên hiểu rõ về các quy định về sở hữu trí tuệ, Trường đã cử cán bộ tham gia tập huấn về sở hữu trí tuệ tại Sở Khoa học Công nghệ (Sở KHCN) Bắc Giang, tháng 5/2017; tập huấn chuyên sâu về sáng chế và thông tin sáng chế do Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức năm 2016 [H7.7.7.2].

Trường khuyến khích cán bộ giảng viên, sinh viên sử dụng các phần mềm mã nguồn mở theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT cũng như các phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý thư viện... áp dụng các phần mềm miễn phí, mã nguồn mở trong công việc và giảng dạy như: OpenOffice trong các ứng dụng văn phòng, sử dụng hệ điều hành windows, sử dụng bộ gõ Unikey, dùng trình duyệt Mozilla... mua quyền sử dụng các ứng dụng Microsoft cho giảng viên và sinh viên [H7.7.7.3].

Để bảo vệ thương hiệu “*Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang*”, Trường đã đăng ký và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bản quyền cho hình ảnh của Trường. Ngoài ra, Trường cũng đã thực hiện việc đăng ký sáng chế, quyền sở hữu trí tuệ với các sản phẩm, công trình nghiên cứu của cán bộ, giảng viên Nhà trường như giải pháp công nghệ: “Hệ thống dây chuyền thiết

bị và công nghệ sản xuất rượu truyền thống chất lượng cao” của tác giả Nguyễn Văn Quang [H7.7.7.4].

Nhờ việc tuân thủ chặt chẽ các quy định, từ ngày thành lập cho đến nay Trường không có bất kỳ vi phạm nào về quyền sở hữu trí tuệ hay các khiếu nại về vi phạm bản quyền.

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học công nghệ.

3. Tồn tại

Số công trình đăng ký sở hữu trí tuệ của Trường còn ít

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, Trường xây dựng kế hoạch và hỗ trợ cán bộ, giảng viên trong việc đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm khoa học công nghệ sau nghiệm thu.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận tiêu chuẩn 7

Trường không ngừng đầu tư trang bị và hệ thống phòng thí nghiệm chuyên ngành hiện đại nhằm đáp ứng các nhu cầu về nghiên cứu công nghệ cao. Tuy số lượng công bố quốc tế trên các tạp chí uy tín còn chưa nhiều nhưng chất lượng của các công trình đã công bố có chỉ số ảnh hưởng (IF) khá cao. Số lượng công trình cấp nhà nước, cấp Bộ và đề tài cấp tỉnh, thành của cán bộ, giảng viên trường ngày càng tăng.

Các nhiệm vụ quan trọng mà Trường xác định cần khắc phục trong thời gian đến bao gồm việc tiếp tục giữ vững và phát huy nhiều hơn nữa về số lượng các công bố khoa học quốc tế; đa dạng hóa các lĩnh vực nghiên cứu trình độ cao; gia tăng các công trình nghiên cứu có tính ứng dụng thực tế nhằm tăng tỷ lệ nguồn thu từ các hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ cũng như tạo cơ sở cho việc đăng ký bản quyền sáng chế, giải pháp hữu ích.

TIÊU CHUẨN 8: HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Mở đầu

Hợp tác quốc tế được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng của trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang, được nêu rõ trong chiến lược phát triển của Trường “thực hiện liên kết đào tạo với các trường đại học có uy tín trong khu vực; mở rộng mối quan hệ trao đổi hợp tác nghiên cứu một cách bình đẳng với các viện, trường tại các quốc gia khác trên thế giới. Đến năm 2020 thực hiện được 3 – 4 dự án liên kết đào tạo và nghiên cứu quốc tế”. Trường đã huy động tối đa nội lực hợp tác với một số trường Đại học uy tín của Đức, Pháp, Australia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Israel nhằm tiếp cận và áp dụng chuẩn mực giáo dục đại học tiên tiến vào hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH của Trường. Tất cả các công tác hợp tác quốc tế của Trường được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước. Trường đã tổ chức thành công nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế trên cơ sở các mối quan hệ hợp tác quốc tế.

Tiêu chí 8.1: Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

1. Mô tả

Để đảm bảo các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện đúng theo chủ trương và quy định của Nhà nước, Trường đã thành lập Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế (Phòng KH&HTQT) nhằm tham mưu cho BGH về quy trình, thủ tục thực hiện công tác đón tiếp, làm việc với các đối tác nước ngoài [H8.8.1.1].

Trên cơ sở các quy định hợp tác quốc tế về giáo dục, Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của bộ Luật lao động về lao động nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam. Phòng KH&HTQT đã tham mưu cho BGH ban hành các văn bản hướng

dẫn việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo, khoa học công nghệ [H8.8.1.2]. Các hoạt động đón tiếp và làm việc với các đoàn khách quốc tế của Trường được triển khai theo đúng quy trình [H8.8.1.3].

Hằng năm, Trường đón tiếp các đoàn khách đến từ các trường Đại học, viện nghiên cứu, công ty từ các nước trên thế giới như Đức, Pháp, Australia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Israel... tham quan, tìm hiểu và ký kết các bản hợp đồng, bản ghi nhớ. Các trường hợp ký kết hợp tác liên kết đào tạo với đối tác nước ngoài đều được báo cáo và được sự cho phép triển khai thực hiện của Bộ [H8.8.1.4]. Toàn bộ các hoạt động với các đối tác diễn ra tại Trường đều được khai báo với các cơ quan quản lý Nhà nước như PA83 Công an tỉnh Bắc Giang, Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh, Sở Ngoại Vụ tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định và kịp thời. Nhờ quá trình tổ chức chặt chẽ, tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước về quan hệ với nước ngoài, tính đến thời điểm hiện tại, Trường không có bất kỳ vi phạm nào trong tất cả các hoạt động hợp tác quốc tế với các đối tác nước ngoài [H8.8.1.5].

Nhằm phát huy hiệu quả công tác đón tiếp, hợp tác với các đối tác các nước, Trường đã ban hành quy định về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát cũng như phối hợp giữa các đơn vị trong hoạt động này. Nhờ vậy, hoạt động hợp tác quốc tế được đảm bảo triển khai và thực hiện hiệu quả. Quy định này được phổ biến và công khai đến với các đơn vị liên quan thông qua hệ thống Quản lý Công văn của Trường và hệ thống email nội bộ của các bộ phận trong trường [H8.8.1.6].

Bên cạnh việc đón tiếp các chuyên gia và các đối tác đến làm việc, Trường cũng thường xuyên cử các đoàn giảng viên và sinh viên đi công tác, làm việc và học tập tại nước ngoài. Các đoàn đi công tác nước ngoài đều có quyết định được phê duyệt bởi Hiệu trưởng. Mỗi đoàn công tác đều có trưởng đoàn và thành viên. Cán bộ, giảng viên đi công tác, học tập nước ngoài ký kết các hợp đồng đào tạo nếu có [H8.8.1.7]. Sau chuyến công tác, các cán bộ

giảng viên được cử đi công tác phải thực hiện công tác báo cáo về kết quả chuyển công tác cho BGH theo quy định [H8.8.1.8].

2. Điểm mạnh

- Có bộ phận chuyên trách về hợp tác quốc tế.
- Trường thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp quy về hợp tác quốc tế của nhà nước.

3. Tồn tại

Chưa có chế tài phù hợp để khuyến khích mọi cá nhân trong trường tìm kiếm cơ hội hợp tác quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Khoa học & HTQT xây dựng các quy định để khuyến khích mọi cá nhân và đơn vị tìm kiếm cơ hội hợp tác quốc tế..

Từ năm 2017 Nhà trường tiếp tục tăng cường các mối quan hệ với Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ NN&PTNT để tìm kiếm đối tác nước ngoài phù hợp với điều kiện của trường. Xây dựng kế hoạch chi tiết theo lộ trình để mở rộng và nâng cao vai trò của Hợp tác quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.2: Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; Các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả

Không nằm ngoài mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và tạo môi trường quốc tế. Để triển khai các chương trình chuyển giao, Trường đã cử nhiều lượt cán bộ, giảng viên tham gia các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy và bồi dưỡng chuyên môn ở các trường đối tác tại Australia, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan và Ấn Độ... [H8.8.2.1]. Năm 2013 có 02 sinh viên tham gia chương trình học đại học ngành chăn nuôi Thú y tại Mông cổ theo diện Hiệp định.

Năm 2013 Nhà trường ký biên bản ghi nhớ với Trung tâm AICAT của Israel về việc gửi sinh viên đi Thực tập sinh tại Israel. Chương trình hợp tác giữa hai bên đã được thực hiện được 4 năm, đến nay đã có gần 100 sinh viên đã và đang thực tập sinh tại ISRAEL, trong đó có sinh viên ngành Khoa học cây trồng được nhận học bổng Thạc sỹ tại đại học Tel Aviv – Israel, trường Đại học xếp hạng 100 thế giới. [H biên bản hợp tác]

Năm 2015 biên bản ghi nhớ về hợp tác giữa Nhà trường và Viện Khoa học Nông nghiệp Quảng Tây được ký kết với các nội dung trao đổi về đào tạo và NCKH và nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nông nghiệp công nghệ cao (200m² nhà lưới). Viện đã tổ chức các lớp học ngắn hạn và trong 2 năm đã mời 06 lượt cán bộ, giảng viên sang tham dự các khóa học ngắn hạn. [H biên bản hợp tác]

2. Điểm mạnh

Một số cán bộ, giảng viên được bồi dưỡng chuyên môn thông qua hoạt động hợp tác quốc tế.

3. Tồn tại

Trường chưa nhận được nhiều sự hỗ trợ về xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học từ các đối tác nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, phòng KH & HTQT xây dựng kế hoạch đa dạng hóa hình thức hợp tác, chú trọng lĩnh vực xây dựng cơ sở vật chất và hoàn thiện trang thiết bị phòng thí nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.3: Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu KH&CN vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung

1. Mô tả

Với định hướng mở rộng hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH, Trường đã thành lập phòng KH&HTQT để đảm nhiệm việc xây dựng mạng lưới hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu của một số quốc gia trên thế giới. Trên cơ sở các mối quan hệ hợp tác quốc tế, các nhà khoa học của Trường đã thực hiện các hợp tác về NCKH với các đối tác nước ngoài dưới sự tài trợ của một số Tổ chức Quốc tế như Sở KH&CN Quảng Tây (Trung Quốc) với dự án “Xây dựng hành lang khoa học nông nghiệp trong khu vực biên giới Việt - Trung”, với tổng vốn đầu tư khoảng 150 tỷ VNĐ. Trong dự án này, Đại học Nông – Lâm Bắc Giang là trường đại học duy nhất tham gia và giữ vai trò quan trọng đó là tư vấn khoa học kỹ thuật cho dự án. [H8.8.2.8]; [H8.8.3.2]

Bên cạnh việc phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học cơ bản, một số công trình hợp tác của Trường với các đối tác nước ngoài có tính thực tiễn, được áp dụng vào thực tế như: Khảo nghiệm hơn 100 giống ngô; giống nho và áp dụng kỹ thuật mới trong sản xuất dưa lưới tại Trường.

Thực hiện chương trình tăng cường liên kết đào tạo giữa trường đại học với doanh nghiệp nước ngoài, Trường và Công ty TNHH New Hope Hà Nội chi nhánh Bắc Giang đã có thỏa thuận hợp tác từ tháng 3 năm 2016 về công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực sinh học phân tử động vật. Công ty sẽ tài trợ 1,5 tỷ đồng trong thời gian 6 năm để giúp trường đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ hoạt động của Phòng thí nghiệm Trung tâm Bảo vệ sức khỏe động vật [H7.7.6.2]; [H8.8.2.3]. Hai bên đã phối hợp tổ chức hội thảo quốc tế với chủ đề “tăng cường liên kết giữa trường đại học với doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên” và ra mắt phòng thí nghiệm Trung tâm Bảo vệ sức khỏe động vật vào tháng 11 năm 2016 [H8.8.2.8].

Từ 2012 đến nay, các nhà khoa học của Trường đã thực hiện trên 19 công bố quốc tế chung với các đồng nghiệp ở nước ngoài như: Trung Quốc, Đức, Anh, Mỹ... Những kết quả này góp phần quan trọng trong việc đưa số lượng các công bố quốc tế của Trường tăng dần lên sau các năm [H8.8.3.4].

2. Điểm mạnh

Trường đã tham gia một số dự án quốc tế về hợp tác nghiên cứu khoa học và tổ chức hội thảo quốc tế về nghiên cứu khoa học.

3. Tồn tại

Các hoạt động hợp tác quốc tế về ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn manh mún.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, BGH xây dựng kế hoạch tìm kiếm thêm đối tác nước ngoài để phát triển và đa dạng hóa các hình thức hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Trường đã bước đầu tham gia vào một số dự án hợp tác quốc tế về NCKH. Công tác quản lý người nước ngoài đến công tác tại Trường đạt hiệu quả, không để xảy ra có bất kỳ vi phạm nào trong suốt quá trình hoạt động. Hoạt động hợp tác quốc tế đã tạo ra cơ hội cho nhiều cán bộ, giảng viên được bồi dưỡng, nâng cao trình độ.

Trường xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong công tác hợp tác quốc tế bao gồm việc gia tăng các chương trình trao đổi giảng viên với các trường đối tác, chú trọng vào các chương trình hợp tác chuyển giao khoa học công nghệ và nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

TIÊU CHUẨN 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC

Mở đầu

Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất là những điều kiện hết sức quan trọng trong việc phục vụ đào tạo. Cho đến nay nhà trường đã có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng làm việc, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Có đủ trang thiết bị dạy và học, cung cấp đầy đủ thiết bị tin học, đảm bảo đầy đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định. Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Tiêu chí 9.1: Thư viện của Trường Đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Trường hiện có 01 Trung tâm thông tin thư viện với tổng diện tích 596 m². Hoạt động của thư viện được thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ của thư viện đại học [9.9.1.1]. Thư viện Trường được trang bị đầy đủ giáo trình, sách, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài; có hệ thống tạp chí chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu phục vụ cho tất cả các ngành đào tạo của Trường. Thư viện Trường hiện có trên **11.000** đầu sách tiếng Việt và sách tiếng nước ngoài ở dạng tài liệu in và tài liệu điện tử. Hằng năm, Trường đầu tư nguồn kinh phí gần 200.000.000 đồng để bổ sung cập nhật tài liệu mới phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH [H9.9.1.2]. Thống kê số lượng đầu sách hiện có tại thư viện trường thể hiện trong Bảng 9.1.1.

Bảng 9.1.1. Thống kê số lượng đầu sách

Đơn vị tính: bản

STT	Nội dung	Tài liệu in	Tài liệu điện tử	Tổng
1	Đầu sách tiếng Việt	3.105	7.100	10.205
2	Đầu sách tiếng nước ngoài	150	1.000	1.150
	Tổng	3.255	9.100	11.355

Thư viện thường xuyên tổ chức các hoạt động để thu hút sinh viên như triển lãm sách, tọa đàm kỹ năng đọc sách hiệu quả, cuộc thi tranh luận. Thư viện thường xuyên mở cửa phục vụ người đọc, kể cả thứ 7 và chủ nhật. Thư viện đã tiến hành khảo sát và nhận được đánh giá cao của bạn đọc về mức độ đáp ứng yêu cầu của thư viện với bạn đọc. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 90% sinh viên, giảng viên hài lòng về mức độ đáp ứng tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu của thư viện [H9.9.1.3].

Thư viện đã sử dụng phần mềm trong công tác quản lý, hỗ trợ tra cứu tài liệu (<http://tracuu.bafu.edu.vn>). Trường đã xây dựng thư viện điện tử với hơn 20.000 tài liệu điện tử (<http://thuvienso.bafu.edu.vn>) và kết nối được với các cơ sở dữ liệu toàn **văn** trong nước và quốc tế như Worldbank, AGORA, Proquest Central, The Online Book Page... Thư viện hiện có 25 máy tính phục vụ cho bạn đọc tra cứu và đọc tài liệu điện tử [H9.9.1.4].

Số lượt truy cập của bạn đọc vào website của Thư viện (<http://lib.bafu.edu.vn>) tính đến ngày 01/08/2017 là 311.450 lượt truy cập. Mặc dù nguồn tài liệu **ngoại văn** của một số ngành chưa đa dạng nhưng nhìn chung thư viện đã phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy học và NCKH tại Trường [H9.9.1.5].

2. Điểm mạnh

Thư viện của Trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Thư viện được đầu tư trang thiết bị hiện đại, được ứng dụng CNTT trong quản lý, đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học.

3. Tồn tại

Nguồn tài liệu **tiếng nước ngoài** của một số ngành chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 – 2018, Thư viện lập kế hoạch bổ sung nguồn tài liệu **tiếng nước ngoài** của những ngành còn thiếu.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.2: Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả

Hiện nay, Trường có khu nhà học lý thuyết 7 tầng với diện tích 9.000m² cho sinh viên học tập trung vào 1 khu gồm 46 phòng học, đảm bảo an ninh và thuận lợi cho công tác quản lý đào tạo. Trường có 05 phòng máy tính; 46 phòng thí nghiệm, phòng thực hành với tổng diện tích sử dụng 5401.7m² và hệ thống vườn ươm, trại thực hành, nhà xưởng phục vụ công tác đào tạo. Các yêu cầu về phòng học, phòng thí nghiệm của từng ngành đào tạo đều được đáp ứng và đã được thẩm định. Hệ thống phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học được đầu tư và nâng cấp năm 2013 với kinh phí 9,3 tỷ đồng. Các trang thiết bị thí nghiệm cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực hành, thực tập của sinh viên. Hệ thống phòng thí nghiệm được bố trí tập trung tại một khu, tạo điều kiện tốt cho việc sử dụng giữa các đơn vị. Trường đã xây dựng được hệ thống xử lý nước thải hiện đại, đồng bộ, giúp việc xử lý và bảo vệ môi trường của Trường [H9.9.2.1]. Tại Biên bản Kiểm tra xác định chỉ tiêu tuyển sinh tháng 5/2017, Đoàn kiểm tra của Trung tâm Kiểm định chất lượng đã xác định tỷ lệ diện

tích sản xây dựng phục vụ trực tiếp cho hoạt động đào tạo của Trường đạt yêu cầu [H9.9.2.2].

Toàn bộ các cơ sở đào tạo của Trường được thiết kế theo đúng Tiêu chuẩn Việt Nam và cấp phép bởi cơ quan chức năng trước khi xây dựng [H9.9.2.3]. Hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành và thí nghiệm được thiết kế hiện đại, trang thiết bị đồng bộ, đáp ứng tốt yêu cầu cho công tác giảng dạy [H9.9.2.4].

Nhằm đảm bảo việc khai thác hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghiên cứu, Trường thành lập các tổ công tác, các phòng ban chức năng gồm phòng Thiết Bị đầu tư, Phòng Hành chính Tổng hợp, Tổ giảng đường Các đơn vị này có nhiệm vụ phối hợp đảm bảo chất lượng các điều kiện phục vụ đào tạo, nghiên cứu. Kết quả khảo sát ý kiến người học và giảng viên cho thấy không có ý kiến phản nản về tình trạng giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm không đáp ứng yêu cầu [H9.9.2.5].

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

3. Tồn tại

Hệ thống trang thiết bị thực hành của một số ngành còn hạn chế, quy mô nhỏ.

4. Kế hoạch hành động

Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị thí nghiệm thiết yếu phục vụ việc đào tạo và nghiên cứu, đặc biệt là những thiết bị thí nghiệm hiện đại.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.3: Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng nó hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

1. Mô tả

Hàng năm, Trường dành nguồn kinh phí lớn cho việc đầu tư trang thiết bị hiện đại nhằm đảm bảo các điều kiện dạy học và nghiên cứu với tỷ lệ đầu tư hơn 20% trên tổng nguồn thu. Nhờ đó, tất cả các ngành đào tạo của Trường có đầy đủ phương tiện và thiết bị phục vụ cho việc dạy học và nghiên cứu [H9.9.3.1].

Khi mở thêm ngành đào tạo, Trường tiến hành khảo sát, mua sắm các danh mục thiết bị theo yêu cầu của từng ngành đào tạo cụ thể và được thẩm định điều kiện mở ngành theo hướng dẫn tại Thông tư 08 ngày 17/08/2011[H9.9.3.2]. Đến nay, tất cả các ngành đào tạo của Trường được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ dạy học và nghiên cứu [H9.9.2.4].

Để quản lý và khai thác hiệu quả các trang thiết bị trên, Trường đã thành lập các phòng, trung tâm chức năng tương ứng với mục đích sử dụng và quản lý trang thiết bị. Các đơn vị này có trách nhiệm quản lý, phục vụ, bảo trì phương tiện dạy học; theo dõi kiểm tra tần suất sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành theo đúng quy định. Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê cơ sở vật chất, phương tiện, tài sản toàn trường nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng, thanh lý những phương tiện, thiết bị hư hỏng và bổ sung thiết bị mới [H9.9.3.3].

Trong quá trình phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hệ thống trang thiết bị của Trường đã phát huy tối đa công suất sử dụng và mang lại hiệu quả thể hiện qua tần suất sử dụng, gia tăng số lượng các bài báo và giải thưởng NCKH của sinh viên và giảng viên [H9.9.3.4]. Tuy nhiên, hiện nay một số trang thiết bị hiện đại của Trường mới chỉ được khai thác phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, chưa triển khai có hiệu quả cho các hoạt động dịch vụ khoa học công nghệ.

2. Điểm mạnh

Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

3. Tồn tại

Chưa khai thác có hiệu quả hệ thống trang thiết bị thí nghiệm hiện đại phục vụ hoạt động dịch vụ khoa học công nghệ.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2018, BGH giao nhiệm vụ cho các cá nhân, đơn vị quản lý phòng thí nghiệm nghiên cứu, đề xuất các giải pháp khai thác hiệu quả hệ thống thiết bị thí nghiệm hiện đại phục vụ hoạt động dịch vụ khoa học công nghệ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.4: Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

1. Mô tả

Hệ thống máy vi tính của Trường có số lượng lớn, được mua sắm và đưa vào sử dụng từ những năm 2009 – 2010 và được nâng cấp thường xuyên. Tất cả cán bộ quản lý và chuyên viên được bố trí sử dụng máy tính tại các bộ phận phòng chức năng, khoa chuyên môn với số lượng hơn 250 bộ máy vi tính với tổng trị giá gần 2 tỷ đồng đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và nghiên cứu khoa học. Số lượng máy vi tính dùng cho sinh viên học thực hành hơn 200 bộ, với tổng trị giá 1.300.000đ cho 2 phòng học chuyên ngành và 2 phòng học tin học cơ bản, đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của người học trong các giờ thực hành. Tất cả các phòng học được trang bị Projector, hệ thống âm thanh. Hệ thống thiết bị khác như máy in, máy scanner... được trang bị đầy đủ đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo và quản lý của Trường [H9.9.4.2].

Hiện nay, hệ thống wifi miễn phí đã phủ sóng rộng khắp toàn bộ khuôn viên Trường, tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, sinh viên thuận tiện sử dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH [H9.9.4.3]. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp người dùng phản ánh về tốc độ truy cập Internet tại một số khu vực của Trường như khu nhà để xe, ký túc xá ... còn chậm so với những khu vực khác trong trường.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH, hoạt động quản lý, Trường đã mua phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý Thư viện, phần mềm quản lý Công văn, phần mềm quản lý Tài sản, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm kế toán... [H9.9.4.4]

Tất cả giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý được cung cấp Email của Trường. Ngoài ra, giảng viên cũng được cung cấp tài khoản trên phần mềm Quản lý Đào tạo phục vụ công tác giảng dạy và hỗ trợ sinh viên [H9.9.4.5].

Tất cả sinh viên được sử dụng máy tính kết nối mạng miễn phí không hạn chế thời gian, phục vụ hoạt động học tập, NCKH tại Trung tâm thông tin thư viện [H9.9.4.6].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý, có hệ thống wifi miễn phí.

3. Tồn tại

Tốc độ truy cập mạng Internet tại một số khu vực của Trường còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, BGH giao phòng Thiết bị đầu tư, Trung tâm Thông tin thư viện lên kế hoạch mua sắm và lắp đặt thêm thiết bị mạng tại các khu vực có tín hiệu đường truyền Internet còn yếu.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.5: Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả

Đến tháng 8/2017, Trường có 46 phòng học, 05 phòng máy tính; 46 phòng thí nghiệm, thực hành với tổng diện tích sử dụng gần 20.000m²; tỷ lệ sàn xây dựng phục vụ trực tiếp cho hoạt động đào tạo của Trường là

3.7m²/1SV. Các phòng học, phòng làm việc của Trường được lập sơ đồ chỉ dẫn cụ thể [H9.9.5.1].

Hiện trường có 02 Hội trường có sức chứa 400 chỗ ngồi tại tầng 1 khu Nhà 7 tầng và tầng 1 khu Hành chính, được trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, ánh sáng, máy điều hòa nhiệt độ, chỗ ngồi Khang trang phục vụ mọi hoạt động của Trường [H9.9.5.2].

Trường đã đầu tư xây dựng sân bóng đá, sân tennis, sân cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ... đáp ứng nhu cầu học tập, luyện tập, giải trí cho sinh viên. Sân bóng đá: 9.600m², nhà thi đấu đa năng: 850 m², sân Tennis: 790 m², sân thể thao khu kí túc xá sinh viên: 2.850 m², nhà câu lạc bộ sinh viên: 1.902 m². Tổng diện tích vui chơi giải trí là 14.282 m²

Trường hiện có 02 khu ký túc xá phục vụ nhu cầu nội trú với hơn 1000 chỗ ở phục vụ sinh viên. Những sinh viên không có nhu cầu ở ký túc xá sẽ được Đoàn thanh niên tư vấn và trợ giúp tìm kiếm chỗ ở phù hợp với nhu cầu. Chính vì vậy, nhiều năm qua chỗ ở của sinh viên được đảm bảo, đáp ứng nhu cầu đi lại, học tập và sinh hoạt của người học [H9.9.5.3].

Trường cũng trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong toàn trường. Danh mục các trang thiết bị phục vụ hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao gồm có: Trang thiết bị âm thanh sân khấu, ánh sáng sân khấu, máy projector, đồng hồ bấm giờ, đệm, bóng đá, bóng rổ, xà đơn, xà kép ... [H9.9.5.4]

2. Điểm mạnh

- Tỷ lệ diện tích m²/sinh viên đạt yêu cầu của Bộ.
- Trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao.

3. Tồn tại

Trường chưa có sân bóng nhân tạo phục vụ sinh viên trong thời tiết bất thuận.

4. Kế hoạch hành động

Trường chuẩn bị nguồn vốn để xây dựng, hoàn thiện thêm cơ sở vật chất: Sân bóng nhân tạo, bể bơi phục vụ nhu cầu của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.6: Có đủ phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định

1. Mô tả

Hiện tại, Trường có hơn 100 phòng làm việc dành cho cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, Nhà làm việc cho cán bộ giảng viên và nhân viên được chia thành nhiều khu. BGH và tất cả các trưởng các đơn vị được trang bị phòng và phương tiện làm việc riêng. Văn phòng khoa có phòng làm việc riêng cho Trưởng khoa, có khu sinh hoạt chuyên môn cho giảng viên, tất cả cán bộ nhân viên được bố trí phòng làm việc ổn định, được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ công việc [H9.9.6.1].

Tất cả các phòng làm việc được trang bị hệ thống internet, điện thoại, máy tính, máy in, bàn làm việc, tủ lưu hồ sơ, tuy nhiên hệ thống điều hòa nhiệt độ chưa được trang bị tại tất cả các phòng làm việc. Ngoài vị trí làm việc chính tại các văn phòng khoa, trung tâm, cán bộ, giảng viên và nhân viên trường có thể làm việc tại thư viện, các khu sinh hoạt chung của Trường [H9.9.6.2].

Hệ thống phòng làm việc của Trường được quy hoạch, bố trí phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình làm việc [H9.9.6.3].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc với các trang thiết bị hiện đại.

3. Tồn tại

Hệ thống điều hòa nhiệt độ chưa được trang bị đến tất cả các phòng làm việc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường tăng cường trang bị điều hòa nhiệt độ cho các đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.7: Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981 – 85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định

1. Mô tả

Tổng diện tích đất trường đang quản lý (theo đo đạc của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bắc Giang năm 2015) là 58.728 m². Hiện nay, diện tích sàn xây dựng phục vụ trực tiếp cho đào tạo của Trường vượt so với quy định của Bộ GD&ĐT [H9.9.7.1].

Trường đã tiến hành quy hoạch chi tiết các hạng mục cho từng cơ sở nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu đào tạo, nghiên cứu và phát triển [H9.9.7.2]. Trường có khu nhà công vụ dành cho giảng viên, hệ thống trạm biến thế, nhà kho, khu để xe, khu thể thao được bố trí phù hợp tại các cơ sở của Trường và đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn [H9.9.7.2].

- Diện tích đất hiện tại của trường là 58,728 ha đạt trên mức yêu cầu tối thiểu theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước.

2. Điểm mạnh

- Diện tích đất của Trường đáp ứng yêu cầu của chuẩn quốc gia đối với trường Đại học.

- Diện tích sàn xây dựng (m²/sinh viên) vượt yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT.

3. Tồn tại

Diện tích mặt bằng của Trường chưa được khai thác và sử dụng triệt để.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, BGH xây dựng lại quy hoạch cơ sở vật chất của Trường và tăng cường khai thác và sử dụng diện tích mặt bằng có hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.8: Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường.

1. Mô tả

Nhà trường đã được Bộ NN&PTNT, UBND tỉnh Bắc Giang tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt trong việc quy hoạch và thẩm định quy hoạch đề án xây dựng trường. Nhà trường có tổng diện tích trên 57 ha, đây là điều kiện hết sức thuận lợi trong việc đáp ứng yêu cầu về quy hoạch tổng thể của nhà trường. Trường có đầy đủ các văn bản đã được các cấp có thẩm quyền phê chuẩn về quy hoạch, chiến lược phát triển [H9.9.7.1].

Trong chiến lược phát triển Trường đã chỉ rõ định hướng phát triển là “Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học đạt chuẩn trường đại học của Việt Nam, phấn đấu từng bước đạt tiêu chuẩn trường đại học trong khu vực và hội nhập quốc tế. Hệ thống cơ sở vật chất cho phép thực hiện các mô hình sản xuất công nghệ cao đối với một số ngành kỹ thuật: khoa học cây trồng, chăn nuôi, chế biến nông sản. Xây dựng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang thành một trường có cảnh quan đẹp, cơ sở vật chất hiện đại và thân thiện với môi trường vào năm 2020” [H9.9.4.1].

Nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược về cơ sở vật chất, Trường đã xây dựng các giải pháp và đã tiến hành quy hoạch tổng thể nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu của Trường theo từng giai đoạn. Tính đến tháng 9/2016, Trường đã đạt chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT về tỷ lệ diện tích phòng học/sinh viên.

Để đáp ứng cho định hướng chiến lược của Trường trong giai đoạn tiếp theo, Ban Giám hiệu đã có tờ trình gửi Bộ Nông nghiệp & PTNT xin điều chỉnh quy hoạch tổng thể Trường [H9.9.7.1].

2. Điểm mạnh

Quá trình xây dựng cơ sở vật chất bám sát quy hoạch của Trường.

3. Tồn tại

Việc điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển cơ sở vật chất của Trường đôi khi còn chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017 Nhà trường tiến hành tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cán bộ viên chức nhà trường và các cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển cơ sở vật chất phù hợp với thực tiễn và xu hướng của sự phát triển Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.9: Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả

Trong suốt quá trình hoạt động, Trường luôn quan tâm chỉ đạo và tổ chức các lực lượng nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tài sản và tính mạng của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên toàn Trường [H9.9.9.1].

Nhà trường đã ký hợp đồng bảo vệ tài sản công cho toàn trường số 342/HĐLĐ, ngày 01/12/2013 [H9.9.9.1] và Hợp đồng phục vụ và bảo vệ tài sản khu Giảng đường A, B số 337/HĐLĐ, ngày 01/12/2013, trong đó quy định chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của bộ phận chuyên trách công tác bảo vệ, trật tự, an toàn và an ninh của trường. Nhà trường đã có tổ Bảo vệ gồm 05 nhân viên và các trang thiết bị cần thiết như dùi cui, súng hơi cay, quần áo và các trang thiết bị hỗ trợ khác [H9.9.9.2] và đã ban hành các văn bản quy định về công tác bảo vệ an ninh, trật tự an toàn trong trường [9.9.9.2].

Trường đã xây dựng hệ thống hàng rào, tường bao toàn bộ khu vực trường, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo vệ an ninh, an toàn về tài sản trong trường và thường xuyên phối hợp với các lực lượng vũ trang: Công an Tỉnh, Huyện, Xã trên địa bàn tham gia vào công tác đảm bảo an ninh trật tự trong Trường [H9.9.9.1].

Để thực hiện chủ trương này, Trường đã hợp đồng với công ty bảo vệ chuyên nghiệp làm việc 24/24 tại cổng trường, lực lượng của Tổ bảo vệ làm việc 24/24 tại tất cả các khu nhà làm việc. Lực lượng này được tập huấn nghiệp vụ, được trang bị dụng cụ đầy đủ như hệ thống camera giám sát, bộ đàm, gậy, đèn pin, các vật dụng hỗ trợ khác và thực hiện nhiệm vụ theo quy trình nghiêm ngặt [H9.9.9.1].

Tại các khu nhà của Trường đều có phương án phòng cháy chữa cháy (PCCC), có thiết bị PCCC, có bảng chỉ dẫn, hệ thống nội quy được phổ biến tại các khu vực công cộng của Trường. Trường phối hợp với các cơ quan PCCC diễn tập và tập luyện đội ngũ nhằm vận hành hệ thống chữa cháy và luôn sẵn sàng trong mọi tình huống [H9.9.9.4].

100% phòng thí nghiệm của Trường được trang bị thiết bị an toàn PCCC, có nội quy hướng dẫn an toàn trong phòng thí nghiệm, có cán bộ phụ trách trực tiếp trong quá trình vận hành và hệ thống camera giám sát 24/24 [H9.9.9.5].

Các quy định và hướng dẫn PCCC được phòng niêm yết công khai tại vị trí dễ nhìn, dễ hiểu đối với mọi cán bộ, giảng viên, sinh viên của Trường. Hằng năm, ban PCCC của Trường phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ tiến hành tập huấn các quy định về an toàn và thực tập PCCC trong Trường. Trong thời gian qua, Đoàn thanh niên, cố vấn học tập thường xuyên tuyên truyền về công tác PCCC cho sinh viên [H9.9.9.6].

Trường đã phối hợp với công an và chính quyền địa phương nhằm nắm bắt tình hình an ninh trật tự trên địa bàn để kịp thời có phương án giải quyết các vấn đề liên quan. Tháng 11/2011, Trường đã phối hợp với Công an Xã Bích Sơn, Công an Huyện Việt Yên Tỉnh Bắc Giang tổ chức Hội nghị sơ kết an ninh trật tự. Đặc biệt, trong các đợt tổ chức thi tuyển sinh, tốt nghiệp và các sự kiện quan trọng, Trường đều mời công an địa phương tham gia trực tiếp công tác đảm bảo an ninh trật tự trong suốt quá trình diễn ra sự kiện [H9.9.9.7].

Trường đã biên chế cán bộ y tế với đầy đủ trang thiết bị phục vụ việc sơ cấp cứu ban đầu nhằm đảm bảo an toàn tính mạng của cán bộ, giảng viên và sinh viên [H9.9.9.8]

Trong 5 năm qua Trường đã nỗ lực trong việc trang bị các thiết bị an ninh, tăng cường đội ngũ bảo vệ và thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản trật tự an toàn cho cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường. Nhờ vậy trong 5 năm qua Trường không có nạn trộm cắp, không có sinh viên, giảng viên, cán bộ bị truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến tính mạng và tài sản của cá nhân, tập thể.

2. Điểm mạnh

- Có đội ngũ chuyên trách và bảo vệ, có các biện pháp an toàn PCCC.
- Có hệ thống Camera giám sát toàn diện trong toàn bộ các khuôn viên Trường.

3. Tồn tại

Hệ thống nhà xe của cán bộ, giáo viên chưa được quản lý chặt chẽ

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, Trường xây dựng kế hoạch quy hoạch khu để xe cho cán bộ, giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Trường đã ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong công tác quản lý thư viện, đã xây dựng được cơ sở học liệu phong phú, kết nối với các hệ thống cổng thông tin dữ liệu quốc gia, quốc tế nhằm giúp bạn đọc khai thác hiệu quả các nguồn tài liệu phục vụ dạy, học và NCKH. Cam kết các chính sách phục vụ cởi mở cũng như không ngừng hiện đại hóa các trang thiết bị nhằm thỏa mãn và đáp ứng nhu cầu đa dạng của bạn đọc. Hệ thống wifi được cung cấp miễn phí và không giới hạn tại tất cả các khuôn viên thuộc quản lý của Trường. Chú trọng công tác xây dựng hệ thống các phòng thí nghiệm, phòng thực hành cũng như hệ thống phòng thí nghiệm chuyên sâu nhằm phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Có đội ngũ chuyên trách thực hiện công tác bảo vệ, an toàn PCCC với sự hỗ trợ của hệ thống camera giám sát toàn diện.

TIÊU CHUẨN 10: TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Tài chính và quản lý tài chính đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động của nhà trường. Nguồn tài chính của nhà trường chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp và kinh phí thu sự nghiệp khác. Nguồn kinh phí ngân sách chỉ đảm bảo ở mức hỗ trợ cho nhà trường. Để hoạt động có hiệu quả nhà trường chủ động khai thác các nguồn thu khác như học phí, lệ phí và các hoạt động dịch vụ nghiên cứu khoa học gắn với lĩnh vực chuyên môn đào tạo, bên cạnh đó đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế để có được nguồn tài trợ từ các hoạt động này. Do yêu cầu về tính tự chủ tài chính ngày càng cao, nhà trường đã xây dựng các giải pháp chiến lược tạo nguồn vốn và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thực hiện chế độ kế toán, báo cáo, quyết toán theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Công tác lập kế hoạch tài chính luôn được liên tục hoàn thiện, phân bổ tài chính minh bạch, khoa học, hợp lý, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược phát triển của nhà trường. Các nguồn kinh phí đều được sử dụng hợp lý để phục vụ ngày càng tốt hơn cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, viết giáo trình; hỗ trợ giảng viên học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ, chuyên môn; hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động đoàn thể; khám sức khỏe định kỳ, mua thuốc bảo hiểm tai nạn và các hoạt động khác của nhà trường. Việc đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, làm việc ngày càng được nhà trường quan tâm thích đáng, tiếp cận với công nghệ hiện đại.

Tiêu chí 10.1: Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học.

1. Mô tả

Thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập [H10.10.1.1], Luật Ngân sách Nhà nước 01/2002/QH11 ban hành ngày 16/12/2002 [H10.10.1.2]. Thông tư hướng dẫn số 71/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính và chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hàng năm Trường thực hiện quyền tự chủ thông qua việc xây dựng dự toán thu chi thường xuyên, Trường đã lập phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ về tài chính năm 2010 và phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2013 - 2015 [H10.10.1.3] trên cơ sở nguồn ngân sách Nhà nước cấp bởi quyết định giao dự toán ngân sách của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn [H10.10.1.4] và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H10.10.1.5].

Để chủ động trong công tác quản lý tài chính, trên cơ sở chiến lược phát triển Trường, Phòng Tài chính – kế toán tiến hành xây dựng kế hoạch tài chính theo từng năm học thông qua kế hoạch công tác tài chính năm [H10.10.1.8]; [H10.10.1.9]. Tất cả các kế hoạch đều được Hiệu trưởng phê duyệt và công bố trong hội nghị triển khai kế hoạch công tác năm. Điều này giúp Trường có được các thông tin cơ sở về vấn đề tài chính, các giải pháp thu hút nguồn tài chính và kiểm soát thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, chi hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác phù hợp với kế hoạch hành động của Trường trong từng năm học.

Định kỳ, Trường thực hiện báo cáo công tác tài chính với Bộ thông qua các báo cáo công khai thông tin và thực hiện công tác quyết toán, kiểm toán báo cáo tài chính cho mỗi niên độ đúng theo quy định của pháp luật. Trường không có các vi phạm liên quan đến các nguồn thu tài chính theo kết luận của

Kiểm toán, cơ quan chức năng Nhà nước trong suốt 05 năm vừa qua. Các ý kiến kết luận của đơn vị kiểm toán đều đánh giá cao công tác lập kế hoạch và quản lý tài chính kế toán của Trường trong các năm qua [H10.10.2.7].

Theo nguồn số liệu thống kê từ báo cáo quyết toán năm 2011 đến năm 2015 và theo số liệu kế toán năm 2016, Trường có các nguồn tài chính, cơ cấu thu hợp pháp và khả dụng như sau:

Năm 2011, nguồn ngân sách Nhà nước cấp chiếm 72,5%, nguồn thu từ học phí các hệ chiếm 17,5%, thu sự nghiệp khác 4,9 %, từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ 5,1%. Tổng nguồn thu trong năm được chi cho các hoạt động đào tạo chiếm tỷ lệ 75,5%, cho hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác chiếm 24,5%.

Năm 2012, nguồn ngân sách Nhà nước cấp chiếm 76%, nguồn thu từ học phí các hệ chiếm 13%, thu sự nghiệp khác 3%, từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ 8%. Tổng nguồn thu trong năm được chi cho các hoạt động đào tạo chiếm tỷ lệ 69%, cho hoạt động nghiên cứu khoa học chiếm và cho các hoạt động khác chiếm 31%.

Năm 2013, nguồn ngân sách Nhà nước cấp chiếm 62%, nguồn thu từ học phí các hệ chiếm 20, thu sự nghiệp khác 2%, từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ 6%. Tổng nguồn thu trong năm được chi cho các hoạt động đào tạo chiếm tỷ lệ 72%, cho hoạt động nghiên cứu khoa học và cho các hoạt động khác chiếm 28%.

Năm 2014, nguồn ngân sách Nhà nước cấp chiếm 65%, nguồn thu từ học phí các hệ chiếm 22%, thu sự nghiệp khác 1%, từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ 12%. Tổng nguồn thu trong năm được chi cho các hoạt động đào tạo chiếm tỷ lệ 67%, cho hoạt động nghiên cứu khoa học và cho các hoạt động khác chiếm 33%.

Năm 2015, nguồn ngân sách Nhà nước cấp chiếm 60%, nguồn thu từ học phí các hệ chiếm 25%, thu sự nghiệp khác 1%, từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ 14%. Tổng nguồn thu trong năm được chi cho các hoạt động

đào tạo chiếm tỷ lệ 71%, cho hoạt động nghiên cứu khoa học và cho các hoạt động khác chiếm 29%.

Năm 2016, nguồn ngân sách Nhà nước cấp chiếm 58%, nguồn thu từ học phí các hệ chiếm 30%, thu sự nghiệp khác 2%, từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ 10%. Tổng nguồn thu trong năm được chi cho các hoạt động đào tạo chiếm tỷ lệ 69%, cho hoạt động nghiên cứu khoa học và cho các hoạt động khác chiếm 31%.

Nhìn chung, qua cơ cấu nguồn thu của Trường từ năm 2011 đến năm 2016 cho thấy nguồn thu từ ngân sách Nhà nước cấp tương đối ổn định, nguồn thu từ học phí các hệ có xu hướng tăng [H10.10.1.6]. Điều này đòi hỏi trong những năm tới Trường cần quan tâm chú trọng giữ tỷ lệ nguồn thu từ học phí.

Tất cả các khoản thu chi của Trường đều được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của Trường [H10.10.1.5], mọi hoạt động đều được tập hợp đầy đủ, ghi chép vào sổ sách kế toán rõ ràng theo hệ thống tài khoản đúng quy định của Nhà nước, được thể hiện thông qua các báo cáo quyết toán hàng năm được lưu trữ tại phòng Tài chính kế toán [H10. 10.1.6].

Từ tháng 7 đến tháng 8 hàng năm, Trường đều lập kế hoạch dự toán tài chính cho năm sau và báo cáo với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn để chủ động có kế hoạch thu chi [H10.10.2.1]. Kế hoạch dự toán được lập rõ ràng và sát thực tế, việc phân bổ kinh phí cho các hoạt động trọng tâm của Trường về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác được thực hiện một cách hợp lý và đúng theo quy định về quản lý tài chính, tài sản của Nhà nước. Công tác phân bổ kinh phí đã dựa trên các hoạt động và chiến lược phát triển của Trường trên cơ sở vừa đáp ứng được yêu cầu công việc vừa có tích lũy để đầu tư phát triển và tăng thu nhập cho người lao động và đều được thông qua hội nghị Kế hoạch tài chính hàng năm. Trường thường xuyên thực hiện sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ của Trường cho phù hợp trên nguyên tắc tiết kiệm, tăng thu, giảm các khoản chi không hợp lý nhằm đảm

bảo các hoạt động của đơn vị, đồng thời từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho cán bộ viên chức và hợp đồng lao động, thể hiện chi lương tăng thêm và chi các ngày lễ tết ngày càng tăng qua các năm [H10.10.1.10]. Hoạt động công đoàn của Trường luôn tuân thủ theo đúng quy định, các hoạt động chi tiêu tài chính công đoàn luôn theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ tài chính công đoàn của Trường [H10.10.1.7].

Bên cạnh đó, Trường cũng dành một phần kinh phí đáng kể để đầu tư phát triển. Giai đoạn từ năm 2011 đến 2016, Trường đã tích lũy, bổ sung vốn để đầu tư và đang xây mới khu nhà học lý thuyết từ nguồn quỹ cơ quan của nhà trường. Mua sắm các trang thiết bị phục vụ học tập và giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo như mua sắm và trang bị máy móc cho hệ thống giảng đường, các phòng thực hành, thực tập, máy chiếu projector...

Nhà trường tích cực tìm kiếm các dự án, khai thác từ các nguồn thu hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, đặc biệt từ hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế góp phần bổ sung vào quỹ phúc lợi để nâng cao thu nhập cho cán bộ viên chức và hợp đồng lao động của Trường. Trường đã xây dựng giải pháp sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất đặc biệt là cơ sở vật chất của các Trung tâm có nguồn thu ngoài nguồn thu từ đào tạo... và chiến lược khai thác các nguồn thu để tăng kinh phí hoạt động cho đơn vị.

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua, Trường luôn có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, điều tiết và sử dụng các nguồn thu hợp lý nhằm đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Trường. Các nguồn thu được phản ánh một cách đầy đủ, rõ ràng, minh bạch thể hiện qua các báo cáo Thanh tra, Kiểm toán, tự kiểm tra tài chính và phê duyệt báo cáo quyết toán của Bộ Nông nghiệp & PTNN, trong 5 năm qua nhà trường không có sai phạm nào về quản lý tài chính.

3. Tồn tại

- Nguồn tài chính của Trường còn ở mức thấp so với các trường đại học khác. Trường chưa có chiến lược riêng về phát triển các nguồn thu để tăng cường tiềm lực đáp ứng nhu cầu phát triển trường.

- Các nguồn thu tài chính của Trường chưa thực sự đa dạng, nguồn thu chủ yếu vẫn là nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp đào tạo, các nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, thu dịch vụ, thu từ sản xuất kinh doanh còn chưa đáng kể.

- Đóng góp của các đơn vị cấp 3 như Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ nông lâm nghiệp và các bộ phận dịch vụ khác... vào nguồn thu của Trường chưa đáng kể, chưa tương xứng với khả năng và mức đầu tư của Trường cho các đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

- Xây dựng chiến lược và lập kế hoạch tăng cường khai thác các nguồn thu ngoài ngân sách để tăng thêm nguồn thu cho Trường như: Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động dịch vụ có thu, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh...

- củng cố tổ chức quản lý, đổi mới hoạt động và nâng cao hiệu quả hoạt động của các bộ phận có thu theo hướng giao quyền tự chủ và khoán chi cho một số đơn vị trực thuộc nhằm đóng góp tích cực, bổ sung cho ngân sách của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu về tiêu chí.

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo đúng quy định.

1. Mô tả

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong Trường được chuẩn hóa, công khai, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật dưới sự hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Cuối năm tài chính,

phòng Tài chính kế toán của Trường chủ động lập kế hoạch ngân sách cho năm tiếp theo. Công tác lập kế hoạch được chuẩn hoá dựa trên các cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn giao trong năm, chỉ tiêu tuyển sinh, chỉ tiêu kinh phí ngân sách cấp, tình hình thu, chi các năm trước, điều kiện và khả năng của năm hiện tại, khả năng đóng học phí của người học; các chế độ, quy định, định mức tài chính do Nhà nước ban hành; quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, các số liệu được cung cấp từ các khoa, phòng, ban và đơn vị chuyên môn khác. Công tác triển khai xây dựng và phê duyệt kế hoạch tài chính ở cả 2 cấp là cấp đơn vị trực thuộc và cấp toàn Trường.

Kế hoạch tài chính các đơn vị được lập theo hướng dẫn của Trường [H10.10.2.1] trên cơ sở nhu cầu sử dụng các nguồn lực theo định mức để thực hiện khối lượng công tác được giao. Kế hoạch tài chính của Trường hàng năm trước khi thực hiện đều được lấy ý kiến đóng góp thông qua các cuộc họp triển khai kế hoạch tài chính và sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ, sau đó được thông báo tới toàn thể cán bộ viên chức trong trường thông qua kết luận cuộc họp [H10.10.2.2]. Kế hoạch tài chính toàn trường được tổng hợp từ kế hoạch các đơn vị, có điều chỉnh theo yêu cầu thực tế công tác chung của Trường theo từng giai đoạn. Nhìn chung kế hoạch tài chính của Trường trong các năm qua được lập theo đúng quy định, đáp ứng được nhu cầu cơ bản của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Trường [H10.10.2.3]. Công tác lập kế hoạch tài chính trong Trường đã được xây dựng theo đúng các nguyên tắc và quy định, về cơ bản phù hợp với nhu cầu tài chính cho các hoạt động của Trường.

Công tác lập kế hoạch, quản lý tài chính cũng được công khai, minh bạch. Hàng năm, toàn bộ dự toán thu chi cũng như tình hình quyết toán tài chính được cấp trên đánh giá tốt thông qua biên bản duyệt quyết toán hàng năm của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn [H10.10.2.4]. Trường công khai tài chính trong các hội nghị cán bộ công chức viên chức hàng năm, đồng

thời qua hội nghị cán bộ công chức viên chức hàng năm [H10.10.2.5] đều tổng hợp các ý kiến liên quan đến tổ chức thu chi tài chính và tính kịp thời trong thanh toán cho cán bộ công chức viên chức. Các định mức chi tiêu theo quy định của Nhà nước và của đơn vị thực hiện theo quyền tự chủ tài chính đều được Trường công bố và phát hành rộng rãi đến từng cá nhân và đơn vị thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ [H10.10.1.5]. Công tác quản lý tài chính và tài sản luôn rõ ràng, minh bạch và đúng theo quy định của Nhà nước thể hiện trong báo cáo tổng kết công tác quản lý tài chính hàng năm [H10.10.2.6]. Hàng quý, hàng năm thông qua các đợt kiểm tra duyệt quyết toán của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn được đánh giá tốt, không vi phạm quy chế quản lý tài chính trong vòng 5 năm trở lại đây. Năm 2015 thanh tra Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn làm việc với Trường đã có văn bản kết luận Trường không có sai phạm về quản lý tài chính [H10.10.2.7]. Một số hạn chế được nêu trong biên bản Kiểm toán và thanh tra cũng đã được khắc phục dần để hoàn thiện hơn trong công tác quản lý tài chính [H10.10.2.8]. Công tác tổ chức kế toán được đơn vị chú trọng tổ chức khá chặt chẽ và khoa học, thời gian từ 2 đến 3 năm thay đổi luân phiên các vị trí công việc nên 1 kế toán đều biết nhiều phần hành để luôn luôn đảm bảo có người thay thế công việc khi một vị trí kế toán nào đó trống để đảm bảo mọi công việc luôn được tiến hành liên tục và hiệu quả.

Trường ban hành quy trình thanh toán đã giúp cho quá trình các chế độ của cán bộ viên chức, học sinh, sinh viên được thuận tiện, thông suốt và nhanh chóng thể hiện sự công khai và minh bạch trong quy trình thanh toán [H10.10.2.9].

Trường đã đầu tư các phần mềm hỗ trợ kế toán để thực thi công việc, do đó công tác quản lý tài chính được tin học hóa toàn bộ từ khâu lập kế hoạch đến báo cáo quyết toán, in sổ sách kế toán để lưu trữ. Công tác thu học phí, lệ phí được quản lý và sử dụng phần mềm tin học có kết nối với các phòng chức năng, có đồng bộ hóa dữ liệu giữa các phòng Chính trị & công tác

HSSV, Phòng Đào tạo, Phòng tài chính kế toán nên có thể quản lý trên phần mềm về tình hình số tín chỉ sinh viên học, có được miễn giảm học phí không và số tiền học phí sinh viên phải đóng. Đến cuối kỳ, sau khi phòng Tài chính kế toán thu học phí xong, dữ liệu sẽ tự động cập nhật và đồng bộ dữ liệu với các phòng chức năng giúp quản lý nguồn thu học phí một cách hiệu quả, minh bạch, kịp thời, tránh thất thu.

Công tác lập kế hoạch tài chính của Trường đảm bảo tính chính xác, minh bạch và theo đúng quy định hiện hành. Hàng năm, công tác thanh tra của Trường thường xuyên hoạt động với chức năng giám sát chế độ tài chính, việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước, sử dụng các quỹ, việc chấp hành chế độ quản lý tài chính, tài sản và công tác tự kiểm tra tài sản, tài chính của đơn vị. Từ năm 2014 đến nay chưa xảy ra sai sót và khởi kiện liên quan đến tình hình tài chính và quản lý tài chính, tài sản của Trường thể hiện trong báo cáo hàng năm của ban thanh tra nhân dân [H10.10.2.10].

2. Điểm mạnh

- Trường đã có quy chế chi tiêu nội bộ chi tiết cho hầu hết các khoản chi trong Trường nên việc quản lý tài chính tương đối thuận lợi, đảm bảo tính công khai, minh bạch.

- Qua các đợt kiểm toán của Nhà nước và của đoàn thanh tra Bộ Nông nghiệp & PTNT công tác quản lý tài chính của Trường đều được đánh giá tốt.

3. Tồn tại

Công tác lập kế hoạch tài chính đầu năm ở các bộ phận nội bộ còn chậm, đôi khi chưa sát với tình hình thực tế gây khó khăn cho việc triển khai kế hoạch công tác chung.

4. Kế hoạch hành động

Rà soát và hoàn thiện các bước trong công tác lập kế hoạch tài chính đầu năm ở các bộ phận nội bộ, để khâu lập kế hoạch tài chính sát với thực tế tại các đơn vị và phù hợp với tình hình chung của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 10.3. Đảm bảo phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.

1. Mô tả

Trong 5 năm qua, Trường luôn đảm bảo phân bổ kinh phí, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của Trường [H10.10.3.3].

Theo nguồn số liệu thống kê từ các báo cáo quyết toán năm 2011 đến năm 2015, cơ cấu chi cho đào tạo tăng dần qua các năm thể hiện như sau [H10.10.3.1]:

Năm 2011, tổng nguồn thu trong năm được chi cho các hoạt động đào tạo chiếm tỷ lệ 75,5%, cho hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác chiếm 24,5%.

Năm 2012, tổng nguồn thu trong năm được chi cho các hoạt động đào tạo chiếm tỷ lệ 69%, cho hoạt động nghiên cứu khoa học chiếm và cho các hoạt động khác chiếm 31%.

Năm 2013, tổng nguồn thu trong năm được chi cho các hoạt động đào tạo chiếm tỷ lệ 72%, cho hoạt động nghiên cứu khoa học và cho các hoạt động khác chiếm 28%.

Năm 2014, tổng nguồn thu trong năm được chi cho các hoạt động đào tạo chiếm tỷ lệ 67%, cho hoạt động nghiên cứu khoa học và cho các hoạt động khác chiếm 33%.

Năm 2015, tổng nguồn thu trong năm được chi cho các hoạt động đào tạo chiếm tỷ lệ 71%, cho hoạt động nghiên cứu khoa học và cho các hoạt động khác chiếm 29%.

Năm 2016, tổng nguồn thu trong năm được chi cho các hoạt động đào tạo chiếm tỷ lệ 69%, cho hoạt động nghiên cứu khoa học và cho các hoạt động khác chiếm 31%.

Cùng với việc xây dựng kế hoạch ngân sách tài chính hàng năm sát với thực tế, Trường cũng đã có những giải pháp phù hợp để quản lý điều hành,

tập trung các nguồn thu. Tất cả các nguồn lực tài chính đều được phân bổ, sử dụng hợp lý, rõ ràng, minh bạch và phát huy hiệu quả tốt. Việc phân bổ kinh phí luôn bám sát với quy hoạch tổng thể ngắn hạn và dài hạn của Trường, cũng như đáp ứng được trọng tâm chiến lược ưu tiên phát triển hàng năm của đơn vị [H10.10.2.3]. Trường luôn ưu tiên bố trí ngân sách cho nhiệm vụ đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Ngoài ra, hoạt động nghiên cứu khoa học cũng được bổ sung một phần kinh phí đáng kể ngoài kinh phí Nhà nước cấp. Cơ sở vật chất của Trường cũng được nâng cao nhờ nguồn kinh phí tiết kiệm và tích lũy để tái đầu tư phát triển [H10.10.3.5]. Trong những năm qua, Trường đã ưu tiên đầu tư để xây dựng, sửa chữa ký túc xá cho sinh viên từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn tự cân đối của Trường. Hàng năm, Trường đã tự cân đối và phân bổ một phần kinh phí khá lớn để nâng cấp, trang bị mới hệ thống máy móc, thiết bị dùng cho học tập, giảng dạy và đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.2.3].

Trường luôn quan tâm chú trọng đến chế độ của người học mà cụ thể là chế độ học bổng của sinh viên. Hàng năm, Trường đã thanh toán học bổng cho sinh viên theo đúng chế độ quy định. Bên cạnh đó Trường trích một phần kinh phí từ Ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu học phí để dành cho sinh viên trực tiếp nghiên cứu khoa học [H10.10.3.3].

Trường thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất cho cán bộ viên chức. Bên cạnh đó Trường cũng dành một khoản kinh phí không nhỏ để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao hàng năm cho cán bộ.

Qua các lần duyệt quyết toán quý, năm .Trường không có sai phạm nào về nguyên tắc quản lý tài chính và luôn được đánh giá tốt [H10.10.2.4]. Quy chế chi tiêu nội bộ luôn được lấy ý kiến rộng rãi của cán bộ viên chức để ban hành, sửa đổi qua các năm và được công khai, rõ ràng định mức chi tiêu. Việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp lý và có hiệu quả đã góp phần nâng cao nguồn lực của Trường, thu nhập của cán bộ được nâng cao, hệ số chia thêm

tiền lương tháng qua các năm đều tăng lên, đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ viên chức được cải thiện, thể hiện quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi qua các năm [H10.10.1.5]. Các nội dung trên thể hiện tính hợp lý, công khai, minh bạch, có hiệu quả trong việc phân bổ và sử dụng kinh phí của Trường.

Bên cạnh đó, trường đã chủ động xây dựng và triển khai thực hiện đề án vị trí việc làm nhằm sắp xếp lại cơ cấu tổ chức nhân sự, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, tiết kiệm chi phí, sử dụng hiệu quả quỹ tiền lương tiền công. Hàng năm, Trường tổ chức hội nghị cán bộ viên chức và người lao động để báo cáo tình hình hoạt động của Trường trong đó có hoạt động tài chính [H10.10.2.5]. Mục đích của hoạt động này là nhằm thực hiện công khai, minh bạch công tác kế hoạch tài chính và lấy ý kiến của cán bộ viên chức và người lao động, các bộ phận có liên quan đến hoạt động tài chính của Trường. Nội dung báo cáo hoạt động tài chính và các góp ý của cán bộ viên chức và người lao động và các đơn vị có liên quan được thể hiện trong báo cáo hội nghị cán bộ viên chức và người lao động hàng năm và các biên bản ghi chép trong hội nghị.

2. Điểm mạnh

- Kinh phí của Trường về cơ bản đã được phân bổ phù hợp với quy hoạch phát triển trường trong từng giai đoạn, đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ của từng bộ phận, đồng thời đáp ứng những nhiệm vụ trọng tâm trong từng thời kỳ của Trường.

- Trong nhiều năm trở lại đây, Trường không để xảy ra bất kỳ vi phạm nào trong công tác quản lý tài chính.

- Nhờ làm tốt công tác tài chính, nguồn lực của Trường thường xuyên được nâng cấp và tăng cường, đáp ứng được yêu cầu phát triển mọi mặt của Trường.

3. Tồn tại

- Do kinh phí hạn hẹp nên một số hoạt động trong Trường chưa được phân bổ mức kinh phí thích hợp như kinh phí cho bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo, chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chi cho các hoạt động văn thể...

- Công tác quản lý, giám sát tài chính của một số bộ phận nội bộ có thu còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, phòng Tài chính kế toán phối hợp với các đơn vị chức năng rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy chế quản lý tài chính đối với các đơn vị nội bộ. Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị nội bộ, tăng cường áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định ở các bộ phận này.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Công tác quản lý tài chính của trường trong những năm qua đã được cải tiến mạnh mẽ đáp ứng yêu cầu thực tiễn của nhà trường và tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiêu chuẩn 10 về tài chính và quản lý tài chính của trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang có những điểm mạnh sau:

Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang đã xây dựng và áp dụng quy chế chi tiêu nội bộ từ nhiều năm qua, hàng năm Nhà trường tổ chức rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và cập nhật các chế độ, chính sách mới về tài chính và quản lý tài chính theo quy định của Nhà nước.

Trường điều hành tập trung các nguồn thu, điều tiết sử dụng hợp lý các nguồn thu đáp ứng yêu cầu công việc của Trường, đồng thời quan tâm đến việc cải thiện thu nhập cho người lao động và tích lũy tái đầu tư cơ sở vật chất. Công tác tài chính được thực hiện theo qui định của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp & PTNT, báo cáo quyết toán hàng năm được lập chính xác, kịp thời. Các nguồn tài chính được quản lý, điều hành tập trung, phân bổ sử dụng hợp lý, rõ ràng và phát huy hiệu quả tốt. Trường cũng đã có các giải pháp để tăng nguồn thu ngoài dự toán ngân sách nhà nước giao. Các nguồn thu ngoài

ngân sách chủ yếu là thu học phí hệ chính quy, vừa làm vừa học, thu từ các đề tài, dự án, hợp tác quốc tế,... đã đem lại nguồn thu quan trọng cho trường.

Kế hoạch tài chính của trường được xây dựng sát yêu cầu thực tế và công tác quản lý tài chính chặt chẽ, công khai, minh bạch, đúng qui định. Trong vòng nhiều năm qua, trường không vi phạm các quy định về quản lý tài chính.

Tiêu chuẩn 10 về tài chính và quản lý tài chính của trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang còn có những tồn tại sau:

Nguồn thu chủ yếu của trường là từ ngân sách nhà nước và hoạt động đào tạo, nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và nguồn thu khác còn khiêm tốn, nhất là trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và liên kết đào tạo với các tổ chức trong và ngoài nước.

Trong thời gian tới, trường sẽ phát huy hơn nữa các điểm mạnh, khắc phục các vấn đề còn tồn tại để công tác quản lý tài chính ngày càng hoàn chỉnh.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Trường Đại học Nông- Lâm Bắc Giang mới được nâng cấp từ năm 2011. Trải qua 06 năm phát triển đến nay Trường đã có 03 khóa sinh viên hệ đại học tốt nghiệp. Năm 2014, Trường tổ chức tự đánh giá lần 1, nhờ đó, những tồn tại của Trường được phát hiện và khắc phục trong những năm qua. Trường tổ chức tự đánh giá theo năm học, thực hiện các biện pháp điều chỉnh và đánh giá việc cải tiến liên tục sau mỗi năm. Điều này đã góp phần vào việc hoàn thiện các hoạt động, giúp Trường đạt các điều kiện về ĐBCL do Bộ GD&ĐT đề ra như nâng cao chất lượng, uy tín và thương hiệu của Trường tại địa phương, trong nước và quốc tế.

Trong đợt tự đánh giá này, BGH đã chỉ đạo công tác tự đánh giá phải bám sát yêu cầu của tiêu chí, bám sát các điều kiện ĐBCL, đặc biệt là tiêu chuẩn đối với các cơ sở đào tạo đạt chuẩn quốc gia, theo mô hình “ Định hướng nghiên cứu ứng dụng”. Hội đồng tự đánh giá đã nghiêm túc thực hiện chỉ đạo trên nên trong báo cáo tự đánh giá có liên hệ đến nhiều chỉ tiêu theo yêu cầu đối với cơ sở đào tạo đạt chuẩn quốc gia.

Kết quả tự đánh giá 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí cho thấy Trường đảm bảo đạt được các yêu cầu của mỗi tiêu chí đề ra và đánh giá đạt 61/61 tiêu chí. Bên cạnh đó, Hội đồng Tự đánh giá còn đối chiếu với mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn đến 2030 cũng như với sứ mạng đã tuyên bố và nhận thấy rằng Trường đã đạt được các mục tiêu đề ra. Qua đợt tự đánh giá này, Trường vẫn tiếp tục phát hiện những tồn tại mới, những tồn tại này đã được đề xuất biện pháp khắc phục và công bố toàn trường.

Kết quả đánh giá từ cơ quan kiểm định độc lập bên ngoài lần này sẽ góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu của Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang trong xã hội. BGH đề ra những mục tiêu chiến lược và giải pháp cụ thể cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Trường; thực hiện các giải pháp khắc phục tồn tại được phát hiện trong quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài lần này để thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện mọi hoạt động nhằm đưa Trường phát triển, hội nhập với khu vực và thế giới./.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: DBG							
Tên trường: Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang							
Khối ngành: Tổng hợp							
Ngày hoàn thành tự đánh giá: .../.../2017							
Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá							
Tiêu chuẩn 1				Tiêu chuẩn 6			
1.1	Đ			6.1	Đ		
1.2	Đ			6.2	Đ		
Tiêu chuẩn 2				Tiêu chuẩn 7			
2.1	Đ			6.3	Đ		
2.2	Đ			6.4	Đ		
2.3	Đ			6.5	Đ		
2.4	Đ			6.6	Đ		
2.5	Đ			6.7	Đ		
2.6	Đ			6.8	Đ		
2.7	Đ			6.9	Đ		
Tiêu chuẩn 3				Tiêu chuẩn 8			
3.1	Đ			7.1	Đ		
3.2	Đ			7.2	Đ		
3.3	Đ			7.3	Đ		
3.4	Đ			7.4	Đ		
3.5	Đ			7.5	Đ		
3.6	Đ			7.6	Đ		
Tiêu chuẩn 4				Tiêu chuẩn 9			
4.1	Đ			8.1	Đ		
4.2	Đ			8.2	Đ		
4.3	Đ			8.3	Đ		
4.4	Đ			Tiêu chuẩn 10			
4.5	Đ			9.1	Đ		
4.6	Đ			9.2	Đ		
4.7	Đ			9.3	Đ		
Tiêu chuẩn 5				9.4	Đ		
5.1	Đ			9.5	Đ		
5.2	Đ			9.6	Đ		
5.3	Đ			9.7	Đ		
5.4	Đ			9.8	Đ		
5.5	Đ			9.9	Đ		
5.6	Đ			Tiêu chuẩn 10			
5.7	Đ			10.1	Đ		
5.8	Đ			10.2	Đ		
				10.3	Đ		

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10; Số tiêu chí đạt: 61 (chiếm 100%);
- Số tiêu chí chưa đạt: 0 (chiếm 0%); Số tiêu chí không đánh giá: 0 (chiếm 0%).

Bắc Giang, ngày 30 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG – LÂM BẮC GIANG



PHẦN PHỤ LỤC

Bắc Giang, tháng 8 năm 2017

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG – LÂM BẮC GIANG



PHỤ LỤC 1
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Bắc Giang, tháng 8 năm 2017

CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 31/8/2017

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

Tiếng Anh: Bacgiang Agriculture and Forestry University

2. Tên viết tắt của trường:

Tiếng Việt: ĐHNLBG

Tiếng Anh: BAFU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Cao đẳng Nông - Lâm

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

5. Địa chỉ trường: Xã Bích Sơn - Huyện Việt Yên - Tỉnh Bắc Giang

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: 0204 3874 265 Số fax: 0204 3874 604

E-mail: dhnlbg@hn.vnn.vn Website: www.bafu.edu.vn

7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): 2011

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Tháng 09 năm 2011

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Tháng 09 năm 2015

10. Loại hình trường đào tạo:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

Loại hình khác: không

II. Giới thiệu khái quát về nhà trường

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường:

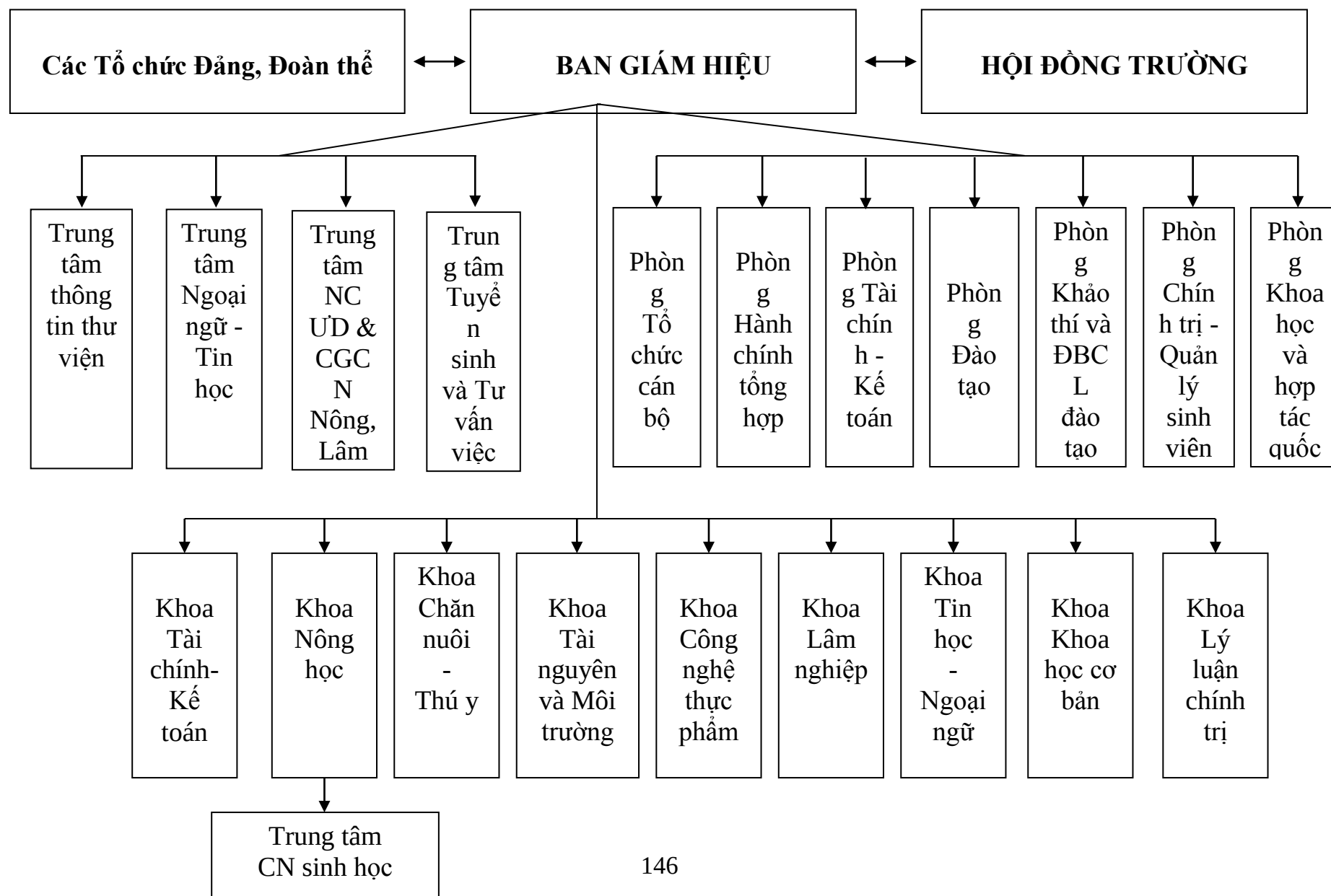
Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang đóng trên địa bàn Xã Bích Sơn - Huyện Việt Yên - Tỉnh Bắc Giang, là trường đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục đại học Việt nam, là cơ sở đào tạo thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được thành lập theo Quyết định số 133/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20 tháng 01 năm 2011, trên cơ sở nâng cấp

Trường Cao đẳng Nông - Lâm.

Trường có chức năng và nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học, cao đẳng, trung học và công nhân nghề về kinh tế, kỹ thuật trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, đáp ứng sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần tích cực cho sự nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh đó nhà trường còn có nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ hoạt động đào tạo và đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành.

Tuy mới đào tạo đại học được 06 năm, nhưng nhà trường kế thừa được kinh nghiệm và cơ sở vật chất và đội ngũ của 50 năm đào tạo trung cấp và cao đẳng, Nhà trường luôn là cơ sở đào tạo đảm bảo chất lượng, cung cấp cán bộ kỹ thuật cho cả nước. Trường không ngừng phát triển về quy mô, ngành nghề đào tạo, đội ngũ cán bộ giáo viên. Từ khi thành lập đến nay, Trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và là một trong các trường dẫn đầu phong trào thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; được Nhà nước, Chính phủ trao tặng nhiều huân, huy chương - đặc biệt năm 2005 được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường (sơ đồ mô tả tổ chức hành chính của nhà trường).



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng).

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Hiệu trưởng	Nguyễn Quang Hà	TS. Hiệu trưởng	0916094189	quanghanguyenvfu@yahoo.com
2. Phó Hiệu trưởng	Đoàn Văn Soạn Nguyễn Tuấn Điệp	TS. Phó Hiệu trưởng TS. Phó Hiệu trưởng	0979336683 0915074 795	danguydhnl@gmail.com diepdhnl@gmail.com
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn,...	Nguyễn Quang Hà Nguyễn Thị Kim Nhung Đàm Thuận Minh Bình	TS. Bí thư Đảng ủy ThS. CT Công đoàn ThS. BT đoàn trường	09160941890 984259202 01687136888	quanghanguyenvfu@yahoo.comhoa kimnhungdhnl@gmail.com daminhbinh@gmail.com
4. Hội đồng trường	Nguyễn Bình Nhựt	TS. CT Hội đồng trường	0979874534	nhunb@bafu.edu.vn
5. Các phòng, ban chức năng				
- Phòng Đào tạo	Trần Văn Châu	ThS. QTrưởng phòng	0912707666	chautv08@gmail.com
- Phòng Tổ chức cán bộ	Đặng Xuân Anh	TS. Trưởng phòng	0913368819	dangxuananhpt@gmail.com
- Phòng Khoa học & HTQT	Cán Văn Toàn	TS. QTrưởng phòng	0912 512 220	toanafu@gmail.com
- Phòng Tài chính - Kế toán	Nguyễn Đăng Chung	ThS.Trưởng phòng	0989151981	chungthuy121@gmail.com
- Phòng Hành chính tổng hợp	Nguyễn T. Hoài Trang	ThS. Trưởng phòng	0914774573	trangcdnl2000@gmail.com
- Phòng CT - QL sinh viên	Nguyễn Tuấn Dương	TS. Trưởng phòng	0915241465	tuanduong3101@gmail.com
- Phòng Khảo thí & ĐBCLĐT	Nguyễn Việt Đức	ThS. Trưởng phòng	0912386116	ducnv411@gmail.com
- Phòng Thiết bị đầu tư	Phùng Gia Hưng	TS. Trưởng phòng	0913051970	hungphunggia@yahoo.com.vn
6. Các trung tâm/ Viện trực thuộc				
- Trung tâm Thông tin – Thư Viện	Phạm Văn Vân	ThS. Giám đốc	0983665365	vanictu@gmail.com
- Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Đỗ Thị Huyền	ThS. Giám đốc	0982036952	huyendt@bafu.edu.vn
- Trung tâm NC UD & CGCN Nông, Lâm nghiệp	Đỗ Thành Trung	TS. P.Giám đốc (Phụ trách)	0989241596	trungduchanh@gmail.com
- Trung tâm Tuyển sinh và Tuyển sinh và Tư vấn việc làm	Trần Văn Hải	ThS. P.Giám đốc (Phụ trách)	0913986198	haitv@bafu.edu.vn
7. Các khoa				

- Khoa Tài chính - Kế toán	Mai Thị Huyền	TS. Trưởng khoa	0987438196	maiuyen77.ktnlb@gmail.com
- Khoa Trồng trọt	Nguyễn Văn Vượng	TS. Trưởng khoa	0915062838	vuongdhnlb@gmail.com
- Khoa Chăn nuôi - Thú y	Trần Đức Hoàn	TS. P. Trưởng khoa	0965679819	hoantd@bafu.edu.vn
- Khoa Tài nguyên - Môi trường	Nguyễn Văn Bài	TS. Trưởng khoa	0915538066	bainv@bafu.edu.vn
- Khoa Công nghệ thực phẩm	Nguyễn Văn Lục	TS. Trưởng khoa	0912804333	lucdnl@yahoo.com
- Khoa Lâm nghiệp	Nguyễn Văn Hoàn	TS. Trưởng khoa	0982130403	hn1412@gmail.com
- Khoa Khoa học cơ bản	Diêm Đăng Huân	TS. Trưởng khoa	0918628656	huandd@bafu.edu.vn
- Khoa Lý luận chính trị	Nguyễn T. Kim Nhung	ThS. Trưởng khoa	0984259202	kimnhungdhn@gmail.com

14. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

- Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không
- Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 04
- Số lượng ngành đào tạo đại học: 13
- Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 04
- Số lượng ngành đào tạo TCCN: không
- Số lượng ngành đào tạo nghề: không
- Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: không

(Nhà trường cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 14).

Thời gian Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo các ngành/chuyên ngành:

TT	Tên ngành đào tạo	Năm	Trình độ
1.	Quản lý kinh tế	2016	Thạc sĩ
2.	Khoa học cây trồng	2016	Thạc sĩ
3.	Chăn nuôi	2016	Thạc sĩ
4.	Quản lý đất đai	2016	Thạc sĩ
5.	Kế toán	2011	Đại học
6.	Kinh tế	2015	Đại học
7.	Khoa học cây trồng	2011	Đại học
8.	Công nghệ sinh học	2012	Đại học
9.	Chăn nuôi	2011	Đại học
10.	Chăn nuôi thú y	2016	Đại học
11.	Thú y	2013	Đại học
12.	Quản lý đất đai	2011	Đại học
13.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	2013	Đại học
14.	Công nghệ thực phẩm	2012	Đại học
15.	Lâm sinh	2014	Đại học
16.	Quản lý tài nguyên rừng	2014	Đại học
17.	Bảo vệ thực vật	2015	Đại học

18.	Kế toán	2000	Cao đẳng
19.	Chăn nuôi	2000	Cao đẳng
20.	Dịch vụ thú y	2014	Cao đẳng
21.	Quản lý đất đai	2000	Cao đẳng

15. Các loại hình đào tạo của nhà trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☒	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Liên thông Trung cấp – Cao đẳng; Liên thông Cao đẳng - Đại học

16. Tổng số các khoa đào tạo: 08

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	108	135	243
I.1	Cán bộ trong biên chế	86	104	190
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	22	31	53
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	3	9	12
	Tổng số	111	144	255

(Nhà trường cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của nhà trường, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên.

¹ Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các trường công lập) và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được nhà trường mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):

S TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	2		2			
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	33	29	4	24		
5	Thạc sĩ	116	112	4	33		
6	Đại học	4	3	1			
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng số	155	144	11	58		

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 155 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 63,79%

Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường³: 347.8

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số quy đổi.

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1	1	0.3	0.2	0.2	
1	Giáo sư	3							
2	Phó Giáo sư	2		2					4
3	Tiến sĩ khoa học	2							0
4	Tiến sĩ	1.5		33	29	4	24		102
5	Thạc sĩ	1		116	112	4	33		235.8
6	Đại học	0.8		4	3	1	1		6

³ Việc quy đổi áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực tại thời điểm đánh giá

	Tổng			155	144	11	58		347.8
--	-------------	--	--	------------	------------	-----------	-----------	--	--------------

Hệ số quy đổi trình độ (cột 3) của các trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ và đại học, đối với các trường ĐH, học viện theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,0; 0,8; đối với các trường CĐ và TCCN: theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,3; 1,0 (không tính các trình độ thấp hơn ĐH) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ GDĐT. Nếu có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với phó giáo sư.

Cách tính:

Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi:

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	2		1	1					2
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	33		28	5		19	4	6	4
5	Thạc sĩ	116		30	86	23	79	6	7	1
6	Đại học	4		1	3	1	1	1	1	
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng	155	0	60	95	24	118	11	14	7

19.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	3,01 %	3,1 %
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	18,1 %	78,3 %
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	75,5 %	13,3 %
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	3.39 %	5,3 %
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
Tổng		100 %	100%

19.2 Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 35 tuổi

19.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 22.6%

19.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 74.84%

IV. Người học

20. Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và NCS:

Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Đại học							
2010 – 2011 K1		238		180	A,D1: 13 B: 14	14.8	
2011 - 2012		195		128	A,A1: 13 D: 13.5 B: 14	14.4	
2012 - 2013	707	1015		585	A, A1: 13 B: 14	15.1	

						D: 13,5		
2013 - 2014	Thi quốc gia		258		122	A, A1, D1: 13 B: 14	14.97	
	Đề án riêng	771			446	Bình quân lớn hơn hoặc bằng 6	7.2	
2014 - 2015	Thi quốc gia		76		353	15	17.1	
	Đề án riêng		40			Bình quân lớn hơn hoặc bằng 6	6.7	
2015 - 2016	Thi quốc gia		103		367	15	17.8	
	Đề án riêng		508			Bình quân lớn hơn hoặc bằng 6	6.7	
Cao đẳng								
2010 – 2011 K12			273		212	A,D1: 10 B: 11	10.4	
2011 - 2012			253		184	A: 10 D: 10.5 B: 11	11.4	
2012 - 2013			256		91	A, A1: 10 B: 11 D: 10,5	11.7	
2013 - 2014					62	A, A1, D1: 10 B: 11		
2014 - 2015					36			
2015 - 2016					55			
Đại học LT								

2010 - 2011		259		259			
2011 - 2012		489		489			
2012 - 2013							
2013 - 2014							
2014 - 2015		368		368			
2015 - 2016		69		69			
ĐH LTVHVL							
2010 - 2011		0		0			
2011 - 2012		142		142			
2012 - 2013				0			
2013 - 2014				356			
2014 - 2015		364		364			
2015 - 2016		336		336			
Thạc sỹ							
2016 - 2017	104	89	104/87	82	15		
2017 - 2018	124	106	124/103	105	17,5		

Số lượng sinh viên hệ chính quy đang học tập tại trường: 2119 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học				104	124
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	593	640	712	578	302
Hệ không chính quy	137	306	144	176	404
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	153	36	33	29	55
Hệ không chính quy	205	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	58	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2011 - 2012	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016
Số lượng	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi					

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá / tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	6000	6000	6000	6000	6000
2. Số lượng sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)	1.476	1.763	1.825	1.843	1.722
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá	980	1.120	1.200	1.200	1.200
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên	5,4	5,4	5,0	5,0	5,0

ở trong ký túc xá, m ² /người					
--	--	--	--	--	--

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học:

Các tiêu chí	Năm học				
	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017
Số lượng (người)	0	10	59	50	130
Tổng số sinh viên TN	169	435	606	146	500
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0.00	2.30	9.74	34.25	26.00

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	236	462	115	478
Hệ không chính quy	0	133	0	51	222
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	169	199	144	31	22
Hệ không chính quy	50	0	94	29	0
5. Sinh viên tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ đại học chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	0	236	462	115	478
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	0	89,06 (236/265)	83,24 (462/555)	87,79 (115/131)	92,10 (478/519)
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	75.81	77.76	79.11	78.37	76,83
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	24,19	22,24	20,99	21,63	23,17
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc	0	0	0.1	0	0

theo ngành tốt nghiệp					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	65,22	64,75	66,59	77,0	26,75
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp	32.54	31.58	29,56	25.69	26,75
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	49.56	50.27	57,03	51,31	0
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	15.66	14,47	20,37	23,0	15,64
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	2.800.000	3.500.000	3.800.00	4.200.000	4.300.000
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử	30,18	32,24	39,41	36,3	35,48

dùng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	60,71	56,32	50,23	51,16	47,67
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	9,11	11,44	10,36	12,54	15,85

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 – 2016	2016 – 2017
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	169	199	144	31	22
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	66,27 (169/255)	83,61 (199/238)	77,84 (144/185)	70,45 (31/44)	61,11 (22/36)
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền					

các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	66,97	70,34	72,45	71,95	72,36
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	33,03	29,66	27,55	28,05	27,64
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	0	0	0	0	0
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	66,72	72,88	81,88	86,03	32,16
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào					

tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp					
	30,58	32,66	29,46	34,15	32,16
	48,75	50,61	51,42	50,28	0
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	17,97	22,27	30,46	35,75	10,3
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	2.500.000	3.000.000	3.200.00	3.500.000	3.800.000
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	26,52	31,56	32,5	33,25	31,65
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	66,15	61,35	60,21	57,02	52,91
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào	7,33	7,09	7,29	9,73	15,44

tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					
---------------------------------	--	--	--	--	--

Ghi chú: Sử dụng các chú thích ở câu 27

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0					1	2
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	10		4			14
3	Đề tài cấp trường	0,5		28	35	26	12	50,5
4	Tổng		10	14	21,5	13	8	66,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 66,5.

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $66,5/255 = 26,1\%$

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của nhà trường (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2012	1.150	3,96	4,51
2	2013	860	2,61	3,37
3	2014	250	0,64	0,98
4	2015	3.914	9,57	15,35
5	2016	6.963	15,47	27,31

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	28	51	
Từ 4 đến 6 đề tài			9	
Trên 6 đề tài			29	
Tổng số cán bộ tham gia	1	28	91	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5	0	3	2	4	03	18
3	Sách tham khảo	1,0	0		1	2	2	5
4	Sách hướng dẫn	0,5	0					
5	Tổng		0	4.5	4	8	6.5	23

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 23

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $23/255 = 9,02\%$

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	12	05	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	30	15	0

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2012	2013	2014	2015	2016	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	11	14	19	8	9	91,5
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	9	9	38	19	23	98
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	8				22	15
4	Tổng		29,5	30	66,5	31	47,5	204,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 204,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,80

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	15	52	30
Từ 6 đến 10 bài báo	04	04	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	19	56	30
Tổng số cán bộ tham gia	15	52	30

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	
1	Hội thảo quốc tế	1,0					6	6
2	Hội thảo trong nước	0,5			10		16	13
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
4	Tổng				5		14	19

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 15

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $15/255 = 0,06$

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	02	26	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	02	37	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2011 - 2012	0
2012 - 2013	0
2013 - 2014	0
2014 - 2015	0

2015 - 2016	0
-------------	---

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			58	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số sinh viên tham gia			130	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2012 - 2013	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	03	01	01	03
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	03	01	01	01

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 588.845 m²

40. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 6.800 m² Nơi học: 9.000 m² Nơi vui chơi giải trí: 14.282 m²

41. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 6.015 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2,84 m²

42. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 2588 cuốn

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 2411 cuốn.

43. Tổng số máy tính của trường: 405 bộ

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 180 bộ

- Dùng cho sinh viên học tập: 225 bộ

Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 16 sinh viên/máy

44. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2012: 29,020 tỉ đồng

- Năm 2013: 32,995 tỉ đồng

- Năm 2014: 39,236 tỉ đồng

- Năm 2015: 40,919 tỉ đồng

- Năm 2016: 45 tỉ đồng

45. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2012 - 2013: 9,888 tỉ đồng

- Năm 2013 - 2014: 12,099 tỉ đồng

- Năm 2014 - 2015: 13,836 tỉ đồng

- Năm 2015 – 2016: 11,701 tỉ đồng

- Năm 2016 – 2017: 12,706 tỉ đồng

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 155

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 60,78%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 22,58%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 74,84%

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 1445

Tổng số sinh viên quy đổi (người):

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 13,67 người

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 83,30%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 73,8%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 26,2%

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:
Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 52,7%
Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 27,6%
Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 3.5 triệu/ tháng
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:
Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 33%
Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 60%
6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:
Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 42,9%
Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 10.3 triệu/ cán bộ/ năm
Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 14,84%
Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 131,93%
Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 12,26%
7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):
Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 16 sinh viên/máy
Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2.83m^2 /SV
Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy: 3.52 m^2 /SV

HIỆU TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG – LÂM BẮC GIANG



PHỤ LỤC 2

HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ & KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

Bắc Giang, tháng 8 năm 2017

Số: 386 /QĐ-ĐHNLBG-TCCB

Bắc Giang, ngày 13 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá
Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 73/2001/QĐ-BNN ngày 09/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ;

Căn cứ Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang gồm các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá Trường theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Trưởng các đơn vị công tác có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH;
- Như điều 3;
- Lưu: TCCB, VT.



TS. Nguyễn Quang Hà



DANH SÁCH

Thành viên Hội đồng tự đánh giá

(Kèm theo Quyết định số: 386/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	TS. Nguyễn Quang Hà	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	TS. Đoàn Văn Soạn	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Ths. Nguyễn Đức Dương	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
4	TS. Nguyễn Bình Nhựt	Chủ tịch Hội đồng trường	Ủy viên
5	Ths. Nguyễn Việt Đức	Phó trưởng phòng KT&ĐBCLĐT	UVTT, Thư ký
6	TS. Đặng Xuân Anh	Phó trưởng phòng TCCB	Ủy viên
7	Ths. Trần Văn Châu	Q. Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
8	TS. Nguyễn Tuấn Dương	Phó trưởng phòng CT-QLSV	Ủy viên
9	Ths. Nguyễn Thị Hoài Trang	Trưởng phòng HCTH	Ủy viên
10	TS. Nguyễn Tuấn Điệp	Trưởng phòng KH&HTQT	Ủy viên
11	CN. Nguyễn Đăng Chung	Phó trưởng phòng TC-KT	Ủy viên
12	Ths. Mai Thị Huyền	Q. Trưởng khoa KT-TC	Ủy viên
13	TS. Nguyễn Văn Vượng	Trưởng khoa Nông học	Ủy viên
14	TS. Trần Đức Hoàn	Phó trưởng khoa CNTY	Ủy viên
15	TS. Nguyễn Văn Bài	Trưởng khoa TN&MT	Ủy viên
16	TS. Nguyễn Văn Lục	Trưởng khoa CNTP	Ủy viên
17	TS. Nguyễn Văn Hoàn	Trưởng khoa Lâm Nghiệp	Ủy viên
18	KS. Nguyễn Văn Hòa	Chủ tịch Công đoàn trường	Ủy viên
19	Ths. Đàm Thuận Minh Bình	Bí thư đoàn trường	Ủy viên
20	Ths. Thân Thế Hùng	Trưởng ban thanh tra	Ủy viên
21	TS. Phùng Gia Hưng	Trưởng phòng Thiết bị và đầu tư	Ủy viên
22	Ths. Phạm Văn Vân	Giám đốc Trung tâm TTTV	Ủy viên
23	Ths. Trần Văn Hải	PGĐ Trung tâm tuyển sinh và tư vấn việc làm	Ủy viên

(Danh sách gồm có 23 người)



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

T T	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Ths. Nguyễn Việt Đức	Phó trưởng phòng KT&ĐBCLĐT	Trưởng Ban
2	CN. Phạm Thị Hồng Thắm	Chuyên viên, Phòng KT&ĐBCLĐT	Ủy viên
3	TS. Đặng Xuân Anh	Phó trưởng phòng TCCB	Ủy viên
4	Ths. Trần Văn Châu	Q. Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Tuấn Dương	Phó trưởng phòng CT-QLSV	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Tuấn Điệp	Trưởng phòng KH&HTQT	Ủy viên
7	Ths. Nguyễn Thị Hoài Trang	Trưởng phòng HCTH	Ủy viên
8	CN. Nguyễn Đăng Chung	Phó trưởng phòng TC-KT	Ủy viên

At. 4



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH & NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

Nhóm	Danh sách nhóm	Các thông tin phục vụ Báo cáo tự đánh giá
1	TS. Đặng Xuân Anh (Tr. nhóm) ThS. Nguyễn Kiên Trung ThS. Thân Thế Hùng CN. Nguyễn Thị Minh Huệ	Các tiêu chuẩn: 1,2 & 5 và các mục I; II; III; phần Cơ sở dữ liệu
2	Ths. Trần Văn Châu (Tr. nhóm) TS. Nguyễn Mạnh Hùng Ths. Đàm Thuận Minh Bình Ths. Trần Văn Hải	Các tiêu chuẩn: 3&4.
3	TS. Nguyễn Tuấn Dương (Tr. nhóm) Ths. Ngô Đức Tuấn Ths. Chu Thế Hòa	Tiêu chuẩn 6 và mục IV phần Cơ sở dữ liệu
4	TS. Nguyễn Tuấn Điệp (Tr. nhóm) Ths. Diêm Tuyết Mai TS. Cấn Văn Toàn Ths. Đỗ Ngọc Diên	Tiêu chuẩn 7; 8 và mục V phần Cơ sở dữ liệu
5	Ths. Nguyễn Thị Hoài Trang (Tr. nhóm) TS. Phùng Gia Hưng CN. Nguyễn Văn Hòa Ths. Nguyễn Văn Hảo Ths: Phạm Văn Vân	Tiêu chuẩn: 9 và các mục từ 39-43 thuộc mục VI phần Cơ sở dữ liệu
6	CN. Nguyễn Đăng Chung (Tr. nhóm) Ths. Trần Thế Hiệp CN. Bùi Phương Thùy	Tiêu chuẩn: 10 và các mục 44-45 thuộc mục VI phần Cơ sở dữ liệu
7	ThS. Nguyễn Việt Đức (Tr. nhóm) CN. Phạm Thị Hồng Thắm TS. Nguyễn Văn Vượng Ths. Lê Đình Hải Ths. Vũ Thị Hoài Thu Ths. Phan Văn Cương CN. Trịnh Thị Huyền	- Viết kế hoạch tự đánh giá - Dự toán kinh phí tự đánh giá. - Nhận thông tin đánh giá các tiêu chuẩn tiêu chí - Mã hóa, lập hộp và số hóa tài liệu minh chứng - Viết mục VII phần cơ sở dữ liệu - Tổng hợp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá



1. Các thành viên hội đồng là Trưởng ban Thanh tra; Bí thư đoàn thanh niên; Tổ trưởng tổ Thông tin có nhiệm vụ cung cấp minh chứng theo yêu cầu của Hội đồng.

2. Phòng Chính trị -QLSV biên soạn phiếu điều tra, tổ chức lấy ý kiến và xử lý kết quả lấy ý kiến của cựu sinh viên hệ cao đẳng khóa 12,13,14, hệ đại học khóa 1, 2 và nhà tuyển dụng.

3. Cung cấp thông tin phục vụ Báo cáo tự đánh giá:

3.1. Trưởng các nhóm gửi File tài liệu cho Ths. Nguyễn Việt Đức theo địa chỉ Ducnv411@gmail.com

3.2. Tài liệu minh chứng (bản in và bản phôi) gửi cho ThS. Lê Đình Hải để tập hợp và mã hóa tài liệu theo quy định của Bộ Giáo dục & ĐT.

4. Thời gian thực hiện từ ngày 01/08/2016; Nộp thông tin và tài liệu minh chứng trước ngày 30/8/2016

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và để đăng ký kiểm định chất lượng. Tự đánh giá theo 10 tiêu chuẩn kiểm định của Bộ GD&ĐT để Nhà trường nhìn nhận được thực tế các mặt hoạt động của mình đang diễn ra, nhằm phát huy các thế mạnh, các nguồn lực đặc thù của trường, có những biện pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục những điểm yếu còn tồn tại.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của nhà trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Thành lập Hội đồng tự đánh giá

3.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số..... ngày ... tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Hội đồng gồm có 23 thành viên (danh sách kèm theo – phụ lục 1).

3.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo – phụ lục 2 - 3)

3.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Các tiêu chuẩn: 1,2 & 5 và các mục I; II; III; phần Cơ sở dữ liệu	T.S. Đặng Xuân Anh (Tr nhóm) ThS. Nguyễn Kiên Trung ThS. Thân Thế Hùng CN. Nguyễn Thị Minh Huệ	Từ ngày 02 đến ngày 20 /8/2016	
2	Các tiêu chuẩn: 3&4.	ThS. Trần Văn Châu (Tr. nhóm)	Từ ngày 02 đến ngày 20	

		TS. Nguyễn Mạnh Hùng ThS. Đàm Thuận Minh Bình Th.s: Trần Văn Hải	/8/2016	
3	Tiêu chuẩn 6 và mục IV phần Cơ sở dữ liệu	TS. Nguyễn Tuấn Dương (Tr. nhóm) ThS. Ngô Đức Tuấn ThS. Chu Thế Hòa	Từ ngày 02 đến ngày 20 /8/2016	
4	Tiêu chuẩn 7; 8 và mục V phần Cơ sở dữ liệu	TS. Nguyễn Tuấn Điệp (Tr. nhóm) ThS. Diêm Tuyết Mai T.s. Cấn Văn Toàn Th.s: Đỗ Ngọc Diên	Từ ngày 02 đến ngày 20 /8/2016	
5	Tiêu chuẩn: 9 và các mục từ 39-43 thuộc mục VI phần Cơ sở dữ liệu	ThS. Nguyễn Thị Hoài Trang (Tr. nhóm) T.s. Phùng Gia Hưng CN Nguyễn Văn Hòa Th.s. Nguyễn Văn Hảo Th.s: Phạm Văn Vân	Từ ngày 02 đến ngày 20 /8/2016	
6	Tiêu chuẩn: 10 và các mục 44-45 thuộc mục VI phần Cơ sở dữ liệu	CN. Nguyễn Đăng Chung (Tr. nhóm) ThS. Trần Thế Hiệp CN. Bùi Phương Thùy	Từ ngày 02 đến ngày 20 /8/2016	
7	Lập hộp và số hóa tài liệu minh chứng	Th.s: Lê Đình Hải (Tr. Nhóm) Th.s: Vũ Thị Hoài Thu Th.s: Phan Văn Cương CN: Trịnh Thị Huyền	15/10/ 2016	

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động tự đánh giá, thời gian cần được cung cấp.

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động	Ghi chú
1	Sứ mạng và mục tiêu của trường ĐH Nông – Lâm Bắc Giang	- Khai thác thông tin lưu trữ	Các tài liệu minh chứng theo yêu cầu thể hiện trong phụ lục 4(Từ trang 1-2)	Trước ngày 30 /8/2016	
2	Tổ chức quản lý	- Khai thác thông tin lưu trữ	Các tài liệu minh chứng theo yêu cầu thể hiện trong phụ lục 4(Từ trang 2 – 7)	Trước ngày 30 /8/2016	
3	Chương trình giáo dục	- Khai thác thông tin lưu trữ	Các tài liệu minh chứng theo yêu cầu thể hiện trong phụ lục 4(Từ trang 7 – 12)	Trước ngày 30 /8/2016	
4	Hoạt động đào tạo	- Khai thác thông tin lưu trữ	Các tài liệu minh chứng theo yêu cầu thể hiện trong phụ lục 4 (Từ trang 12 – 16)	Trước ngày 30 /8/2016	
5	Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	- Khai thác thông tin lưu trữ	Các tài liệu minh chứng theo yêu cầu thể hiện trong phụ lục 4 (Từ trang 16 – 20)	Trước ngày 30 /8/2016	
6	Người học	- Khai thác thông tin lưu trữ - Lấy ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên	Các tài liệu minh chứng theo yêu cầu thể hiện trong phụ lục 4 (Từ trang 20 – 25)	Trước ngày 30 /08/2016	

		khi tốt nghiệp hệ Cao đẳng và đại học			
7	Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	- Khai thác thông tin lưu trữ	Các tài liệu minh chứng theo yêu cầu thể hiện trong phụ lục 4 (Từ trang 25 – 28)	Trước ngày 30 /8/2016	
8	Hoạt động hợp tác quốc tế	- Khai thác thông tin lưu trữ	Các tài liệu minh chứng theo yêu cầu thể hiện trong phụ lục 4 (Từ trang 28– 31)	Trước ngày 30 /08/2016	
9	Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	- Khai thác thông tin lưu trữ	Các tài liệu minh chứng theo yêu cầu thể hiện trong phụ lục 4 (Từ trang 31 – 38)	Trước ngày 30 /08/2016	
10	Tài chính và quản lý hành chính	- Khai thác thông tin lưu trữ	Các tài liệu minh chứng theo yêu cầu thể hiện trong phụ lục 4 (Từ trang 38 – 40)	Trước ngày 30 /8/2016	

5. Công cụ đánh giá

Sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & ĐT, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 37/2012/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & ĐT và các tài liệu hướng dẫn khác.

6. Kế hoạch thu thập thông tin ở ngoài nhà trường (nếu cần)

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

Kinh phí do phòng Chính trị & QLSV và phòng Tài chính – kế toán chuẩn bị

7. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài (nếu cần)

Thuê thẩm định báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo lần 2.

8. Kinh phí tự đánh giá: 125.000.000(một trăm hai lăm triệu đồng)

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá dự kiến theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
	- Hợp Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá; - Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Hợp Hội đồng tự đánh giá để: + Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; + Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; + Phân công dự thảo kế hoạch tự đánh giá; + Dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ được giao. - Tiến hành dự thảo kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 1 Từ 01/08- 07/08	- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa, phòng, ban...); - Tổ chức Hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, các cán bộ chủ chốt của nhà trường, khoa, phòng, ban... (do cán bộ của trường tham gia khoá tập huấn về tự đánh giá hoặc phối hợp với chuyên gia từ bên ngoài để tổ chức Hội thảo); - Hoàn thành bản dự thảo kế hoạch tự đánh giá. - Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.
Tuần 2-4 Từ 08-28 /8/2016	- Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá; - Thu thập thông tin và minh chứng; - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được;

	- Mô tả thông tin và minh chứng thu được; - Phân tích, lý giải các kết quả đạt được;
Tuần 5 Từ 29/8-04 /9/2016	Hợp Hội đồng tự đánh giá để: - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung; - Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương chi tiết.
Tuần 6 Từ 05-11 /9/2016	- Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết) - Hợp Hội đồng tự đánh giá để thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá
Tuần 7 Từ 12-18/9/016	- Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết); - Các cuộc họp bổ sung (nếu cần thiết); - Dự thảo báo cáo tự đánh giá; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.
Tuần 8 Từ 19-25/9/2016	- Hội đồng tự đánh giá họp với các khoa, bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 9 Từ 26/9-02/10/016	- Hợp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa; - Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp.
Tuần 10 Từ 03-09/10/016	- Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá - Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường)
Tuần 11-14 Từ 10-30 /10/016	- Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn; - Lưu trữ bản báo cáo tự đánh giá; - Gửi các file báo cáo về Cục KTKĐCLGD.

Tuần 15 -17 Từ 01 -25 /11/2016	- Thuê thẩm định báo cáo và hiệu chỉnh báo cáo
--------------------------------------	--



Số: 4192/QĐ-ĐHNLBG-TCCB

Bắc Giang, ngày 03 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá
Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 4790/QĐ-BNN-TCCB ngày 03/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý công chức, viên chức của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang gồm các cán bộ, viên chức có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá Trường theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng KT&ĐBCLĐT, Trưởng các đơn vị công tác có liên quan và các cán bộ, viên chức có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *✓*

- BGH;
- CT HĐT;
- Như điều 3;
- Lưu: TCCB, VT.



TS. Nguyễn Quang Hà



DANH SÁCH

Thành viên Hội đồng tự đánh giá

(Kèm theo Quyết định số: 1192/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	TS. Nguyễn Quang Hà	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	TS. Đoàn Văn Soạn	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	TS. Nguyễn Tuấn Điệp	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
4	TS. Nguyễn Bình Nhựt	Chủ tịch Hội đồng trường	Ủy viên
5	Ths. Nguyễn Việt Đức	Trưởng phòng KT&ĐBCLĐT	UVTT, Thư ký
6	TS. Đặng Xuân Anh	Trưởng phòng TCCB	Ủy viên
7	Ths. Trần Văn Châu	Q. Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
8	TS. Nguyễn Tuấn Dương	Trưởng phòng CT-QLSV	Ủy viên
9	Ths. Nguyễn Thị Hoài Trang	Trưởng phòng HCTH	Ủy viên
10	TS. Cấn Văn Toàn	P.Trưởng phòng KH&HTQT	Ủy viên
11	Ths. Nguyễn Đăng Chung	Trưởng phòng TC-KT	Ủy viên
12	TS. Mai Thị Huyền	Trưởng khoa KT-TC	Ủy viên
13	TS. Nguyễn Văn Vượng	Trưởng khoa Nông học	Ủy viên
14	TS. Trần Đức Hoàn	Phó trưởng khoa CNTY	Ủy viên
15	TS. Nguyễn Văn Bài	Trưởng khoa TN&MT	Ủy viên
16	TS. Nguyễn Văn Lục	Trưởng khoa CNTP	Ủy viên
17	TS. Nguyễn Văn Hoàn	Trưởng khoa Lâm Nghiệp	Ủy viên
18	Ths. Nguyễn Thị Kim Nhung	Chủ tịch Công đoàn trường	Ủy viên
19	Ths. Đàm Thuận Minh Bình	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên
20	Ths. Chu Thế Hòa	Trưởng ban thanh tra nhân dân	Ủy viên
21	TS. Phùng Gia Hưng	Trưởng phòng Thiết bị và đầu tư	Ủy viên
22	Ths. Phạm Văn Vân	Giám đốc Trung tâm TTTV	Ủy viên
23	Ths. Trần Văn Hải	PGĐ Trung tâm tuyển sinh và tư vấn việc làm	Ủy viên

(Danh sách gồm có 23 người)

vke



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Ông Nguyễn Việt Đức	Trưởng phòng KT&ĐBCLĐT	Trưởng Ban
2	Bà Phạm Thị Hồng Thắm	Phòng KT&ĐBCLĐT	Ủy viên
3	Ông Đặng Xuân Anh	Trưởng phòng TCCB	Ủy viên
4	Ông Trần Văn Châu	Q. Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
5	Ông Nguyễn Tuấn Dương	Trưởng phòng CT-QLSV	Ủy viên
6	Ông Cấn Văn Toàn	P.Trưởng phòng KH&HTQT	Ủy viên
7	Bà Nguyễn Thị Hoài Trang	Trưởng phòng HCTH	Ủy viên
8	Ông Nguyễn Đăng Chung	Trưởng phòng TC-KT	Ủy viên
9	Ông Lê Đình Hải	P.Trưởng phòng KT&ĐBCLĐT	Ủy viên
10	Bà Trịnh Thị Huyền	Phòng KT&ĐBCLĐT	Ủy viên
11	Ông Phan Văn Cường	Phòng KT&ĐBCLĐT	Ủy viên
12	Ông Nguyễn Hải Nam	Phòng KT&ĐBCLĐT	Ủy viên

VHL

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH & NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG



Nhóm	Danh sách nhóm	Các thông tin phục vụ Báo cáo tự đánh giá
1	TS. Đặng Xuân Anh (Tr. nhóm) Ths. Thân Thế Hùng CN. Nguyễn Thị Minh Huệ Ths. Tạ Thị Thảo	Các tiêu chuẩn: 1,2 & 5 và các mục I; II; III; phần Cơ sở dữ liệu
2	Ths. Trần Văn Châu (Tr. nhóm) TS. Nguyễn Mạnh Hùng Ths. Đàm Thuận Minh Bình Ths. Trần Văn Hải	Các tiêu chuẩn: 3&4.
3	TS. Nguyễn Tuấn Dương (Tr. nhóm) Ths. Ngô Đức Tuấn Ths. Phạm Minh Đức	Tiêu chuẩn 6 và mục IV phần Cơ sở dữ liệu
4	TS. Cấn Văn Toàn (Tr. nhóm) Ths. Diêm Tuyết Mai CN. Dương Thị Hương Giang	Tiêu chuẩn 7; 8 và mục V phần Cơ sở dữ liệu
5	Ths. Nguyễn Thị Hoài Trang (Tr. nhóm) TS. Phùng Gia Hưng Ths. Chu Thế Hòa Ths. Nguyễn Văn Hảo Ths. Phạm Văn Vân CN. Nguyễn Văn Công	Tiêu chuẩn: 9 và các mục từ 39-43 thuộc mục VI phần Cơ sở dữ liệu
6	Ths. Nguyễn Đăng Chung (Tr. nhóm) Ths. Trần Thế Hiệp CN. Bùi Phương Thùy	Tiêu chuẩn: 10 và các mục 44-45 thuộc mục VI phần Cơ sở dữ liệu
7	ThS. Nguyễn Việt Đức (Tr. nhóm) CN. Phạm Thị Hồng Thắm TS. Nguyễn Văn Vượng Ths. Lê Đình Hải CN. Nguyễn Hải Nam Ths. Phan Văn Cương CN. Trịnh Thị Huyền	- Viết kế hoạch tự đánh giá - Dự toán kinh phí tự đánh giá. - Nhận thông tin đánh giá các tiêu chuẩn tiêu chí - Mã hóa, lập hộp và số hóa tài liệu minh chứng - Viết mục VII phần cơ sở dữ liệu - Tổng hợp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá